

Số: 410 /UBND-KGVX
V/v tăng cường, quyết liệt
các biện pháp phòng, chống
dịch COVID-19

Hưng Yên, ngày 25 tháng 02 năm 2022

Kính gửi:
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố.

Những ngày gần đây, tình hình dịch COVID-19 trên cả nước nói chung và tỉnh Hưng Yên nói riêng tiếp tục diễn biến phức tạp với số ca mắc mới tăng cao mỗi ngày; nhiều ca F0 trong cộng đồng không có triệu chứng, không xác định được nguồn lây, có hiện tượng F0, F1 không khai báo, tự sử dụng thuốc điều trị covid-19 không theo hướng dẫn của ngành y tế, tiềm ẩn nhiều rủi ro về sức khỏe, khó kiểm soát nguồn lây; chính quyền cơ sở, doanh nghiệp và một bộ phận người dân có tâm lý lơ là, chủ quan, thực hiện không nghiêm những quy định về công tác phòng, chống dịch, đặc biệt không tuân thủ yêu cầu 5K, làm phát sinh nhiều trường hợp lây nhiễm trong cộng đồng, khó kiểm soát, ảnh hưởng tiêu cực tới sức khỏe của nhân dân, hoạt động của cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp.

Nhằm kiểm soát tốt tình hình dịch bệnh, hạn chế thấp nhất mức độ lây lan dịch trên địa bàn tỉnh trong điều kiện thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 thời gian tới; UBND tỉnh yêu cầu:

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, đặc biệt là Công điện số 170/CĐ-TTg ngày 23/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Công điện số 235/CĐ-BYT ngày 21/2/2022 của Bộ Y tế. Tuyên truyền nâng cao ý thức trách nhiệm, chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch trong cộng đồng dân cư, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở y tế, giáo dục.

Các cơ quan, đơn vị tổ chức đoàn đi công tác ngoài tỉnh phải có kế hoạch, cam kết đảm bảo an toàn phòng, chống dịch theo quy định, được sự đồng ý của Trưởng Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch cấp quản lý, hạn chế tối đa số lượng thành phần đoàn công tác theo tính chất công việc; không tổ chức thăm quan, du lịch, nghi lễ tôn giáo...

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị hành chính Nhà nước phải gương mẫu trong việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch tại cơ quan, đơn vị, địa phương; có việc cần thiết ra ngoài tỉnh phải báo cáo xin phép thủ trưởng cơ quan và thực hiện quy định khai báo y tế, cách ly

theo quy định; người hăng ngày đi lại, làm việc giữa Hưng Yên và các tỉnh lân cận phải thực hiện nghiêm “một cung đường, hai điểm đến”; không tự ý đi lễ chùa, đi du lịch và các yêu cầu khác quy định tại Thông báo số 464/TB-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh.

2. Sở Y tế

- Chỉ đạo cơ sở y tế ở địa phương tối giản quy trình, thủ tục để tạo thuận lợi cho người dân đi lại thực hiện thủ tục khai báo, xét nghiệm, xác nhận; bố trí đủ lực lượng tiếp nhận, hướng dẫn những người thuộc nhóm nguy cơ (F1) đến khai báo, làm xét nghiệm nhanh tại cơ sở y tế (thời gian 24/7); khuyến khích người dân chủ động chuẩn bị vật tư y tế tại nhà, tự mang bộ test nhanh đến làm xét nghiệm trực tiếp tại cơ sở y tế, nơi đến làm việc, hoặc làm tự xét nghiệm tại nhà và gửi kết quả qua mạng xã hội theo đúng hướng dẫn của cơ quan y tế.

- Điều phối, phân tầng điều trị kịp thời, phù hợp để hạn chế tối đa nguy cơ tử vong; bảo đảm trang thiết bị y tế, oxy y tế, máy thở, giường cấp cứu và các điều kiện cần thiết, tuân thủ phác đồ trong điều trị COVID-19 của Bộ Y tế.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, UBND huyện, thị xã, thành phố đảm bảo việc cấp phát miễn phí đủ thuốc điều trị Covid-19 cho người bệnh, kể cả người bệnh điều trị tại nhà, nơi lưu trú.

- Phối hợp với UBND huyện, thị xã, thành phố tiếp tục tổ chức hiệu quả chiến dịch tiêm chủng Mùa Xuân và Công điện số 170/CD-TTg ngày 23/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

3. UBND huyện, thị xã, thành phố

- Thường xuyên rà soát, cập nhật cấp độ dịch tại địa phương đến từng thôn, phố; căn cứ tình hình cấp độ dịch trên địa bàn, chủ động áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp, quản lý chặt chẽ các hoạt động theo cấp độ dịch ở địa phương, tuyệt đối không để dịch bệnh lây lan.

- Tăng cường triển khai xét nghiệm tầm soát phát hiện F0 đối với người thuộc nhóm nguy cơ, người sống, làm việc chung, người cùng gia đình với F0 để đảm bảo việc tầm soát, phát hiện sớm và điều trị kịp thời.

- Thực hiện nghiêm, quyết liệt, triệt để việc truy vết F1 triệt để, thông báo danh sách ở cấp thôn, khu phố để Tổ COVID cộng đồng để giám sát, cách ly theo đúng quy định.

- Tổ chức tiêm vắc xin thần tốc hơn nữa, hoàn thành tiêm mũi 3 cho đối tượng trên 18 tuổi trong tháng 2/2022, mũi 3 cho đối tượng từ 12-17 tuổi trước ngày 15/3/2022, chuẩn bị điều kiện triển khai ngay việc tiêm mũi 1 cho trẻ từ 5-11 tuổi trong tháng 3/2022; “đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người”, tổ chức tiêm lưu động, đặc biệt quan tâm đến người cao tuổi, người có bệnh nền, người không đi lại được và người yếu thế, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động những người chưa tiêm đủ vắc xin, các bậc phụ huynh khẩn trương, tích cực cho con đi tiêm chủng kịp thời, đảm bảo an toàn theo quy định.

- Chủ động rà soát hệ thống y tế cơ sở, trạm y tế lưu động, cơ sở thu dung điều trị F0, để có kế hoạch dự phòng, giải pháp cụ thể, đảm bảo về trang thiết bị y tế, thuốc, nguồn nhân lực y tế (sinh viên các trường cao đẳng, đại học, các y, bác sĩ nghỉ hưu, tình nguyện viên, nhân viên quây thuốc tư nhân...) tham gia, phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 khi cần thiết, tránh bị động.

- Chỉ đạo hệ thống truyền thanh cơ sở tuyên truyền, hướng dẫn người mắc COVID-19 theo dõi sức khỏe, cách ly điều trị tại nhà bằng hình thức thiết thực, hiệu quả (lập nhóm trên mạng xã hội, phát bản tin, in tờ rơi đến hộ gia đình...); tăng cường sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội trong khai báo, quản lý, cập nhật thông tin, diễn biến tình hình dịch bệnh, tư vấn sức khỏe, tạo mọi điều kiện nhanh nhất, đơn giản nhất xác nhận, chứng nhận F0, F1 để người lao động hoàn thiện thủ tục hưởng các chế độ theo quy định.

4. Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm đôn đốc, thúc đẩy hoàn thành tiêm vắc xin mũi 3 cho người từ 12 tuổi trở lên trước ngày 15/3/2022, triển khai sớm nhất việc tiêm vắc xin cho trẻ từ 5-11 tuổi ngay sau khi được cấp phát; đặc biệt quan tâm người cao tuổi, người có bệnh nền và trẻ em; thường xuyên phối hợp, chỉ đạo đăng, phát tin bài trên hệ thống truyền thanh cơ sở, tuyên truyền lưu động để người dân không được chủ quan, lơ là, thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch, kiên trì, thường xuyên thực hiện tốt yêu cầu 5K cộng vắc xin. Tổ chức tốt việc quản lý, treo biển, theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ những gia đình có F0 điều trị tại nhà về điều kiện chăm sóc y tế, thu gom rác thải sinh hoạt và những điều kiện cần thiết khác; không khóa cổng, cửa, niêm phong nơi cách ly của F0, F1. Tăng cường xử phạt nghiêm minh đối với tất cả những người vi phạm trong công tác phòng, chống dịch.

5. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND cấp huyện chịu trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các doanh nghiệp theo phân cấp quản lý, thực hiện nghiêm công tác phòng, chống dịch; đẩy nhanh tiến độ tiêm vắc xin, đảm bảo hoàn thành tiêm mũi 3, mũi nhắc lại trong tháng 02/2022; tổ chức xét nghiệm sàng lọc định kỳ đối với người lao động theo hướng dẫn của ngành y tế. Các doanh nghiệp, người sử dụng lao động phải thường xuyên tuyên truyền, quán triệt, thực hiện tốt các quy định phòng, chống dịch trong công ty, nhà máy, cơ sở sản xuất; tạo mọi điều kiện để công nhân, người lao động thực hiện tốt quy định phòng, chống dịch ở nơi cư trú, được tự cách ly tại nơi làm việc (nếu đủ điều kiện chăm sóc, điều trị); kịp thời đề xuất, kiến nghị, phản ánh với chính quyền địa phương nếu gặp khó khăn, vướng mắc trong công tác phòng, chống dịch; tuyệt đối không được giấu giếm, sử dụng người lao động là F0, F1 làm việc (nếu đã xác định được), để dịch lây lan, bùng phát tại doanh nghiệp.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với ngành y tế và chính quyền địa phương hướng dẫn đến 100% các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh về công tác

phòng, chống dịch COVID-19 khi tổ chức dạy, học trực tiếp ban hành kèm theo Công văn số 796/BYT-MT ngày 21/02/2022 của Bộ Y tế và Sổ tay bảo đảm an toàn phòng, chống dịch COVID-19 trong trường học ban hành kèm theo Quyết định số 543/QĐ-BGDĐT ngày 23/02/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chỉ đạo, hướng dẫn phụ huynh, học sinh thực hiện test COVID-19 cho học sinh trước khi đến trường đúng quy định.

7. Giao Văn phòng UBND tỉnh và Sở Y tế thường xuyên theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao; hằng ngày báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh diễn biến tình hình dịch bệnh, kịp thời đề xuất, kiến nghị biện pháp phòng, chống dịch phù hợp theo tình hình thực tế./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên BCĐ tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Hưng Yên;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, TGV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng
Yên
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 25/02/2022 14:05:10

Trần Quốc Văn

**UBND HUYỆN VĂN GIANG
PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 54 /GD&ĐT-CTTT
V/v tăng cường phòng, chống dịch COVID-19
đảm bảo an toàn trong các cơ sở giáo dục

Văn Giang, ngày 25 tháng 02 năm 2022

Kính gửi:

- Các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trong huyện;
- Trường Tiểu học và THCS Phụng Công;
- Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp- Giáo dục thường xuyên huyện;
- Các lớp Mầm non độc lập trong huyện.

Thực hiện Công văn số 123/UBND-VP ngày 25/02/2022 của UBND huyện Văn Giang về tăng cường, quyết liệt các biện pháp phòng, chống COVID-19; Công văn số 313/SGDĐT-CTTT-GDCN ngày 25/02/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên về việc tăng cường đảm bảo an toàn, phòng, chống dịch trong các cơ sở giáo dục;

Nhằm tăng cường công tác đảm bảo an toàn, phòng, chống dịch Covid-19 trong trường học, Phòng Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các cơ sở giáo dục thực hiện các nội dung sau:

1. Tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, của huyện về phòng, chống Covid-19, đặc biệt là Công điện số 170/CĐ-TTg ngày 23/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ, và Công điện số 235/CĐ-BYT ngày 21/02/2022 của Bộ Y tế.

- Tuyên truyền nâng cao ý thức trách nhiệm, chủ động thực hiện các biện pháp phòng chống dịch tại các nhà trường, lớp mầm non (sau đây gọi chung là các cơ sở giáo dục);

- Các cơ sở giáo dục tổ chức đoàn đi công tác ngoài tỉnh phải báo cáo và được sự đồng ý của Ban chỉ đạo phòng chống dịch xã, thị trấn và Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện; không tổ chức tham quan, du lịch ...

- Cán bộ, giáo viên, người lao động tại các cơ sở giáo dục phải gương mẫu thực hiện các biện pháp phòng chống dịch tại đơn vị và tại nơi cư trú; nếu có việc cần thiết ra ngoài tỉnh phải báo cáo người đứng đầu đơn vị và thực hiện nghiêm việc khai báo y tế, cách ly theo quy định; không tự ý đi lễ chùa, đi du lịch; thực hiện nghiêm các yêu cầu khác tại Thông báo số 464/TB-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Hưng Yên.

2. Các cơ sở giáo dục thực hiện tốt các biện pháp đảm bảo an toàn, phòng chống Covid-19, cụ thể:

- Cập nhật sử dụng tài liệu “Sổ tay đảm bảo an toàn, phòng, chống dịch Covid-19 trong trường học (sửa đổi, bổ sung lần 2) để đánh giá và thực hiện các biện pháp, phương án phòng, chống dịch Covid-19, đảm bảo an toàn trường học.

- Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với cơ quan y tế địa phương và phụ huynh học sinh trong việc theo dõi, quản lý sức khỏe của học sinh, xác định chính xác thông tin các trường hợp học sinh là F0. Rà soát, sàng lọc các đối tượng cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh là F0, F1 để chủ động kiểm soát tình hình, không để các trường hợp F0, F1 tới trường, không để phát sinh F0 tại trường do không thực hiện tốt quy định 5K .

- Bám sát tình hình dịch tại địa bàn, chủ động tham mưu điều chỉnh kịp thời hoạt động dạy học phù hợp tình hình dịch, đảm bảo các quy định phòng chống dịch. Tiếp tục tuyên truyền để cha mẹ học sinh đồng thuận với việc tổ chức dạy học của nhà trường, đồng hành với nhà trường trong các hoạt động dạy học trực tiếp, trực tuyến.

3. Để có thông tin xử lý, báo cáo UBND huyện, Sở Giáo dục và Đào tạo hàng ngày về tình hình dịch bệnh trong các nhà trường, yêu cầu Hiệu trưởng các nhà trường kiểm duyệt, đảm bảo tính chính xác các thông tin dịch bệnh trước khi tổng hợp, báo cáo các đơn vị cấp trên theo thời gian quy định. Hiệu trưởng nhà trường chịu trách nhiệm về tính chính xác, đủ của thông tin báo cáo.

(Báo cáo số liệu trước 15h00 hàng ngày, Báo cáo danh sách F0,F1 hàng tuần trước 15 giờ ngày Chủ nhật. Báo cáo tiếp tục thực hiện trên các bảng tính do các bộ phận chuyên môn gửi tới các cơ sở giáo dục).

Yêu cầu các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Phòng;
- Công TTĐT Phòng GD&ĐT;
- Lưu:VT, CTTT.

TRƯỞNG PHÒNG



Đào Thị Bích Ngọc

Số: 41/PGD&ĐT-GDTH
V/v tham dự Hội nghị giới thiệu SGK lớp 3
Chương trình giáo dục phổ thông 2018

Văn Giang, ngày 21 tháng 02 năm 2022

Kính gửi:

- Các trường Tiểu học trong huyện;
- Trường Tiểu học và THCS Phụng Công.

Thực hiện Công văn số 253/SGDDĐT-GDTrH-GDTrX ngày 18/02/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên về việc giới thiệu SGK lớp 3, 7, 10 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, Phòng Giáo dục và Đào tạo thông báo và yêu cầu các nhà trường tham dự Hội nghị giới thiệu sách giáo khoa lớp 3 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Cụ thể như sau:

1. Hình thức: Trực tuyến trên nền tảng Zoom Meetings, link truy cập và Chương trình Hội nghị theo Phụ lục gửi kèm.

2. Thời gian

a) Các bộ sách của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam

Từ 8h00 ngày 23 tháng 02 năm 2022

b) Bộ sách Cánh Diều

Từ 8h00 ngày 24 tháng 02 năm 2022.

Ban Tổ chức Hội nghị thực hiện test đường truyền từ hồi 14h00 ngày 22/02/2022, (Thông tin tổ chức Hội nghị sẽ gửi sau qua email các đơn vị).

3. Địa điểm

- Các đơn vị chủ động bố trí địa điểm phòng họp trực tuyến đảm bảo an toàn phòng chống dịch;

- Số lượng Điểm cầu: Mỗi trường bố trí 01 điểm cầu; phòng GD&ĐT bố trí 01 điểm cầu.

4. Thành phần

Cán bộ quản lý nhà trường, Tổ trưởng chuyên môn, giáo viên cốt cán các môn học/hoạt động giáo dục, giáo viên dự kiến tham gia giảng dạy các môn học/hoạt động giáo dục của lớp 3 năm học 2022-2023.

5. Công tác chuẩn bị

Đề tham gia Hội nghị giới thiệu các sách giáo khoa giáo dục phổ thông đạt hiệu quả, yêu cầu các đơn vị thực hiện những nội dung sau:

- Lựa chọn địa điểm đặt phòng họp, lắp đặt thiết bị đảm bảo yêu cầu kỹ thuật để tổ chức Hội nghị trực tuyến;

- Đảm bảo quy định về công tác phòng, chống dịch Covid-19;
- Các đơn vị lập danh sách đại biểu dự Hội nghị (qua Google trang tính) hoàn thành trước 14h00 ngày 22/02/2022.

Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị Hiệu trưởng các nhà trường tổ chức thực hiện đảm bảo đúng thành phần, số lượng và thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Phòng;
- Công TTĐT Phòng GD&ĐT;
- Lưu: VT, TCCB.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Lê Thị Tĩnh

PHỤ LỤC 1
CHƯƠNG TRÌNH HỘI NGHỊ GIỚI THIỆU SÁCH
GIÁO KHOA BỘ SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN GIÁO
DỤC VIỆT NAM

1. Chương trình Hội nghị

Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
8h00 – 8h10	Khai mạc Hội nghị	SGD&ĐT – NXBGDVN
8h10 – 8h45	Giới thiệu SGK Tiếng Việt 3 (Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tác giả SGK
8h45 – 9h15	Giới thiệu SGK Tự nhiên và Xã hội 3 (Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tác giả SGK
9h15 – 9h40	Giới thiệu SGK Công nghệ 3 (Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tác giả SGK
9h40 – 9h55	Nghỉ giải lao	<i>Clip giới thiệu công tác biên soạn và xuất bản 2 bộ SGK của NXBGDVN</i>
9h55 – 10h30	Giới thiệu SGK Toán 3 (Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tác giả SGK
10h30 – 10h55	Giới thiệu SGK Tin học 3 (Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tác giả SGK
10h55 – 11h25	Giới thiệu SGK Hoạt động trải nghiệm 3 (Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tác giả SGK
11h25 – 11h30	Tổng kết, bế mạc	SGD&ĐT – NXBGDVN

2. Cách thức đăng nhập phòng họp

a) Tham gia theo link:

<https://zoom.us/j/97674252747?pwd=OHZLZXBrOTJFa1FJS2NtU09OME1iQT09>

b) Tham gia theo địa chỉ ID:

ID cuộc họp: 976 7425 2747

Mật mã: 20222022

PHỤ LỤC 2
CHƯƠNG TRÌNH HỘI NGHỊ GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA
BỘ SÁCH CÁNH DIỀU

(Thông tin tổ chức Hội nghị sẽ gửi sau qua email các đơn vị)

Số: **43** /GD&ĐT-THCS

V/v điều chỉnh phương án tổ chức dạy học phòng, chống dịch Covid-19 đối với trẻ MN, học sinh từ lớp 1 đến lớp 6

Văn Giang, ngày **21** tháng 02 năm 2022

Kính gửi:

- Các trường MN, TH, THCS trên địa bàn huyện;
- Trường TH&THCS Phụng Công;
- Trung tâm GDNN-GDTX huyện.

Căn cứ Công văn số 269/SGDĐT-CTTT-GDCN ngày 20/02/2022 của Sở GD&ĐT về việc điều chỉnh phương án tổ chức dạy học phòng, chống dịch Covid-19 đối với trẻ MN, học sinh từ lớp 1 đến lớp 6; Phòng Giáo dục và Đào tạo thông báo điều chỉnh thời gian, phương án tổ chức dạy học đảm bảo phòng, chống dịch Covid-19 đối với trẻ mầm non, học sinh từ lớp 1 đến lớp 6 như sau:

- Tạm dừng đến trường học trực tiếp đối với học sinh lớp 1; chuyển sang dạy học trực tuyến.

- Chưa tổ chức dạy học trực tiếp, tiếp tục tổ chức dạy học trực tuyến đối với học sinh từ lớp 2 đến lớp 6.

- Chưa cho trẻ mầm non đến trường; tiếp tục thực hiện hỗ trợ, hướng dẫn phụ huynh học sinh chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhà.

- Việc tạm dừng, chưa tổ chức cho trẻ mầm non, học sinh từ lớp 1 đến lớp 6 đến trường học trực tiếp được thực hiện từ ngày 21/02/2022 cho đến khi có thông báo mới.

Các nhà trường bám sát tình hình diễn biến dịch bệnh tại địa phương, trong nhà trường để có giải pháp tiếp tục tổ chức dạy học linh hoạt, đảm bảo an toàn, phòng chống dịch đối với học sinh từ lớp 7 đến lớp 12. Đối với các lớp học trực tuyến, tiếp tục bám sát các văn bản chỉ đạo của Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT để tổ chức dạy học, đảm bảo hiệu quả, chất lượng dạy học trực tuyến.

Yêu cầu các nhà trường trên địa bàn huyện khẩn trương triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị liên hệ Phòng GD&ĐT (qua bộ phận chuyên môn của bậc học) để được hỗ trợ, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, THCS.



Đào Thị Bích Ngọc

UBND HUYỆN VĂN GIANG
PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

Số: 46/PGD&ĐT-TKKH

V/v đẩy mạnh thực hiện công tác bảo vệ cảnh quan môi trường trong xây dựng nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu năm 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Văn Giang, ngày 23 tháng 02 năm 2022

Kính gửi:

- Các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trong huyện;
- Trường Tiểu học và THCS Phụng Công;
- Các Lớp mầm non độc lập trong huyện.

Thực hiện Công văn số 271/SGDDĐT-KHTC ngày 21/02/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên về việc đẩy mạnh thực hiện công tác bảo vệ cảnh quan môi trường trong xây dựng nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu năm 2022; Để tạo cảnh quan, môi trường trong trường học được gìn giữ sạch sẽ và ngày một tốt đẹp hơn, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của cán bộ giáo viên và học sinh, đồng thời hoàn thành tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu năm 2022; Phòng Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các đơn vị thực hiện một số nhiệm vụ như sau:

1. Tiếp tục phát động toàn thể các cán bộ, giáo viên và học sinh ở tiền hành định kỳ, hàng tuần thực hiện tổng vệ sinh sạch sẽ trường lớp học; thường xuyên thực hiện dọn dẹp cây dại, cỏ dại, rác thải, phế liệu, phế thải xung quanh nhà trường và dọc cổng chính vào trường...

2. Tổ chức phát động trồng hoa, cây xanh trong trường học và ngoài cổng trường... tạo môi trường xanh - sạch - đẹp, với phương châm "sạch từ nhà ra trường", để thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu góp phần xây dựng vùng nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn huyện; thực hiện tốt việc động viên, khen thưởng kịp thời các cá nhân, tập thể làm tốt; đồng thời có hình thức nhắc nhở, phê bình các tập thể, cá nhân thực hiện chưa tốt.

3. Tiếp tục tuyên truyền, vận động cán bộ, giáo viên và học sinh nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường; không vứt rác bừa bãi ra môi trường xung quanh; không để phế liệu, phế thải gần nhà trường gây mất cảnh quan môi trường trong trường học; khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại các trường học.

Phòng Giáo dục và Đào tạo yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện tốt các nội dung trên ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Phòng;
- Công TTĐT Phòng GD&ĐT;
- Lưu: VT, TKKH.



Đào Thị Bích Ngọc

UBND HUYỆN VĂN GIANG
PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

Số: 46/PGD&ĐT-TKKH

V/v đẩy mạnh thực hiện công tác bảo vệ cảnh quan môi trường trong xây dựng nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu năm 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Văn Giang, ngày 23 tháng 02 năm 2022

Kính gửi:

- Các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trong huyện;
- Trường Tiểu học và THCS Phụng Công;
- Các Lớp mầm non độc lập trong huyện.

Thực hiện Công văn số 271/SGDDĐT-KHTC ngày 21/02/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên về việc đẩy mạnh thực hiện công tác bảo vệ cảnh quan môi trường trong xây dựng nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu năm 2022; Để tạo cảnh quan, môi trường trong trường học được gìn giữ sạch sẽ và ngày một tốt đẹp hơn, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của cán bộ giáo viên và học sinh, đồng thời hoàn thành tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu năm 2022; Phòng Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các đơn vị thực hiện một số nhiệm vụ như sau:

1. Tiếp tục phát động toàn thể các cán bộ, giáo viên và học sinh ở tiền hành định kỳ, hàng tuần thực hiện tổng vệ sinh sạch sẽ trường lớp học; thường xuyên thực hiện dọn dẹp cây dại, cỏ dại, rác thải, phế liệu, phế thải xung quanh nhà trường và dọc cổng chính vào trường...

2. Tổ chức phát động trồng hoa, cây xanh trong trường học và ngoài cổng trường... tạo môi trường xanh - sạch - đẹp, với phương châm "sạch từ nhà ra trường", để thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu góp phần xây dựng vùng nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn huyện; thực hiện tốt việc động viên, khen thưởng kịp thời các cá nhân, tập thể làm tốt; đồng thời có hình thức nhắc nhở, phê bình các tập thể, cá nhân thực hiện chưa tốt.

3. Tiếp tục tuyên truyền, vận động cán bộ, giáo viên và học sinh nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường; không vứt rác bừa bãi ra môi trường xung quanh; không để phế liệu, phế thải gần nhà trường gây mất cảnh quan môi trường trong trường học; khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại các trường học.

Phòng Giáo dục và Đào tạo yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện tốt các nội dung trên ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Phòng;
- Công TTĐT Phòng GD&ĐT;
- Lưu: VT, TKKH.



Đào Thị Bích Ngọc

UBND HUYỆN VĂN GIANG
PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

Số: 47/PGD&ĐT-TKKH
V/v hưởng ứng Chiến dịch Giờ Trái đất
năm 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Văn Giang, ngày 23 tháng 02 năm 2022

Kính gửi:

- Các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trong huyện;
- Trường Tiểu học và THCS Phụng Công;
- Các Lớp mầm non độc lập trong huyện.

Thực hiện Công văn số 286/SGDDĐT-KHTC, ngày 21/02/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên về việc hưởng ứng Chiến dịch Giờ Trái đất năm 2022; Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các đơn vị thực hiện một số nội dung sau:

- Tuyên truyền phổ biến để toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nắm được nội dung, ý nghĩa, cách thực hiện Chiến dịch Giờ Trái đất năm 2022;

- Tự nguyện thực hiện tắt đèn và các thiết bị điện không cần thiết trong thời gian 01 giờ vào thời điểm diễn ra các sự kiện Chiến dịch Giờ Trái đất từ 20h30' đến 21h30' ngày 26/3/2022.

- Tắt điện chiếu sáng sân, vườn, hành lang của trường, cơ sở trong thời gian diễn ra các hoạt động Giờ Trái đất năm 2022.

- Tuyên truyền, vận động các gia đình cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh "Tự nguyện" tắt giảm bóng đèn chiếu sáng và các thiết bị điện không cần thiết của gia đình mình. Tích cực hưởng ứng Chiến dịch Giờ Trái đất năm 2022.

Phòng Giáo dục và Đào tạo yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện tốt các nội dung trên. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Phòng;
- Công TTĐT Phòng GD&ĐT;
- Lưu: VT, TKKH.



Đào Thị Bích Ngọc

UBND HUYỆN VĂN GIANG
PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

Số: 48/PGD&ĐT-TKKH

V/v triển khai thực hiện Kế hoạch số 27/KH-
UBND ngày 15/2/2021 của UBND tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Văn Giang, ngày 23 tháng 02 năm 2022

Kính gửi:

- Các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trong huyện;
- Trường Tiểu học và THCS Phụng Công.

Thực hiện Công văn số 284/SGDDĐT-KHTC ngày 21/02/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 15/02/2022 của UBND tỉnh;

Để thực hiện tốt các nội dung Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 15/02/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 của Hội nghị lần thứ Mười một BCH Đảng bộ tỉnh khóa XIX; Chương trình phát triển Giáo dục và Đào tạo huyện Văn Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng 2030 của Huyện ủy Văn Giang, Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện các nội dung sau:

- Tổ chức quán triệt Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 08/10/2021 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 15/02/2022 của UBND tỉnh đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh thuộc đơn vị quản lý. (Văn bản gửi kèm Công văn này).

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU của Tỉnh ủy, Kế hoạch số 27/KH-UBND của UBND tỉnh của đơn vị phù hợp với tình hình thực tế; Kế hoạch xây dựng phải đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ theo từng giai đoạn cụ thể và đề ra các giải pháp phù hợp, mang tính đột phá.

- Tổ chức, triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ theo nội dung Nghị quyết số 12-NQ/TU, Kế hoạch số 27/KH-UBND của tỉnh; Chương trình phát triển Giáo dục và Đào tạo huyện Văn Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng 2030 của Huyện ủy, các Kế hoạch của ngành Giáo dục và Đào tạo huyện và Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo của đơn vị.

- Báo cáo việc triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định.

Phòng GD&ĐT yêu cầu các đơn vị thực hiện tốt các nội dung trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Phòng;
- Công TTĐT Phòng GD&ĐT;
- Lưu: VT, TKKH.



Đào Thị Bích Ngọc

UBND HUYỆN VĂN GIANG
PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

Số: 48/PGD&ĐT-TKKH

V/v triển khai thực hiện Kế hoạch số 27/KH-
UBND ngày 15/2/2021 của UBND tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Văn Giang, ngày 23 tháng 02 năm 2022

Kính gửi:

- Các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trong huyện;
- Trường Tiểu học và THCS Phụng Công.

Thực hiện Công văn số 284/SGDDĐT-KHTC ngày 21/02/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 15/02/2022 của UBND tỉnh;

Để thực hiện tốt các nội dung Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 15/02/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 của Hội nghị lần thứ Mười một BCH Đảng bộ tỉnh khóa XIX; Chương trình phát triển Giáo dục và Đào tạo huyện Văn Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng 2030 của Huyện ủy Văn Giang, Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện các nội dung sau:

- Tổ chức quán triệt Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 08/10/2021 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 15/02/2022 của UBND tỉnh đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh thuộc đơn vị quản lý. (Văn bản gửi kèm Công văn này).

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU của Tỉnh ủy, Kế hoạch số 27/KH-UBND của UBND tỉnh của đơn vị phù hợp với tình hình thực tế; Kế hoạch xây dựng phải đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ theo từng giai đoạn cụ thể và đề ra các giải pháp phù hợp, mang tính đột phá.

- Tổ chức, triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ theo nội dung Nghị quyết số 12-NQ/TU, Kế hoạch số 27/KH-UBND của tỉnh; Chương trình phát triển Giáo dục và Đào tạo huyện Văn Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng 2030 của Huyện ủy, các Kế hoạch của ngành Giáo dục và Đào tạo huyện và Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo của đơn vị.

- Báo cáo việc triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định.

Phòng GD&ĐT yêu cầu các đơn vị thực hiện tốt các nội dung trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Phòng;
- Công TTĐT Phòng GD&ĐT;
- Lưu: VT, TKKH.



Đào Thị Bích Ngọc

Số: 51/PGDĐT-CTTT
V/v tuyên truyền, phổ biến các Luật,
Nghị quyết được thông qua tại kỳ họp
thứ 2; kỳ họp bất thường lần thứ nhất,
Quốc hội khóa XV và một số nội dung
pháp luật về gia đình, trẻ em

Văn Giang, ngày 25 tháng 02 năm 2022

Kính gửi:

- Các trường MN, TH, THCS trong huyện;
- Trường TH-THCS Phụng Công;
- Trung tâm GDNN- GDTX huyện Văn Giang.

Thực hiện Công văn số 276/SGDĐT-CTTT-GDCN ngày 21/02/2022 của Sở GD&ĐT tỉnh Hưng Yên về việc tuyên truyền, phổ biến các Luật, Nghị quyết được thông qua tại kỳ họp thứ 2; kỳ họp bất thường lần thứ nhất, Quốc hội khóa XV và một số nội dung pháp luật về gia đình, trẻ em; Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Văn Giang yêu cầu các đơn vị giáo dục thực hiện nghiêm túc các nội dung sau:

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến đầy đủ, kịp thời nội dung các Luật, Nghị quyết được thông qua tại kỳ họp thứ 2; kỳ họp bất thường lần thứ nhất, Quốc hội khóa XV và một số nội dung pháp luật về gia đình, trẻ em tới tất cả cán bộ, công chức, giáo viên, học sinh trong đơn vị mình, đặc biệt là các nội dung liên quan trực tiếp đến việc thực hiện chuyên môn, nhiệm vụ của ngành giáo dục, quyền lợi, trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân (*có danh sách kèm theo*). Đăng tải, cập nhật toàn văn nội dung các Luật, Nghị quyết được thông qua tại kỳ họp thứ 2; kỳ họp bất thường lần thứ nhất, Quốc hội khóa XV và một số nội dung pháp luật về gia đình trên Cổng, Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị. Công tác tuyên truyền, phổ biến các Luật, Nghị quyết phải kịp thời, chất lượng, hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí; quán triệt, tuyên truyền, phổ biến phải thực hiện nghiêm túc, thống nhất, đồng bộ, thường xuyên với hình thức, nội dung phù hợp; chú trọng vào những điểm mới của văn bản pháp luật; gắn kết chặt chẽ giữa công tác tuyên truyền, phổ biến các Luật, Nghị quyết mới được Quốc hội ban hành với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị tại cơ quan, đơn vị, nhà trường.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện tốt quy định của các văn bản pháp luật mới được Quốc hội thông qua, các văn bản pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý, đặc biệt là: Luật Thống kê; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự và 16 Nghị Quyết (*đính kèm*); phát huy vai trò của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong việc gương mẫu chấp

hành pháp luật, nắm vững, thực hiện tốt các quy định của pháp luật nói chung và các quy định của pháp luật liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ của ngành Giáo dục và Đào tạo nói riêng. Tuyên truyền, phổ biến những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để khắc phục việc dạy và học trực tiếp kết hợp trực tuyến, ứng phó với đại dịch Covid-19 trong tình hình, điều kiện mới; tiếp tục đưa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đi vào nề nếp, hiệu quả.

3. Tiếp tục triển khai nội dung Công văn số 209/SGDĐT-CTTT-GDCN ngày 04/02/2022 về thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 24/6/2021 về công tác gia đình trong ngành Giáo dục và Đào tạo. Tăng cường giáo dục pháp luật, phổ biến một số nội dung pháp luật về gia đình, trẻ em, hôn nhân và gia đình; xử lý vi phạm hành chính, hình sự với hình thức phù hợp tại các cơ sở giáo dục, nhà trường; tổ chức đối thoại, giải đáp, tư vấn pháp luật, hòa giải ở các cơ sở giáo dục. Phổ biến, tuyên truyền một số nội dung pháp luật về gia đình, trẻ em: Quyết định số 2238/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030; Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 13/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình về phòng, chống bạo lực gia đình trong tình hình mới đến năm 2025; Quyết định số 96/QĐ-TTg ngày 19/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình đến năm 2030 và ý kiến chỉ đạo Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Bình Minh tại Công văn số 9617/VPCP-NC ngày 30/12/2021 của Văn phòng Chính phủ về xử lý hành vi hành hạ, xâm hại trẻ em.

Nhận được Công văn, Phòng Giáo dục và Đào tạo yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện ./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, CTTT.

TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG
GIÁO DỤC
VÀ
ĐÀO TẠO
H. VĂN GIANG - T. HUNG



Đào Thị Bích Ngọc

DANH SÁCH

Các Luật, Nghị quyết được thông qua tại kỳ họp thứ 2; kỳ họp bất thường
lần thứ nhất, Quốc hội khóa XV

(Đính kèm Công văn số 51/PGDDT-CTTT ngày 25/02/2022)

STT	Tên văn bản
I	Các Luật
1	<u>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê</u>
2	<u>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự</u>
3	<u>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự</u>
II	Các Nghị quyết
1	Nghị quyết <u>31/2021/QH15</u> về kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025
2	Nghị quyết <u>32/2021/QH15</u> về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022
3	Nghị quyết <u>33/2021/QH15</u> về tổ chức phiên tòa trực tuyến
4	Nghị quyết <u>34/2021/QH15</u> năm 2021 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2022
5	Nghị quyết <u>35/2021/QH15</u> về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng
6	Nghị quyết <u>36/2021/QH15</u> về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An
7	Nghị quyết <u>37/2021/QH15</u> về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thanh Hóa
8	Nghị quyết <u>38/2021/QH15</u> về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế
9	Nghị quyết <u>39/2021/QH15</u> về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025
10	Nghị quyết <u>40/2021/QH15</u> về phân bổ ngân sách trung ương năm 2022
11	Nghị quyết <u>41/2021/QH15</u> về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XV
12	Nghị quyết <u>42/2021/QH15</u> về kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XV
13	<u>Nghị quyết 43/2022/QH15</u> về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

14	<u>Nghi quyết 44/2022/QH15</u> về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025;
15	<u>Nghi quyết 45/2022/QH15</u> về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Cần Thơ;
16	<u>Nghi quyết 46/2022/QH15</u> về kỳ họp bất thường lần thứ nhất, Quốc hội khóa XV.

Số: 09 /CV-TTYT
V/v đảm bảo công tác phòng chống
dịch tại cơ sở giáo dục

Văn Giang, ngày 09 tháng 02 năm 2022

Kính gửi: - Trạm Y tế các xã/thị trấn;
- Khoa Y tế công cộng.

Căn cứ Công văn số 252/UBND-KGVX ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc tổ chức dạy học trực tiếp tại các cơ sở giáo dục;

Căn cứ Công văn số 81/UBND-GD&ĐT ngày 28/01/2022 của UBND huyện Văn Giang về việc tổ chức dạy học trực tiếp tại các cơ sở giáo dục;

Trung tâm Y tế huyện yêu cầu nhân viên y tế trường học (có Danh sách đính kèm) thực hiện các công việc sau:

1. Hướng dẫn nhà trường triển khai các công tác phòng chống dịch như: Phun khử khuẩn, vệ sinh môi trường trước và khi học sinh đi học, đảm bảo công tác vệ sinh an toàn thực phẩm.

2. Phối hợp với giáo viên để theo dõi sức khỏe học sinh, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp có biểu hiện sốt, ho, khó thở, mệt mỏi và lập sổ theo dõi.

3. Đảm bảo nghe điện thoại trong thời gian học sinh đến trường để phối hợp với nhà trường giải quyết các công tác y tế phát sinh.

4. Thực hiện các công việc khác (nếu có) theo hướng dẫn tại "Sổ tay đảm bảo an toàn phòng chống dịch COVID-19 trong trường học (sửa đổi, bổ sung)" tại Quyết định số 406/QĐ-BGDĐT ngày 27/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong quá trình triển khai nhiệm vụ có khó khăn vướng mắc báo cáo Trung tâm Y tế huyện để được hỗ trợ kịp thời./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu: VT, KHN.V.



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Ths Bs. VŨ TRƯỜNG SƠN

DANH SÁCH
NHÂN VIÊN Y TẾ PHỤ TRÁCH CÔNG TÁC Y TẾ TRƯỜNG HỌC



TT	Họ và tên	Đơn vị phụ trách	SĐT
	XÃ THẮNG LỢI		
1	Nguyễn Thị Thanh Hải	Trường mầm non	0865011451
2	Nguyễn Trường Giang	Trường tiểu học	0948514668
3	Nguyễn Thị Mai	Trường THCS	0986408867
	XÃ XUÂN QUAN		
1	Nguyễn Thị Thu Huyền	Trường mầm non, tiểu học, THCS	0974940288
	XÃ LONG HƯNG		
1	Phạm Thị Thu Thủy	Trường mầm non, tiểu học	0396949025
2	Phạm Thị Thủy Nhi	Trường THCS	0326814678
	XÃ MỄ SỞ		
1	Nguyễn Thị Xâm	Trường mầm non	0869911991
2	Nguyễn Thị Hương	Trường tiểu học	0386336559
3	Trần Thị Bích Yên	Trường THCS	0947568588
	XÃ VĨNH KHÚC		
1	Lê Thị Luyến	Trường mầm non	0396954876
2	Nguyễn Thị Thu Thủy	Trường tiểu học	0967801766
3	Trần Thị Đăng Trường	Trường THCS	0977927982
	XÃ TÂN TIẾN		
1	Chu Thu Vinh	Trường mầm non, tiểu học	0986032142
2	Đàm Thị Phượng	Trường THCS	0983937568
	XÃ NGHĨA TRỤ		
1	Cao Thị Hải Yến	Trường mầm non	0979326892
2	Trần Thị Bích	Trường tiểu học	0975570589
3	Tô Thị Xuân	Trường THCS	0363800330

TT	Họ và tên	Đơn vị phụ trách	SĐT
	THỊ TRẦN VĂN GIANG		
1	Hoàng Thị Hải Hà	Trường mầm non	0989397182
2	Nguyễn Thị Phương Hoa	Trường tiểu học	0348957369
3	Nguyễn Văn Ứng	Trường THCS Chu Mạnh Trinh	0393455899
4	Đặng Thị Hiền	Trường THCS Thị trấn Văn Giang	0974866440
5	Đàm Thị Lương	Trung tâm GDTX	0975619097
	XÃ PHỤNG CÔNG		
1	Đỗ Thị Hoàng Anh	Trường mầm non, tiểu học, THCS	0968881256
	XÃ LIÊN NGHĨA		
1	Hoàng Văn Vững	Trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT Dương Quảng Hàm	0983163128
	XÃ CỬU CAO		
1	Đặng Anh Tuấn	Trường mầm non, tiểu học	0339161063
2	Dương Minh Tú	Trường THCS Cửu Cao, Trường THPT Văn Giang	0972249503

Số: 341 /SYT-NV

Hưng Yên, ngày 24 tháng 02 năm 2022

V/v thực hiện hướng dẫn công tác
phòng, chống dịch COVID-19 khi tổ
chức dạy, học trực tiếp

Kính gửi:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Công văn số 796/BYT-MT ngày 21/02/2022 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn công tác phòng, chống dịch COVID-19 khi tổ chức dạy, học trực tiếp, Sở Y tế đề nghị các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện nội dung hướng dẫn phòng, chống dịch COVID-19 trong trường học của Bộ Y tế để tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở giáo dục khi tổ chức dạy, học trực tiếp, cụ thể như sau:

1. Về qui trình xử trí khi phát hiện trường hợp F0 trong cơ sở giáo dục:

Bước 1: Khi có trường hợp F0, báo ngay Hiệu trưởng/Ban chỉ đạo/Tổ an toàn phòng, chống dịch COVID-19 của nhà trường. Cán bộ y tế được phân công phụ trách trường học hoặc Ban chỉ đạo/Tổ an toàn phòng, chống dịch COVID-19 của nhà trường chuyển ngay trường hợp F0 xuống phòng cách ly tạm thời của trường học theo lối đi riêng đã được phân luồng.

Bước 2: Hiệu trưởng/Ban chỉ đạo/Tổ an toàn phòng, chống dịch COVID-19 của nhà trường thông báo đồng thời ngay cho Trạm y tế cấp xã hoặc Trung tâm Y tế cấp huyện để ngay lập tức đến xử lý cùng.

Bước 3: Đối với lớp học có học sinh F0:

- Giáo viên chủ nhiệm cho học sinh ngồi yên tại chỗ. Cán bộ y tế trường học và Ban chỉ đạo/Tổ an toàn phòng, chống dịch COVID-19 của nhà trường, cán bộ y tế cấp xã tổ chức điều tra xác định các trường hợp F1 theo hướng dẫn của ngành y tế.

- Cán bộ y tế được phân công phụ trách trường học và Ban chỉ đạo/Tổ an toàn phòng, chống dịch COVID-19 của nhà trường, cán bộ y tế cấp xã tổ chức xét nghiệm kháng nguyên nhanh ngay cho toàn bộ học sinh của lớp đó, nếu trường hợp có kết quả xét nghiệm kháng nguyên nhanh dương tính với vi rút SARS-CoV-2 thì được xác định là F0 và xử lý theo qui định.

- Nếu không phải là F1 và kết quả xét nghiệm kháng nguyên nhanh âm tính: cho những học sinh này đi học trở lại bình thường.

- Nếu là F1 và kết quả xét nghiệm kháng nguyên nhanh âm tính (thực hiện theo Công văn số 762/BYT-DP ngày 21/02/2022 của Bộ Y tế về việc cách ly y tế đối với ca bệnh COVID-19 và các trường hợp tiếp xúc gần):

+ Cách ly, theo dõi sức khỏe tại nhà, nơi lưu trú 05 ngày và xét nghiệm (RT-PCR hoặc kháng nguyên nhanh) ngày thứ 5 đối với những học sinh là F1 và đã tiêm đủ ít nhất 02 liều vắc xin phòng COVID-19 (được ghi trên giấy xác nhận đã tiêm vắc xin COVID-19, phần mềm ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử hoặc PC-Covid) theo qui định, liều cuối cùng tiêm trong thời gian ít nhất 14 ngày hoặc đã khỏi bệnh COVID-19 trong vòng 03 tháng tính đến thời điểm được xác định là đối tượng F1 (có giấy ra viện/giấy xác nhận khỏi bệnh COVID-19), các trường hợp có kết quả xét nghiệm âm tính với vi rút SARS-CoV-2 vào ngày thứ 5 được đi học trực tiếp trở lại, nhà trường và phụ huynh học sinh tiếp tục theo dõi sức khỏe cho học sinh trong 05 ngày tiếp theo và hướng dẫn học sinh thực hiện Thông điệp 5K.

+ Cách ly, theo dõi sức khỏe tại nhà, nơi lưu trú 07 ngày và xét nghiệm (RT-PCR hoặc kháng nguyên nhanh) ngày thứ 7 đối với những học sinh là F1 và chưa tiêm hoặc tiêm chưa đủ liều vắc xin phòng COVID-19, các trường hợp có kết quả xét nghiệm âm tính với vi rút SARS-CoV-2 vào ngày thứ 7 được đi học trực tiếp trở lại, nhà trường và phụ huynh học sinh tiếp tục theo dõi sức khỏe cho học sinh trong 03 ngày tiếp theo và hướng dẫn học sinh thực hiện Thông điệp 5K.

+ Trong quá trình cách ly, theo dõi sức khỏe, nếu có dấu hiệu bất thường về sức khỏe như ho, sốt, khó thở, đau rát họng, mất vị giác, ... hoặc triệu chứng nghi ngờ khác, thì thông báo ngay cho Trạm Y tế cấp xã, Nhà trường để theo dõi và xử trí theo qui định.

- Riêng đối với khối mầm non, nhà trẻ, nhóm trẻ: Nếu trong lớp học có 01 ca xét nghiệm kháng nguyên nhanh dương tính với vi rút SARS-CoV-2 (F0) thì cho toàn bộ trẻ trong lớp đó cách ly, theo dõi sức khỏe tại nhà, nơi lưu trú 07 ngày và xét nghiệm (RT-PCR hoặc kháng nguyên nhanh) vào ngày thứ 7. Các trường hợp có kết quả xét nghiệm âm tính với vi rút SARS-CoV-2 vào ngày thứ 7 được đi học trực tiếp trở lại, phụ huynh và giáo viên chủ nhiệm tiếp tục theo dõi sức khỏe cho trẻ trong 03 ngày tiếp theo, nếu có dấu hiệu bất thường về sức khỏe như ho, sốt, khó thở, đau rát họng, mất vị giác,...hoặc triệu chứng nghi ngờ khác, thì phụ huynh/giáo viên chủ nhiệm thông báo ngay cho Trạm Y tế cấp xã, Hiệu trưởng/Ban chỉ đạo/Tổ an toàn phòng, chống dịch COVID-19 của nhà trường để theo dõi và xử trí theo qui định.

Bước 4:

- Đối với lớp có học sinh F0: Sau khi xác định đối tượng là F1, cho học sinh không phải là F1 di chuyển sang lớp học dự phòng và khử khuẩn toàn bộ lớp học.

- Đối với học sinh các lớp học khác:

+ Nếu không có sự giao lưu tiếp xúc với F0 thì cho đi học bình thường.

+ Nếu xác định có học sinh tiếp xúc gần (F1) với trường hợp F0 thì tiến hành xét nghiệm kháng nguyên nhanh với trường hợp là F1 đó và xử lý F1 như bước 3.

* *Lưu ý:* Trường hợp phát hiện học sinh là F0 đang ở tại nhà, phụ huynh cho học sinh nghỉ học, báo ngay với nhà trường và trạm y tế cấp xã. Nhà trường, Trạm Y tế cấp xã tiến hành truy vết các trường hợp học sinh là F1 liên quan và xử lý các trường hợp F1 như trên.

2. Yêu cầu cơ sở giáo dục không bắt buộc tất cả các học sinh phải xét nghiệm trước khi trở lại trường để học trực tiếp, chỉ xét nghiệm đối với các trường hợp nghi ngờ (sốt, ho, khó thở, ... hoặc có triệu chứng nghi ngờ khác) hoặc có tiền sử tiếp xúc với F0.

3. Việc tổ chức học bán trú của học sinh.

- Nếu tổ chức cho trẻ học bán trú, nhà trường phải thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo hướng dẫn của ngành Y tế và ngành Giáo dục và Đào tạo, trong đó bảo đảm theo nguyên tắc hạn chế giao lưu, tiếp xúc giữa các học sinh trong cùng lớp và giữa các lớp.

- Ưu tiên tổ chức ăn, ngủ, nghỉ ngay tại lớp học; học sinh lớp nào ăn, ngủ riêng theo lớp đó, không chung với các lớp khác.

- Học sinh ăn theo suất ăn riêng, không dùng chung các đồ dùng cá nhân, rửa tay với nước sạch và xà phòng trước và sau khi ăn.

- Vệ sinh, khử khuẩn nhà ăn sau mỗi lượt tổ chức cho học sinh ăn (nếu tổ chức ăn ở nhà ăn chung của nhà trường).

- Bảo đảm an toàn thực phẩm, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm.

Sở Y tế gửi kèm Công văn số 796/BYT-MT ngày 21/02/2022 của Bộ Y tế.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tỉnh ủy (để BC);
- UBND tỉnh (để BC);
- Giám đốc SYT (để BC);
- Các PGĐ SYT;
- Các phòng chức năng SYT;
- Lưu VT, NV.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quang Lâm



**HĐND TỈNH HƯNG YÊN
BAN VĂN HÓA - XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22 /KH-VHXH

Hưng Yên, ngày 19 tháng 01 năm 2021

KẾ HOẠCH

**Khảo sát việc thực hiện các khoản thu, chi trong
các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2021**

Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015; Căn cứ Kế hoạch hoạt động số 1041/KH-VHXH ngày 30/12/2021 của Ban Văn hóa - Xã hội (VHXH), Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh năm 2022, Ban VHXH - HĐND tỉnh xây dựng kế hoạch khảo sát việc thực hiện các khoản thu, chi trong các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2021, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

Nắm bắt tình hình triển khai và tổ chức quản lý, thực hiện việc thu, chi tại một số trường phổ thông trên địa bàn tỉnh trong 03 năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021. Qua đó đánh giá về những kết quả đạt được, những hạn chế, khó khăn, vướng mắc; xác định nguyên nhân, trách nhiệm của từng địa phương, đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện, góp phần giúp các cấp, các ngành thực hiện tốt quy định của Nhà nước về quản lý và thực hiện thu, chi trong các trường học trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Hoạt động khảo sát phải đảm bảo chất lượng và hiệu quả, không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương được khảo sát.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương được khảo sát có trách nhiệm chuẩn bị báo cáo bằng văn bản. Nội dung báo cáo phải cụ thể, rõ ràng; làm rõ trách nhiệm của các đơn vị trong tổ chức thực hiện nội dung khảo sát. Cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung khảo sát và làm rõ những vấn đề mà Đoàn khảo sát quan tâm. Bố trí đủ thành phần làm việc và tạo điều kiện thuận lợi để Đoàn thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

II. NỘI DUNG, ĐƠN VỊ, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM KHẢO SÁT

1. Nội dung

- Khảo sát việc thực hiện các khoản thu, chi trong các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh (Có Đề cương kèm theo).

- Thời điểm khảo sát: Trong 03 năm học 2018-2019, 2019-2020 và 2020-2021.

2. Đơn vị khảo sát

- Sở Giáo dục và Đào tạo;

- UBND các huyện, thị xã, thành phố;

- Một số cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh.

Đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo lựa chọn 05 trường THPT; UBND cấp huyện lựa chọn 06 trường (trong đó 02 trường Tiểu học, 02 trường THCS, 02 trường liên cấp) gửi Kế hoạch khảo sát của Ban VHXH và hướng dẫn các cơ sở giáo dục chuẩn bị báo cáo bằng văn bản theo đúng đề cương gửi kèm; đồng thời tổng hợp báo cáo của các đơn vị được lựa chọn, gửi về Ban VHXH - HĐND tỉnh theo thời gian quy định.

Căn cứ tình hình thực tế, Ban VHXH sẽ lựa chọn một số cơ quan, đơn vị để tiến hành khảo sát trực tiếp.

3. Thời gian, địa điểm khảo sát

- Thời gian: Trong tháng 02 và tháng 3 năm 2022 (Ban VHXH sẽ thông báo lịch làm việc cụ thể đối với từng cơ quan, đơn vị, địa phương).

- Địa điểm: Tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị được khảo sát.

IV. THÀNH PHẦN LÀM VIỆC

1. Thành phần Đoàn khảo sát

a. Trưởng đoàn: Bà Đặng Thị Gấm, Trưởng Ban VHXH - HĐND tỉnh;

b. Phó Trưởng đoàn: Ông Đoàn Khắc Thuận, Phó Trưởng Ban VHXH - HĐND tỉnh;

c. Thành viên

- Ông Nguyễn Văn Đoàn, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Yên Mỹ, Ủy viên Ban VHXH - HĐND tỉnh;

- Ông Nguyễn Bật Khánh, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Văn Lâm, Ủy viên Ban VHXH - HĐND tỉnh;

- Bà Đỗ Thị Hương, Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy Khối Cơ quan - Doanh nghiệp tỉnh, Ủy viên Ban VHXH - HĐND tỉnh;

- Bà Doãn Thị Nguyệt, Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Ủy viên Ban VHXH - HĐND tỉnh;

- Ông Đinh Hồng Quyên, Phó Chánh Văn phòng phụ trách Văn phòng UBND tỉnh, Ủy viên Ban VHXH - HĐND tỉnh;

- Một số chuyên viên phòng Công tác HĐND, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh - Thư ký.

d. Mời đại diện tham gia Đoàn: Lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo (khi Đoàn khảo sát làm việc tại địa phương và các cơ sở giáo dục);

2. Thành phần làm việc của các cơ quan, đơn vị chịu khảo sát

Lãnh đạo cơ quan, đơn vị và các phòng ban, bộ phận có liên quan.

Đề nghị UBND huyện, thị xã, thành phố mời Thường trực HĐND huyện, thị xã, thành phố cùng làm việc.

IV. PHƯƠNG PHÁP TIẾN HÀNH

1. Đoàn khảo sát sẽ tiến hành làm việc trực tiếp tại trụ sở các cơ quan, đơn vị được khảo sát, nghe báo cáo những nội dung khảo sát, yêu cầu làm rõ những vấn đề mà Đoàn khảo sát quan tâm.

2. Trước và trong quá trình khảo sát, Ban có thể cử lãnh đạo, chuyên viên phòng Công tác HĐND, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh đến làm việc với các cơ quan, đơn vị để nghiên cứu tài liệu, làm rõ những nội dung cần thiết.

3. Kết thúc cuộc khảo sát, Ban tổng hợp đánh giá chung, báo cáo Thường trực HĐND tỉnh và gửi đến các cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị được khảo sát

- Chuẩn bị báo cáo bằng văn bản theo nội dung yêu cầu, gửi về Ban VHXXH - HĐND tỉnh (số 10 đường Chùa Chuông, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên) trước ngày 15/02/2022; đồng thời gửi báo cáo qua hộp thư điện tử: vanxa.hdnd@gmail.com.

- Tích cực, chủ động hợp tác với Đoàn khảo sát; thực hiện đầy đủ, nghiêm túc nội dung, kế hoạch khảo sát. Chuẩn bị báo cáo, hồ sơ, tài liệu liên quan, giải trình các nội dung mà Đoàn yêu cầu; chuẩn bị địa điểm và các điều kiện khác để Đoàn khảo sát thực hiện nhiệm vụ đạt kết quả cao nhất.

2. Các thành viên Đoàn khảo sát

Chủ động, tích cực thu thập, nắm bắt thông tin về nội dung khảo sát; nghiên cứu các tài liệu pháp lý và báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương; tham gia đầy đủ các buổi làm việc, tích cực chất vấn, yêu cầu giải trình để góp phần nâng cao chất lượng và thành công của cuộc khảo sát.

3. Đề nghị Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh

- Chỉ đạo phòng Công tác HĐND trực tiếp tham mưu cho Đoàn khảo sát về các nội dung khảo sát. Đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi báo cáo đúng thời gian quy định; sắp xếp và gửi các tài liệu có liên quan đến các thành viên và đại biểu mời tham gia Đoàn. Tổng hợp và dự thảo báo cáo kết quả khảo sát.

- Chỉ đạo phòng Hành chính - Tổ chức - Quản trị chuẩn bị phương tiện và các điều kiện cần thiết đảm bảo cho Đoàn khảo sát thực hiện nhiệm vụ.

Chi tiết liên hệ: Đồng chí Lưu Thùy Linh - Chuyên viên phòng Công tác HĐND, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; SĐT: 0931 528 118.

Trên đây là Kế hoạch khảo sát của Ban VHXXH - HĐND tỉnh, đề nghị các thành phần tham gia Đoàn khảo sát và cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch HĐND tỉnh;
- Thành phần Đoàn khảo sát;
- Các cơ quan, đơn vị chịu khảo sát;
- Lãnh đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Phòng Công tác HĐND;
- Phòng HC - TC - QT;
- Lưu: VT.

TM. BAN VĂN HÓA - XÃ HỘI
KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Đoàn Khắc Thuận

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Khảo sát việc thực hiện các khoản thu, chi trong các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2021

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 22 /KH-VHXH ngày 19/01/2022 của Ban VHXH - HĐND tỉnh)

Cơ quan, đơn vị chịu sự khảo sát, căn cứ tình hình thực tế xây dựng báo cáo đảm bảo sự phù hợp, chính xác với những nội yêu cầu theo Đề cương gợi ý, ngoài ra có thể bổ sung những vấn đề xét thấy cần thiết mà Đề cương gợi ý chưa nêu.

A. ĐỐI VỚI SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO; UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

I. Những vấn đề chung

1. Đặc điểm, tình hình của cơ quan, đơn vị liên quan đến nội dung khảo sát
2. Đánh giá thực trạng việc quản lý và hướng dẫn các cơ sở giáo dục phổ thông về các khoản thu, chi trong các nhà trường trên địa bàn

II. Công tác quản lý nhà nước

1. Việc tham mưu ban hành và ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các khoản thu, chi trong các trường phổ thông
2. Công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của cấp trên, của ngành về thu, chi trong các nhà trường
3. Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của nhà nước về thu, chi và quản lý thu, chi (*nêu rõ số cuộc kiểm tra, hồ sơ kiểm tra, việc xử lý vi phạm nếu có*). Việc tiếp nhận, giải quyết đơn thư kiến nghị, khiếu nại tố cáo liên quan đến công tác thu, chi và quản lý thu, chi (*nêu rõ số lượng đơn thư, nội dung, quá trình giải quyết và kết quả giải quyết,...*)
4. Công tác phối hợp với các ngành, các cấp, các đơn vị trong thực hiện chính sách miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập

III. Kết quả thực hiện các khoản thu, chi trong các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2021

1. Việc hướng dẫn lập dự toán thu, chi; xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện công khai theo quy định
2. Tình hình thực hiện công tác thu và quản lý, sử dụng các khoản thu theo quy định tại các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý (*Tổng hợp tình hình và đánh giá chi tiết đối với từng khoản thu*)
3. Tình hình thực hiện công tác chi và quản lý chi theo quy định tại các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền (*Tổng hợp tình hình và đánh giá chi tiết các mục chi, nội dung chi*)
 - Đối với chi từ nguồn ngân sách nhà nước cấp
 - Đối với chi từ nguồn thu

4. Việc thực hiện miễn, giảm học phí và các khoản thu khác cho học sinh thuộc hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, cận nghèo, gia đình có hoàn cảnh khó khăn,... (Nêu rõ số kinh phí được miễn, giảm trong các năm học)

**) Lưu ý: Số liệu báo cáo chi tiết theo từng năm học và lập bảng biểu theo Phụ lục số 1, số 2 gửi kèm.*

IV. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được (Trong đó đánh giá tính hợp pháp của các khoản thu đối với người học và phụ huynh học sinh)

2. Khó khăn, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân.

V. Giải pháp và kiến nghị, đề xuất

1. Giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế

2. Đề xuất, kiến nghị

- Đối với HĐND tỉnh

- Đối với UBND tỉnh

- Đối với các sở, ban, ngành tỉnh./.



B. ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC

I. Những vấn đề chung

1. Đặc điểm, tình hình

- Khái quát tổ chức bộ máy của nhà trường
- Tổng số học sinh, số lớp, số học sinh từng khối
- Thực trạng cơ sở vật chất (*số phòng học, lớp học, trang thiết bị phục vụ việc dạy và học,...*)

2. Thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến công tác thu, chi và quản lý các khoản thu, chi trong các nhà trường trong giai đoạn 2018-2021

II. Kết quả đạt được

1. Việc quán triệt, triển khai các văn bản của cấp trên quy định về thu, chi trong các cơ sở giáo dục

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến đến giáo viên, học sinh, phụ huynh học sinh quy định về thu, chi trong nhà trường

3. Việc lập dự toán thu, chi; xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện công khai dân chủ theo quy định

4. Kết quả thực hiện thu và quản lý thu

- Đối với công tác thu (*Thu học phí và các khoản thu khác*)
- Đối với công tác quản lý, sử dụng nguồn thu (*chi tiết theo từng khoản thu*)

5. Kết quả thực hiện chi và quản lý chi (*Báo cáo chi tiết các mục chi, nội dung chi theo quy định*)

- Đối với chi từ nguồn ngân sách nhà nước cấp
- Đối với chi từ nguồn thu

6. Số kinh phí thực hiện miễn, giảm học phí và các khoản thu khác cho học sinh thuộc hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, cận nghèo, gia đình có hoàn cảnh khó khăn,...

*) Lưu ý:

- Tùy theo các khoản thu của đơn vị để báo cáo tình hình thu, chi cho phù hợp. Làm rõ quy trình triển khai thu, quản lý và sử dụng. Số liệu báo cáo chi tiết theo từng năm học và lập bảng biểu theo Phụ lục số 3 gửi kèm.

- Đề nghị các nhà trường photo hồ sơ, sổ sách thu chi các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 và các văn bản liên quan kèm theo.

IV. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được (*Trong đó đánh giá tính hợp pháp của các khoản thu đối với người học và phụ huynh học sinh*)

2. Khó khăn, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân.

V. Giải pháp và kiến nghị, đề xuất

1. Giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế

2. Đề xuất, kiến nghị

- Đối với cấp tỉnh (Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh)

- Đối với cấp huyện./.



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO/UBND HUYỆN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BÁO CÁO**Kết quả thực hiện các khoản thu, chi tại các trường phổ thông giai đoạn 2018-2021
Bậc học

	Nội dung thu	Năm học			Tổng số
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	
1.	Khái quát tình hình				
	- Số đơn vị trực thuộc				
	- Số trường				
	- Số lớp				
	- Số học sinh				
	- Số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên				
2.	Nội dung thu				
2.1	Học phí				
2.2	Các khoản thu dịch vụ không kinh doanh				
	- Tiền học thêm				
	- Tiền điện thắp sáng, chạy quạt lớp học				
	- Tiền nước uống học sinh				
	- Tiền thuê dọn vệ sinh				
	- Tiền nội trú ký túc xá				
	- Tiền trông xe				

2.3	<i>Tiền tổ chức ăn bán trú, chăm sóc bán trú, đồ dùng cá nhân của học sinh bán trú</i>				
2.4	<i>Đồng phục học sinh</i>				
2.5	<i>Bảo hiểm y tế, quỹ đoàn, quỹ đội, chữ thập đỏ</i>				
2.6	<i>Các khoản thu khác</i>				
-	Quỹ Ban đại diện cha mẹ học sinh				
-	Các nguồn thu tài trợ				
2.7.	<i>Số kinh phí thực hiện miễn, giảm học phí và các khoản thu khác</i>				
3.	Nội dung chi				
-	Chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị				
-	Các khoản chi lương, phụ cấp				
-	Các khoản chi cho hoạt động chuyên môn				
-	Các khoản chi cho học sinh				
-	Các khoản chi khác				

Ghi chú: Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thị xã, thành phố lập bảng biểu thống kê theo từng cấp học.



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO/UBND HUYỆN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BÁO CÁO****Kết quả thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của nhà nước
về thu và quản lý sử dụng các khoản thu trong trường học**

Cấp học	Địa phương	Danh sách các trường được thanh tra, kiểm tra	Năm học	Số cuộc thanh tra, kiểm tra	Kết quả thanh tra, kiểm tra	Nội dung vi phạm	Công tác chỉ đạo giải quyết	Kết quả giải quyết
	Huyện/thị xã/thành phố	1. Trường.....	2018-2019					
			2019-2020					
			2020-2021					

TRƯỜNG.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BÁO CÁO**
Kết quả thực hiện các khoản thu, chi giai đoạn 2018-2021

	Nội dung thu	Năm học			Tổng số
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	
1.	Khái quát tình hình				
	- Số lớp				
	- Số học sinh				
	- Số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên				
2.	Nội dung thu				
2.1	Học phí				
2.2	Các khoản thu dịch vụ không kinh doanh				
-	Tiền học thêm				
-	Tiền điện thắp sáng, chạy quạt lớp học				
-	Tiền nước uống học sinh				
-	Tiền thuê dọn vệ sinh				
-	Tiền nội trú ký túc xá				
-	Tiền trông xe				
2.3	Tiền tổ chức ăn bán trú, chăm sóc bán trú, đồ dùng cá nhân của học sinh bán trú				
2.4	Đồng phục học sinh				



2.5	<i>Bảo hiểm y tế, quỹ đoàn, quỹ đội, chữ thập đỏ</i>				
2.6	<i>Các khoản thu khác</i>				
-	Quỹ Ban đại diện cha mẹ học sinh				
-	Các nguồn thu tài trợ				
2.7.	<i>Số kinh phí thực hiện miễn, giảm học phí và các khoản thu khác</i>				
3.	Nội dung chi				
-	Chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị				
-	Các khoản chi lương, phụ cấp				
-	Các khoản chi cho hoạt động chuyên môn				
-	Các khoản chi cho học sinh				
-	Các khoản chi khác				

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Sổ tay bảo đảm an toàn phòng, chống dịch COVID-19
trong trường học (sửa đổi, bổ sung lần 2)**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Công văn số 796/BYT-DP ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn công tác phòng chống dịch COVID-19 khi tổ chức dạy, học trực tiếp;

Căn cứ Công văn số 762/BYT-DP ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ Y tế về việc cách ly y tế đối với ca bệnh COVID-19 và các trường hợp tiếp xúc gần;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục thể chất.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Sổ tay bảo đảm an toàn phòng, chống dịch COVID-19 trong trường học (sửa đổi, bổ sung lần 2). Tài liệu được sử dụng tại các cơ sở giáo dục trên toàn quốc (tài liệu kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 406/QĐ-BGDĐT ngày 27/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt Sổ tay bảo đảm an toàn phòng, chống dịch COVID-19 trong trường học (sửa đổi, bổ sung).

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục thể chất, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Mầm non, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc sở giáo dục và đào tạo các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ Bạc Liêu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/cáo);
- Bộ Y tế;
- Các Thứ trưởng;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ GDTC.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Ngô Thị Minh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



SỔ TAY
BẢO ĐẢM AN TOÀN PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19
TRONG TRƯỜNG HỌC
(sửa đổi, bổ sung lần 2)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 543/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 02 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Hà Nội, năm 2022

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

PGS.TS Nguyễn Thanh Đề, Vụ trưởng Vụ Giáo dục thể chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

NHÓM BIÊN SOẠN VÀ BIÊN TẬP NỘI DUNG

TS. Trần Văn Lam, Phó Vụ trưởng Vụ Giáo dục thể chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TS. Nguyễn Nho Huy, Phó Vụ trưởng Vụ Giáo dục thể chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TS.BS Dương Chí Nam, Phó Cục trưởng Cục Quản lý môi trường y tế, Bộ Y tế.

PGS.TS. NGND Nguyễn Võ Kỳ Anh, Nguyên Vụ trưởng Vụ Giáo dục thể chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TS.BS Lê Văn Tuấn, Vụ Giáo dục thể chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TS.BS Bùi Hữu Toàn, Cục Quản lý môi trường y tế, Bộ Y tế.

TS.BS Hoàng Thị Hải Vân, Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng, Trường Đại học Y Hà Nội.

TS.BS Trần Quỳnh Anh, Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng, Trường Đại học Y Hà Nội.

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	1
1. Thông tin chung về dịch COVID-19	2
1.1. Bệnh COVID-19 là gì?	2
1.2. Tác nhân gây bệnh COVID-19-Vi rút SAR-CoV-2	2
1.3. Phương thức lây truyền của bệnh COVID-19	2
1.4. Các triệu chứng của bệnh COVID-19	3
1.5. Phương pháp xử trí và điều trị COVID-19	3
1.6. Đối tượng có nguy cơ mắc COVID-19	4
1.7. Các biện pháp phòng bệnh COVID-19	4
1.8. Khái niệm trường hợp bệnh (ca bệnh) trường hợp nghi ngờ bệnh (ca bệnh nghi ngờ), trường hợp tiếp xúc gần	6
2. Các nguyên tắc cơ bản trong phòng, chống dịch COVID-19 tại trường học	7
2.1. Trước khi học sinh đến trường	7
2.2. Trong thời gian học sinh học tập tại trường	8
2.3. Sau khi học sinh rời trường	11
3. Các biện pháp đảm bảo trường học an toàn phòng, chống dịch bệnh	13
3.1. Công tác chuẩn bị của nhà trường	13
3.2. Ứng phó của nhà trường khi có trường hợp bệnh nghi ngờ trong trường học	15
3.3. Xử trí khi có trường hợp học sinh mắc COVID-19 trong trường học	16
3.4. Công tác chuẩn bị cho học sinh trở lại trường học học trực tiếp	168
3.5. Việc tổ chức ăn bán trú của học sinh	19
TÀI LIỆU THAM KHẢO	19

LỜI GIỚI THIỆU

Sự bùng phát của bệnh viêm đường hô hấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra (COVID-19) đã được Tổ chức Y tế thế giới tuyên bố là một tình trạng khẩn cấp về sức khỏe cộng đồng toàn cầu (PHEIC) và vi rút này hiện đã lan ra hầu hết các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Ở Việt Nam, nguy cơ dịch bệnh bùng phát luôn thường trực. Vì vậy, việc đảm bảo an toàn cho trẻ em mầm non, học sinh, nhà giáo, cán bộ, nhân viên và người lao động tại các cơ sở giáo dục là đặc biệt quan trọng, nhất là trong giai đoạn hiện nay chưa có thuốc điều trị đặc hiệu, chưa có vắc-xin.

Thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”, nhằm bảo đảm an toàn khi tổ chức hoạt động giáo dục, đào tạo trực tiếp tại các cơ sở giáo dục phù hợp với tình hình dịch COVID-19 và góp phần giảm thiểu những tác động tiêu cực của dịch bệnh, duy trì việc dạy và học trong các cơ sở giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng tài liệu “**Sổ tay bảo đảm an toàn phòng, chống dịch COVID-19 trong trường học**” trên cơ sở sửa đổi, bổ sung từ cuốn Sổ tay được ban hành theo Quyết định số 3822/QĐ-BGDĐT ngày 23/11/2020 và Quyết định số 406/QĐ-BGDĐT ngày 27/01/2020. Tài liệu này cung cấp các nội dung cơ bản nhất, ngắn gọn, cập nhật liên quan đến công tác phòng, chống dịch COVID-19 trong trường học trên cơ sở các hướng dẫn của hiện hành của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục Đào tạo và Tổ chức Y tế thế giới. Khi Bộ Y tế có văn bản hướng dẫn chuyên môn khác với hướng dẫn tại cuốn Sổ tay này thì các cơ sở giáo dục thực hiện theo hướng dẫn mới của Bộ Y tế.

Tài liệu được hoàn thành trong thời gian ngắn nên chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Do vậy, rất mong nhận được sự chia sẻ và góp ý của bạn đọc về nội dung để tài liệu tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện trong thời gian tới.

NHÓM BIÊN SOẠN

1. Thông tin chung về dịch COVID-19

1.1. Bệnh COVID-19 là gì?

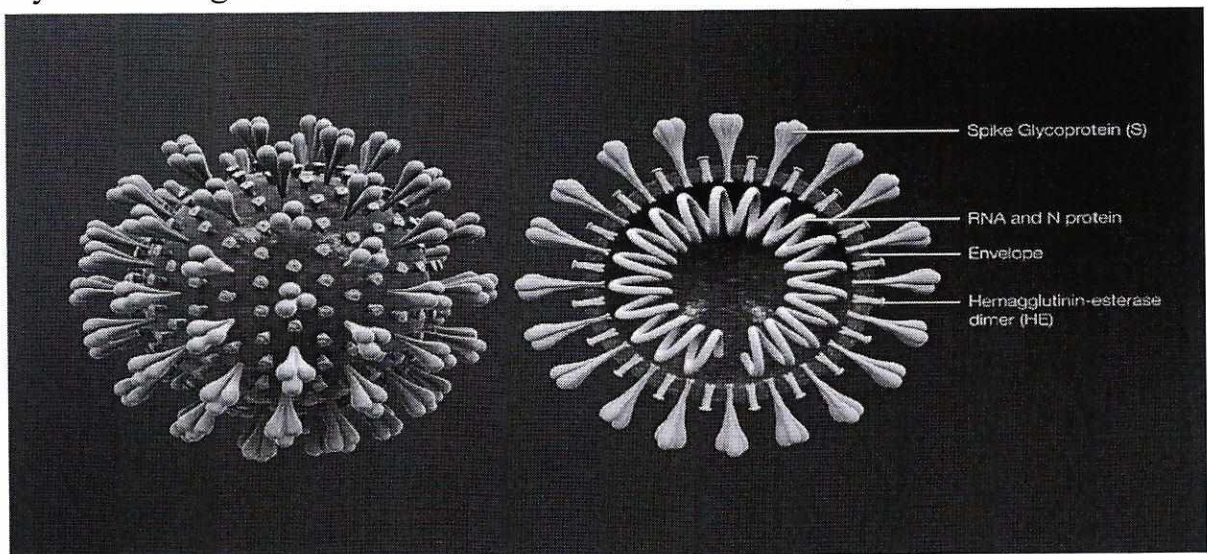
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổ chức Y tế thế giới (WHO) đã được thông báo về các trường hợp viêm phổi không rõ nguyên nhân tại thành phố Vũ Hán, Trung Quốc. Một loại vi rút Corona mới được xác định là nguyên nhân gây bệnh vào ngày 7 tháng 01 năm 2020 và tạm thời được đặt tên là bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona 2019.

Ngày 11 tháng 02 năm 2020, Tổ chức Y tế thế giới công bố chính thức tên bệnh là COVID-19, trong đó “CO” là chữ viết tắt của tên chủng vi rút Corona, “VI” là viết tắt cho vi rút (virus), “D” là viết tắt cho bệnh (tiếng Anh là Disease) và 19 là năm 2019, năm phát hiện ra chủng vi rút mới này.

Người được chẩn đoán mắc COVID-19 là ca bệnh nghi ngờ hoặc bất cứ trường hợp nào đã được khẳng định bằng xét nghiệm dương tính với SARS-CoV-2 tại các phòng xét nghiệm do Bộ Y tế cho phép khẳng định.

1.2. Tác nhân gây bệnh COVID-19 - Vi rút SAR-CoV-2

Tác nhân gây bệnh COVID-19 là vi rút SARS-CoV-2 (tên gọi cũ là nCoV) là một chủng vi rút Corona mới trước đây chưa từng được xác định trên người (Hình 1). Đến nay đã xác định được 6 chủng vi rút Corona có khả năng lây nhiễm ở người và SARS-CoV-2 là thành viên thứ bảy.



Hình 1. Hình thái và cấu trúc vi rút SARS-CoV-2

(Nguồn: *Some Weird Truths About Viruses, And The COVID-19 Virus, Fobes*)

1.3. Phương thức lây truyền của bệnh COVID-19

Vi rút SARS-CoV-2 gây bệnh COVID-19 có thể lây truyền từ người bệnh, người lành mang vi rút (gọi chung là người mang vi rút) sang người lành chủ yếu qua ba con đường sau:

a. Vi rút SARS-CoV-2 lây trực tiếp từ người sang người qua những giọt bắn từ mũi hoặc miệng của người mang vi rút phát tán khi ho hoặc thở ra. Nếu hít hoặc

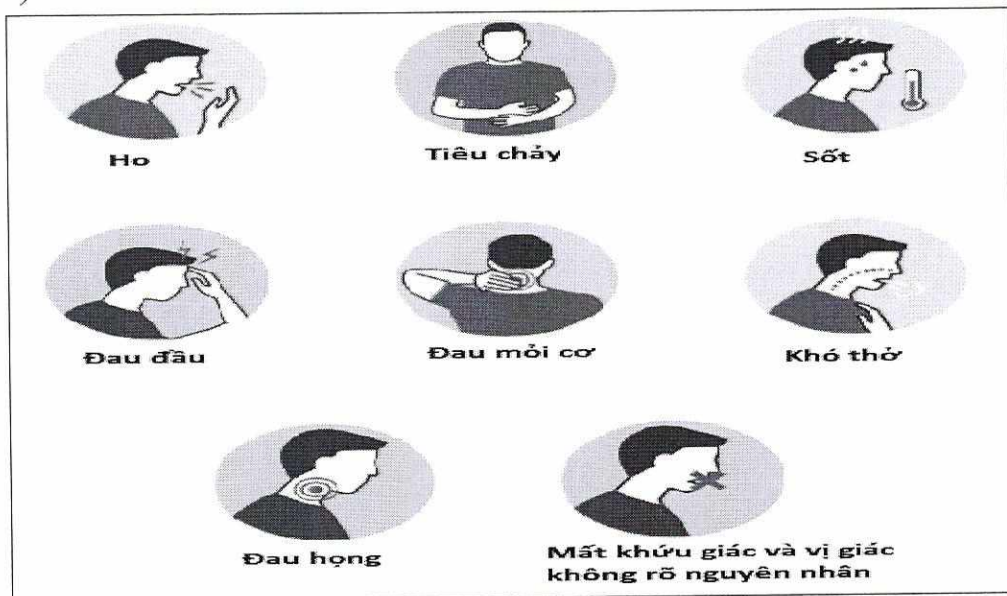
nuốt phải những giọt bắn có chứa vi rút SARS-CoV-2 sẽ có nguy cơ bị nhiễm bệnh. Đến thời điểm này, hình thức trên được coi là đường lây lan chính của bệnh.

b. Vi rút SARS-CoV-2 nhiễm vào người lành do tiếp xúc với các vật thể có SARS-CoV-2 trên bề mặt. Những giọt bắn do người mang vi rút phát tán khi ho, hắt hơi, thở ra, rơi xuống các vật thể và các bề mặt xung quanh người. Những người khác chạm vào những vật thể hoặc bề mặt này, sau đó chạm vào mắt, mũi hoặc miệng của họ cũng sẽ có nguy cơ nhiễm SARS-CoV-2.

c. Sự lây truyền vi rút SARS-CoV-2 qua đường khí dung có thể xảy ra khi một số giọt bắn từ đường hô hấp được tạo ra với kích thước cực nhỏ khoảng dưới 5µm, các hạt khí dung này có thể được tạo ra khi một người thở, ho, hắt hơi hoặc nói chuyện. Với các hạt khí dung mang vi rút SARS-CoV-2 được tạo ra từ người nhiễm bệnh có thể gây lây bệnh cho người khác nếu hít phải với số lượng đủ để gây nhiễm trùng.

1.4. Các triệu chứng của bệnh COVID-19

Sau khi nhiễm vi rút SARS-CoV-2, các triệu chứng của bệnh COVID-19 có thể xuất hiện trong vòng 2-14 ngày, trung bình 5 ngày, người bị nhiễm vi rút có thể có các triệu chứng sau: Ho, sốt, khó thở, đau mỏi cơ, đau họng, không cảm nhận được mùi, vị không rõ nguyên nhân, tiêu chảy, đau đầu, đau ngực (Hình 2).



Hình 2. Các triệu chứng có thể gặp khi mắc COVID-19

1.5. Phương pháp xử trí và điều trị COVID-19

Trong trường hợp khẩn cấp chẳng hạn như khó thở nặng, hãy gọi cấp cứu 115 và thông báo về các triệu chứng của bạn.

Nếu không, gọi cho các đường dây tư vấn của Bộ Y tế (**đường dây nóng: 19009095**) hoặc các cơ quan y tế địa phương gần nhất và thảo luận về các triệu chứng của bạn qua điện thoại. Bác sĩ sẽ hướng dẫn các bước tiếp theo, bao gồm cả việc bạn có nên được xét nghiệm COVID-19 hay không.

Tại các cơ sở điều trị, những người bệnh nghi nhiễm và người bệnh nhiễm SARS-COV-2 sẽ được phân loại và xác định nơi điều trị tùy tình hình cụ thể của người bệnh.

1.6. Đối tượng có nguy cơ mắc COVID-19

Mọi người, mọi lứa tuổi đều có thể mắc COVID-19.

Nhóm người có nguy cơ lây nhiễm và tử vong do nhiễm SARS-CoV-2 cao hơn là nhóm người cao tuổi và bị các bệnh mạn tính khác phối hợp như bệnh tim mạch, tăng huyết áp, đái tháo đường, phổi tắc nghẽn mãn tính, viêm phế quản mãn, xơ gan, viêm gan, bệnh thận mãn tính.

Ngoài ra, một số nghề nghiệp và công việc có nguy cơ tăng tiếp xúc với nguồn bệnh dẫn đến tăng nguy cơ nhiễm bệnh như: nhân viên y tế, người lao động ở môi trường tiếp xúc nhiều như nhân viên hàng không, đường sắt, người điều khiển phương tiện giao thông công cộng...

1.7. Các biện pháp phòng bệnh COVID-19

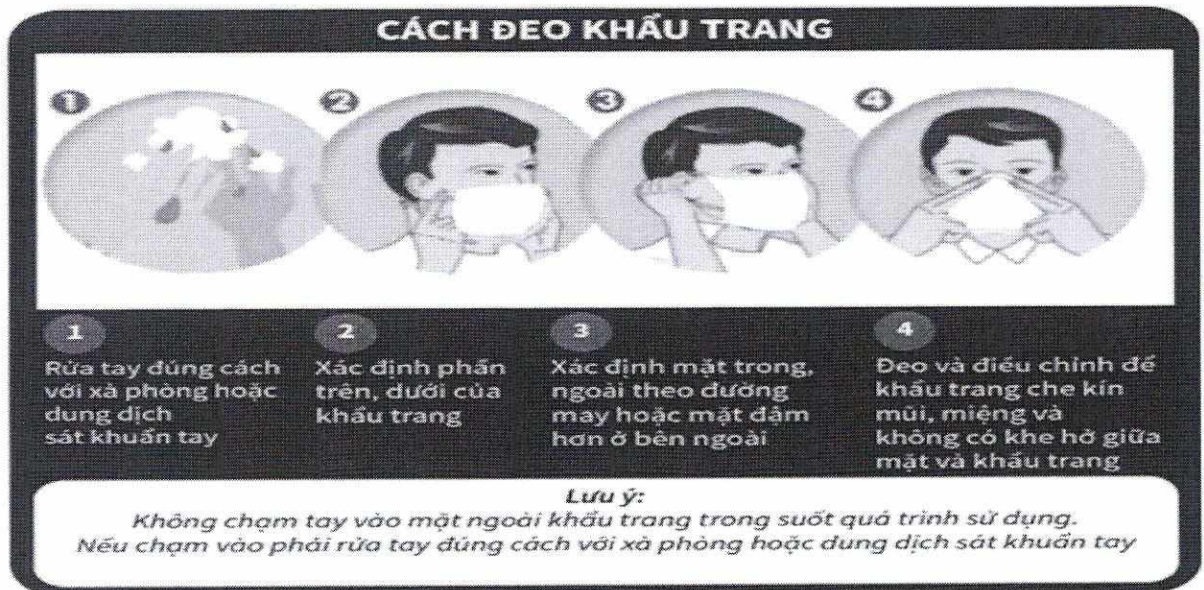
Cũng như các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp khác như cúm hoặc cảm lạnh thông thường, các biện pháp phòng bệnh là rất quan trọng để phòng bệnh cho bản thân và làm chậm sự lây lan của bệnh trong cộng đồng. Trước diễn biến mới của dịch Bộ Y tế đã khuyến cáo các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 trong tình hình mới:

a) Thường xuyên rửa tay đúng cách bằng xà phòng dưới vòi nước sạch, hoặc bằng dung dịch sát khuẩn tay nhanh (Hình 3).



Hình 3: Các bước rửa tay theo hướng dẫn của Bộ Y tế

b) Đeo khẩu trang đúng cách nơi công cộng, trên phương tiện giao thông và khi đến cơ sở y tế (Hình 4, Hình 5).



Hình 4: Cách đeo khẩu trang đúng cách
(Nguồn: Hướng dẫn lựa chọn và sử dụng khẩu trang Quyết định số 1444/QĐ-BYT ngày 29/3/2020)



Hình 5: Cách tháo bỏ khẩu trang đúng cách
(Nguồn: Hướng dẫn lựa chọn và sử dụng khẩu trang Quyết định số 1444/QĐ-BYT ngày 29/3/2020)

c) Tránh đưa tay lên mắt, mũi, miệng. Che miệng và mũi khi ho hoặc hắt hơi bằng khăn giấy, khăn vải, khuỷu tay áo.

d) Tăng cường vận động, rèn luyện thể lực, dinh dưỡng hợp lý xây dựng lối sống lành mạnh.

e) Vệ sinh thông thoáng nhà cửa, lau rửa các bề mặt hay tiếp xúc.

f) Nếu có các triệu chứng của bệnh COVID-19 (như hướng dẫn tại mục 1.4) hãy tự cách ly tại nhà, đeo khẩu trang và gọi cho cơ sở y tế gần nhất để được tư vấn, khám và điều trị.

1.8. Khái niệm trường hợp bệnh (ca bệnh), trường hợp bệnh nghi ngờ (ca bệnh nghi ngờ), trường hợp tiếp xúc gần (Công văn số 11042/BYT-DP ngày 29/12/2021 về việc điều chỉnh định nghĩa ca bệnh COVID-19):

1.8.1. Ca bệnh giám sát (ca bệnh nghi ngờ) là một trong số các trường hợp:

a) Là người tiếp xúc gần (F1) và có ít nhất 2 trong số các biểu hiện lâm sàng như: Sốt; ho; đau họng; chảy nước mũi, nghẹt mũi; đau người, mệt mỏi, ớn lạnh; giảm hoặc mất vị giác; giảm hoặc mất khứu giác; đau, nhức đầu; tiêu chảy; khó thở; viêm đường hô hấp.

b) Là người có yếu tố dịch tễ (không bao gồm F1) và có ít nhất 2 trong số các biểu hiện lâm sàng như trên.

c) Là người có kết quả xét nghiệm nhanh kháng nguyên dương tính với vi rút SARS-CoV-2 (trừ trường hợp nêu tại mục 1.8.2, điểm b, c và d)

** Người có yếu tố dịch tễ (không bao gồm F1): là người có mặt trên cùng phương tiện giao thông hoặc cùng địa điểm, sự kiện, nơi làm việc, lớp học... với ca bệnh xác định (F0) đang trong thời kỳ lây truyền; người ở, đến từ khu vực ổ dịch đang hoạt động.*

1.8.2. Ca bệnh xác định (F0) là một trong số các trường hợp:

a) Là người có kết quả xét nghiệm dương tính với vi rút SARS-CoV-2 bằng phương pháp phát hiện vật liệu di truyền của vi rút (PCR).

b) Là người tiếp xúc gần (F1) và có kết quả xét nghiệm nhanh kháng nguyên dương tính với vi rút SARS-CoV-2.

c) Là người có biểu hiện lâm sàng nghi mắc COVID-19 (ca bệnh nghi ngờ tại mục 1.8.1, điểm a) và có kết quả xét nghiệm nhanh kháng nguyên dương tính với vi rút SARS-CoV-2 và có yếu tố dịch tễ (không bao gồm F1).

d) Là người có kết quả xét nghiệm nhanh kháng nguyên dương tính 2 lần liên tiếp (xét nghiệm lần 2 trong vòng 8 giờ kể từ khi có kết quả xét nghiệm lần 1) với vi rút SARS-CoV-2 và có yếu tố dịch tễ (không bao gồm F1).

** Sinh phẩm xét nghiệm nhanh kháng nguyên với vi rút SARS-CoV-2 phải thuộc danh mục được Bộ Y tế cấp phép. Xét nghiệm nhanh kháng nguyên do nhân viên y tế thực hiện hoặc người nghi nhiễm thực hiện dưới sự giám sát của nhân viên y tế bằng ít nhất một trong các hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp qua các phương tiện từ xa.*

1.8.3. Người tiếp xúc gần (F1) là một trong số các trường hợp:

- Người có tiếp xúc cơ thể trực tiếp (bắt tay, ôm, hôn, tiếp xúc trực tiếp với da, cơ thể...) với F0 trong thời kỳ lây truyền của F0.

- Người đeo khẩu trang có tiếp xúc, giao tiếp trong vòng 2 mét và tối thiểu trong thời gian 15 phút với ca bệnh xác định (F0) khi đang trong thời kỳ lây truyền của F0.

- Người không đeo khẩu trang có tiếp xúc, giao tiếp gần trong vòng 2 mét với F0 trong thời kỳ lây truyền của F0.

- Người trực tiếp chăm sóc, khám và điều trị ca bệnh xác định (F0) khi đang trong thời kỳ lây truyền của F0 mà không sử dụng đầy đủ các phương tiện phòng hộ cá nhân (PPE).

** Thời kỳ lây truyền của ca bệnh xác định (F0) được tính từ 2 ngày trước khi khởi phát (đối với ca bệnh xác định không có triệu chứng thì thời kỳ lây truyền được tính từ 2 ngày trước ngày được lấy mẫu có kết quả xét nghiệm dương tính) cho đến khi kết quả xét nghiệm âm tính hoặc giá trị $CT \geq 30$.*

2. Các nguyên tắc cơ bản trong phòng, chống dịch COVID-19 tại trường học

2.1. Trước khi học sinh đến trường

2.1.1. Nhà trường cần khuyến cáo cho học sinh, giáo viên, cán bộ, nhân viên và người lao động thực hiện các việc sau:

a) Đối với trẻ em mầm non, học sinh

Cha mẹ học sinh có trách nhiệm đo nhiệt độ, theo dõi sức khỏe cho học sinh ở nhà; nếu có triệu chứng mắc bệnh COVID-19 thì chủ động báo cáo với nhà trường để cho trẻ nghỉ học, theo dõi sức khỏe, đồng thời liên hệ với cơ sở y tế để được tư vấn, khám, điều trị. Cha mẹ cho học sinh ở nhà nếu học sinh đang trong thời gian cách ly tại nhà theo yêu cầu của cơ quan y tế. Cha mẹ cho học sinh ở độ tuổi được tiêm vắc-xin COVID-19 đi tiêm phòng theo hướng dẫn của y tế địa phương.

b) Đối với giáo viên, cán bộ công nhân viên và người lao động của nhà trường: Cần tuân thủ và thực hiện tốt các quy định sau:

- Thông qua số liên lạc điện tử hoặc hệ thống thông tin liên lạc khác (nếu có) để gửi thông tin, hướng dẫn cho học sinh, cha mẹ học sinh các nội dung:

+ Các biện pháp bảo vệ sức khỏe, theo dõi sức khỏe của học sinh và thực hành các biện pháp vệ sinh cá nhân ở nhà, ở trường, trên đường đến trường và trở về nhà theo danh mục những việc cần làm của học sinh và cha mẹ học sinh.

+ Yêu cầu học sinh, cha mẹ học sinh theo dõi nhiệt độ, biểu hiện triệu chứng mắc bệnh COVID-19 của học sinh trước khi đến trường để thực hiện theo yêu cầu tại điểm a).

+ Thông tin cho học sinh, cha mẹ học sinh biết về các biện pháp phòng, chống dịch đã được thực hiện và sẽ tiếp tục thực hiện tại nhà trường để học sinh, cha mẹ học sinh yên tâm.

+ Cha mẹ học sinh không vào trường khi đưa, đón con.

- Phối hợp và liên hệ chặt chẽ với cha mẹ học sinh để theo dõi sức khỏe học sinh. Phối hợp với y tế địa phương tổ chức tiêm vắc-xin COVID-19 cho học sinh theo quy định.

- Giáo viên, cán bộ, nhân viên của nhà trường tự đo nhiệt độ, theo dõi sức khỏe ở nhà. Nếu có triệu chứng mắc bệnh COVID-19 thì chủ động báo cho nhà trường và nghỉ ở nhà để theo dõi sức khỏe đồng thời liên hệ với cơ sở y tế để được tư vấn, khám, điều trị; không được đến trường nếu đang trong thời gian

cách ly tại nhà theo yêu cầu của cơ quan y tế. Giáo viên, cán bộ công nhân viên và người lao động của trường cần tiêm đầy đủ vắc-xin COVID-19 theo hướng dẫn của ngành y tế.

2.1.2. Vệ sinh trường học trước khi học sinh đến trường

- Tổ chức vệ sinh ngoại cảnh (phát quang bụi rậm, không để nước đọng, các dụng cụ chứa nước phải được đậy kín).

- Tổ chức khử khuẩn trường học một lần (ưu tiên lau rửa) nền nhà, tường nhà (nếu có thể), tay nắm cửa, tay vịn cầu thang, tay vịn lan can, bàn ghế, đồ chơi, dụng cụ học tập và các đồ vật trong phòng học, phòng chức năng. Khử khuẩn bằng các chất tẩy rửa thông thường như dung dịch tẩy rửa đa năng hoặc các dung dịch khử khuẩn có chứa 0,05% Clo hoạt tính hoặc dung dịch có chứa ít nhất 70% cồn.

2.2. Trong thời gian học sinh học tập tại trường

2.2.1. Tổ chức, quản lý, triển khai các hoạt động trên cơ sở các hướng dẫn của Bộ Y tế về phòng, chống dịch bệnh

a) Tạm dừng tổ chức các hoạt động tham quan thực tế, dã ngoại, học thêm; tổ chức chào cờ tại lớp học. Bố trí giờ vào lớp, giải lao, tan học xen kẽ giữa các khối lớp.

b) Nhà trường quy định, hướng dẫn học sinh thực hiện những việc cần làm như sau (Hình 6):

NHỮNG VIỆC HỌC SINH CẦN LÀM TẠI TRƯỜNG HÀNG NGÀY ĐỂ PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 VÀ BỆNH LÂY TRUYỀN QUA ĐƯỜNG HÔ HẤP

The infographic lists 10 activities for students to follow daily at school to prevent COVID-19 and respiratory infections:

- 1** Rửa tay đúng cách với nước sạch và xà phòng hoặc nước rửa tay khô thường xuyên vào các thời điểm:
 - ✓ Trước khi vào lớp
 - ✓ Trước và sau khi ăn
 - ✓ Sau khi ra chơi, nghỉ giữa giờ
 - ✓ Sau khi đi vệ sinh
 - ✓ Khi tay bẩn
- 2** Che mũi, miệng khi ho hoặc hắt hơi (tốt nhất bằng giấy lau sạch, khăn vải hoặc khăn tay, hoặc ống tay áo) và rửa sạch tay bằng xà phòng. Vứt bỏ khăn, giấy che mũi, miệng vào thùng rác và rửa sạch tay.
- 3** Không đưa tay lên mắt, mũi, miệng.
- 4** Không dùng chung các đồ dùng cá nhân như cốc, bình nước, khăn mặt, khăn lau tay, gói, chân...
- 5** Không khạc, nhổ bừa bãi.
- 6** Không tụ tập đông người trong các giờ nghỉ giữa giờ, giờ ra chơi.
- 7** Nếu thấy mình hoặc bạn khác bị sốt, ho, đau họng, khó thở thì báo ngay cho thầy cô giáo.
- 8** Đeo khẩu trang đúng cách.
- 9** Tránh kỹ thị, xa lánh hay trừu chọc bạn bè.
- 10** Bỏ rác đúng nơi quy định.

Lưu ý: Giáo viên hướng dẫn, giúp đỡ đối với trẻ mầm non, học sinh tiểu học.



Hình 6. Những việc học sinh cần làm tại trường hàng ngày để phòng, chống dịch COVID-19 và bệnh lây truyền qua đường hô hấp.

- Rửa tay với nước sạch và xà phòng thường xuyên. Rửa tay vào các thời điểm: trước khi vào lớp, trước và sau khi ăn, sau khi ra chơi, nghỉ giữa giờ, sau khi đi vệ sinh, khi tay bẩn, sau khi ho, hắt hơi, sau khi vệ sinh các bề mặt.

- Che mũi, miệng khi ho hoặc hắt hơi (*tốt nhất bằng giấy lau sạch, khăn vải hoặc khăn tay, hoặc ống tay áo để làm giảm phát tán dịch tiết đường hô hấp*). Vứt bỏ khăn, giấy che mũi, miệng vào thùng rác và rửa sạch tay.

- Không đưa tay lên mắt, mũi miệng.

- Cốc/bình nước, khăn mặt, khăn lau tay, gối, chăn,... để dùng riêng tại lớp (nếu cần).

- Không dùng chung các đồ dùng cá nhân như cốc, bình nước, khăn mặt, khăn lau tay, gối, chăn...

- Không khạc, nhổ bừa bãi.

- Đeo khẩu trang đúng cách (không áp dụng đối với trẻ em mầm non trong lớp học và khi ăn, uống).

- Bỏ rác đúng nơi quy định.

- Nếu có sốt, ho, khó thở thì báo ngay cho giáo viên chủ nhiệm.

- Tránh kỳ thị, xa lánh hay trêu chọc bạn bè.

c) Hàng ngày, giáo viên điểm danh và hỏi học sinh xem có cảm thấy sốt, ho, khó thở, mệt mỏi không (đối với trẻ mầm non thì hỏi cha mẹ khi giáo viên nhận trẻ). Nếu có, giáo viên đưa ngay học sinh đến phòng y tế để kiểm tra, theo dõi và xử trí kịp thời.

d) Trong thời gian học:

- Khi phát hiện học sinh có triệu chứng mắc bệnh COVID-19 thì phải đưa ngay đến phòng y tế để kiểm tra, theo dõi, cách ly và thông báo ngay cho trạm y tế xã, phường, cơ quan quản lý và cha mẹ học sinh. Nhân viên y tế tại nhà trường có trách nhiệm cung cấp khẩu trang y tế và hướng dẫn đeo đúng cách cho học sinh nêu trên.

- Khi giáo viên, cán bộ công nhân viên nhà trường có triệu chứng mắc bệnh COVID-19 thì phải đến ngay phòng y tế để được kiểm tra, theo dõi, cách ly. Nhân viên y tế nhà trường thông báo ngay cho trạm y tế xã, phường, cơ quan quản lý đồng thời cung cấp khẩu trang y tế và hướng dẫn đeo đúng cách cho giáo viên, cán bộ công nhân viên nhà trường nêu trên.

đ) Nhà trường bố trí người đón và giao học sinh tại cổng trường; cha mẹ học sinh không được vào trong trường; bảo vệ tại nhà trường, ký túc xá hạn chế không cho người không có nhiệm vụ vào trường, ký túc xá.

e) Hạn chế tối đa việc giao lưu, tiếp xúc giữa học sinh các lớp.

2.2.2. Công tác vệ sinh khử khuẩn trường học trong thời gian học sinh học tập tại trường

- Bố trí nơi pha dung dịch khử khuẩn, nơi lưu giữ hóa chất, trang thiết bị khử khuẩn, vệ sinh môi trường. Khử khuẩn bằng các chất tẩy rửa thông thường như dung dịch tẩy rửa đa năng hoặc các dung dịch khử khuẩn có chứa 0,05% Clo hoạt tính hoặc dung dịch có chứa ít nhất 70% cồn, ưu tiên khử khuẩn bằng cách lau rửa.

- Phân công cán bộ thực hiện pha dung dịch khử khuẩn, phun hoặc lau, rửa khử khuẩn, vệ sinh trường, lớp, xe vận chuyển học sinh,... (nếu không thuê đơn vị cung cấp dịch vụ khử khuẩn, vệ sinh môi trường).

- Hàng ngày, nhà trường tổ chức vệ sinh nền nhà, tường nhà (nếu có thể), bàn ghế, đồ chơi, dụng cụ học tập và các đồ vật trong phòng học, phòng chức năng, khu vực rửa tay, nhà vệ sinh.

- Thường xuyên vệ sinh tay nắm cửa, tay vịn cầu thang, tay vịn lan can, nút bấm thang máy.

- Hạn chế sử dụng các đồ chơi, dụng cụ học tập bằng các vật liệu không khử khuẩn được.

- Đối với các phương tiện đưa đón học sinh: Sau mỗi chuyến đưa, đón học sinh, tiến hành vệ sinh, khử khuẩn tay nắm cửa xe, tay vịn, ghế ngồi, cửa sổ, sàn xe.

- Bố trí đủ thùng đựng rác và chất thải có nắp đậy kín, đặt ở vị trí thuận tiện và thực hiện thu gom, xử lý hàng ngày.

- Trong trường hợp có học sinh, giáo viên, cán bộ công nhân viên nhà trường có biểu hiện sốt, ho, khó thở, nghi ngờ hoặc có xét nghiệm dương tính với COVID-19 thì nhà trường phải thực hiện khử khuẩn theo khuyến cáo và hướng dẫn của cơ quan y tế địa phương.

- Kiểm tra hàng ngày và bố trí đầy đủ, kịp thời xà phòng, dung dịch khử khuẩn, các trang thiết bị phục vụ vệ sinh trường học.

- Tăng cường thông khí, sử dụng quạt, hạn chế sử dụng điều hòa. Nếu sử dụng điều hòa, cuối mỗi buổi học phải mở cửa phòng học tạo sự thông thoáng.

2.2.3. Theo dõi, giám sát các vấn đề sức khỏe của học sinh tại trường

- Phân công nhân viên y tế/giáo viên kiêm nhiệm công tác y tế trường học trực y tế, phòng, chống dịch trong suốt quá trình học sinh có mặt ở trường.

- Đảm bảo nhân viên y tế/giáo viên kiêm nhiệm công tác y tế trường học thực hiện đúng các hướng dẫn phòng, chống dịch COVID-19 tại nhà trường và các việc cần làm của nhân viên y tế theo danh mục.

- Xây dựng kế hoạch mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ công tác phòng, chống dịch, kiểm tra hàng ngày và bổ sung kịp thời trang thiết bị y tế theo quy định tại phòng y tế.

- Quy định nhân viên y tế/giáo viên kiêm nhiệm công tác y tế trường học liên hệ thường xuyên với trạm y tế xã phường hoặc cơ quan y tế địa phương theo quy định để được hướng dẫn và hỗ trợ.

2.2.4. Công tác truyền thông phòng bệnh trong nhà trường

- Tập huấn cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của nhà trường công tác phòng, chống dịch, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường trong trường học, cách phát hiện các triệu chứng của bệnh COVID-19; thực hiện những việc cần làm khi học sinh ở trường theo danh mục “Những việc giáo viên cần làm khi học sinh ở trường - để phòng tránh mắc bệnh COVID-19”.

- Tập huấn, hướng dẫn đảm bảo nhân viên y tế/giáo viên kiêm nhiệm công tác y tế trường học thực hiện đúng các hướng dẫn phòng, chống dịch COVID-19 tại nhà trường và những việc cần làm của nhân viên y tế trường học theo danh mục.

- Xây dựng các tờ rơi, áp phích và dán ở những nơi dễ thấy, xây dựng các thông điệp để có thể nhắn tin qua số liên lạc điện tử hoặc hệ thống thông tin liên lạc khác (nếu có) cho học sinh, cha mẹ học sinh về các biện pháp phòng, chống dịch như vệ sinh cá nhân, những việc cần làm của học sinh,...

2.2.5. Công tác giám sát

- Nhà trường/Ban Chỉ đạo công tác phòng, chống dịch COVID-19 phân công cán bộ, giáo viên, nhân viên đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác phòng, chống dịch COVID-19 tại nhà trường.

- Nhà trường/Ban Chỉ đạo công tác phòng, chống dịch bệnh phân công cán bộ kiểm tra, giám sát việc giáo viên, nhân viên y tế thực hiện các nội dung theo danh mục “Những việc giáo viên cần làm tại trường để phòng tránh mắc bệnh COVID-19” và “Những việc nhân viên y tế cần làm tại trường để phòng tránh mắc bệnh COVID-19”.

- Nhà trường/Ban Chỉ đạo công tác phòng, chống dịch bệnh phân công cán bộ kiểm tra, giám sát việc thực hiện vệ sinh môi trường trường, lớp, phương tiện vận chuyển học sinh.

- Ban Chỉ đạo công tác phòng, chống dịch bệnh tổng hợp báo cáo thực hiện công tác phòng, chống dịch COVID-19 của nhà trường hàng ngày, tuần, tháng và thông báo cho Ban giám hiệu để biết và kịp thời có biện pháp xử lý.

2.3. Sau khi học sinh rời trường

- Thực hiện nghiêm chỉnh cách khi ra khỏi cổng trường.


- Nhắc nhở học sinh đeo khẩu trang trên đường về nhà.


- Nhà trường duy trì việc vệ sinh trường lớp theo quy định.


- Kiểm tra, rà soát, bổ sung kịp thời nước sát khuẩn, xà phòng và các vật dụng khác cho các buổi học tiếp theo.


NHỮNG VIỆC HỌC SINH CẦN LÀM TẠI NHÀ HÀNG NGÀY ĐỂ PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 VÀ BỆNH LÂY TRUYỀN QUA ĐƯỜNG HÔ HẤP


Lưu ý: Bố mẹ hướng dẫn, giúp đỡ đối với trẻ mầm non, học sinh tiểu học.


- 


1 Rửa tay đúng cách với nước sạch và xà phòng hoặc nước rửa tay khô thường xuyên (trước và sau khi ăn, sau khi đi vệ sinh, khi tay bẩn, sau khi đi chơi, đi học về nhà, sau khi tiếp xúc với vật nuôi).
- 

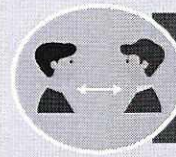
3 Không đưa tay lên mắt, mũi, miệng.
- 


5 Súc miệng, họng thường xuyên bằng nước muối hoặc nước súc miệng.
- 


7 Che mũi miệng khi ho hoặc hắt hơi (tốt nhất bằng giấy lau sạch, khăn vải hoặc khăn tay hoặc ống tay áo). Vứt bỏ khăn, giấy, che mũi, miệng vào thùng rác và rửa sạch tay.
- 

9 Không khạc, nhổ bừa bãi.
- 

2 Giữ ấm cơ thể. Tập thể dục. Ăn chín, uống chín.
- 

4 Giữ bề mặt nhà cửa sạch sẽ, thông thoáng, thường xuyên lau nền nhà, bề mặt bàn học, dụng cụ học tập, tay nắm cửa hàng ngày bằng các chất tẩy rửa thông thường hoặc dung dịch khử khuẩn (đối với học sinh THCS trở lên).
- 

6 Tránh tiếp xúc với người bị sốt, ho, khó thở. Giữ khoảng cách trên 2 mét và đeo khẩu trang nếu phải tiếp xúc.
- 

8 Tránh chỗ tập trung đông người.
- 

10 Tự theo dõi sức khỏe:
Nếu bị sốt, ho, khó thở thì:
- Nghỉ học ở nhà, nói với bố mẹ báo cho nhà trường, nhân viên y tế.
- Gọi đường dây nóng Bộ GDĐT: 078 678 3535 hoặc 19009095; 19003228 để được hỗ trợ.

Hình 7. Những việc học sinh cần làm tại nhà hàng ngày để phòng, chống dịch COVID-19 và bệnh lây truyền qua đường hô hấp.

3. Các biện pháp đảm bảo trường học an toàn phòng, chống dịch bệnh

3.1. Công tác chuẩn bị của nhà trường

3.1.1. Về công tác tổ chức

- Thành lập Ban Chỉ đạo công tác phòng, chống dịch COVID-19 tại nhà trường do Hiệu trưởng làm Trưởng ban, cán bộ y tế hoặc giáo viên kiêm nhiệm công tác y tế trường học làm Phó Trưởng ban thường trực, các thành viên gồm đại diện trạm y tế xã/phường hoặc cơ quan y tế địa phương theo quy định, đại diện Hội cha mẹ học sinh và các thành phần liên quan.

- Phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên trong Ban Chỉ đạo, giáo viên, cán bộ công nhân viên nhà trường.

- Giao nhiệm vụ cho cán bộ y tế hoặc giáo viên kiêm nhiệm làm công tác y tế trường học làm đầu mối tham mưu cho Hiệu trưởng, Ban Chỉ đạo công tác phòng, chống dịch trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai, kiểm tra giám sát công tác phòng, chống dịch COVID-19 tại nhà trường.

- Thông báo, đề nghị các đơn vị cung cấp các dịch vụ cho nhà trường (thực phẩm, nấu ăn, xe đưa đón học sinh, bán đồ ăn, vệ sinh môi trường,...) cam kết đảm bảo thực hiện các dịch vụ an toàn để phòng, chống dịch.

- Xây dựng quy định kiểm tra chéo việc thực hiện giữa các lớp, các nhóm, các tổ,...

- Chuẩn bị đầy đủ về vật tư đảm bảo yêu cầu phòng dịch.

- Phối hợp với y tế địa phương tổ chức tiêm vắc-xin COVID-19 cho học sinh theo hướng dẫn.

3.1.2. Đối với học sinh

Nhà trường yêu cầu, giám sát, nhắc nhở học sinh thực hiện nghiêm túc các nội quy phòng bệnh của nhà trường theo hướng dẫn của Bộ Y tế như đã đề cập ở trên.

3.1.3. Đối với giáo viên

- Nhà trường cần yêu cầu, giám sát, nhắc nhở giáo viên thực hiện nghiêm túc các nội quy phòng bệnh của nhà trường theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Thông qua sổ liên lạc điện tử hoặc hệ thống thông tin liên lạc khác để gửi thông tin, hướng dẫn cho học sinh, cha mẹ học sinh thực hiện tốt các nội dung, yêu cầu, nguyên tắc cơ bản trong phòng chống dịch COVID-19 tại trường học (quy định tại mục 2).

- Phối hợp và liên hệ chặt chẽ với cha mẹ học sinh để theo dõi sức khỏe học sinh.

- Thường xuyên nhắc nhở, giám sát học sinh thực hiện đúng yêu cầu về quy định phòng dịch tại nhà trường.

3.1.4. Đối với nhân viên y tế trong trường học

- Giữ mối liên hệ thường xuyên với trạm y tế xã/phường hoặc cơ quan y tế địa phương theo quy định để được hướng dẫn, phối hợp xây dựng kế hoạch và hỗ trợ triển khai công tác phòng, chống dịch tại nhà trường.

- Tham mưu cho Hiệu trưởng nhà trường thành lập Ban Chỉ đạo công tác phòng, chống dịch COVID-19 tại nhà trường do Hiệu trưởng làm Trưởng ban, cán bộ y tế hoặc giáo viên kiêm nhiệm công tác y tế trường học làm Phó Trưởng ban thường trực, các thành viên gồm đại diện trạm y tế xã/phường hoặc cơ quan y tế địa phương theo quy định, đại diện Ban Đại diện cha mẹ học sinh và các thành phần liên quan.

- Tham mưu cho Hiệu trưởng nhà trường xây dựng kế hoạch và triển khai công tác khử khuẩn, vệ sinh môi trường trong trường học, đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị vệ sinh môi trường.

- Tham mưu cho Hiệu trưởng nhà trường đề ra thông báo, mẫu cam kết giữa các đơn vị cung cấp các dịch vụ (thực phẩm, nấu ăn, xe đưa đón học sinh, bán đồ ăn, vệ sinh môi trường,...) và nhà trường nhằm đảm bảo thực hiện các dịch vụ an toàn để phòng, chống dịch.

- Tham mưu cho Hiệu trưởng nhà trường bố trí phòng y tế tại trường học với đầy đủ trang thiết bị y tế theo Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 22/5/2016 quy định về công tác y tế trường học và bố trí khu riêng để cách ly học sinh, giáo viên, cán bộ công nhân viên có biểu hiện ho, sốt, khó thở (trong trường hợp cần thiết).

- Hàng ngày kiểm tra, giám sát, nhắc nhở các giáo viên, học sinh từng lớp, nhân viên vệ sinh, khử khuẩn môi trường, những người cung cấp dịch vụ thực hiện theo tờ danh mục những việc cần làm.

- Phối hợp với giáo viên để theo dõi sức khỏe học sinh, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp có biểu hiện sốt, ho, khó thở, mệt mỏi và lập sổ theo dõi.

- Khi phát hiện học sinh, giáo viên, cán bộ nhân viên có biểu hiện sốt, ho, khó thở thì phải đưa đến phòng y tế ngay để kiểm tra, theo dõi, cách ly và thông báo ngay cho trạm y tế cấp xã, cơ quan quản lý và cha mẹ học sinh. Nhân viên y tế mặc đầy đủ phương tiện bảo hộ cá nhân theo quy định và có trách nhiệm cung cấp khẩu trang y tế, hướng dẫn sử dụng khẩu trang đúng cách cho đối tượng nêu trên.

- Kiểm tra hàng ngày và báo cáo Ban Giám hiệu bổ sung kịp thời trang thiết bị y tế theo quy định tại phòng y tế.

- Tham mưu cho Hiệu trưởng phân công cán bộ, giáo viên đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện phòng, chống dịch COVID-19 tại nhà trường.

- Tổng hợp báo cáo thực hiện công tác phòng, chống dịch COVID-19 của nhà trường hàng ngày, tuần, tháng cho Hiệu trưởng/Ban Chỉ đạo công tác phòng, chống dịch bệnh.

3.1.5. Đối với nhân viên bảo vệ trường học

- Bảo vệ tự đo nhiệt độ, theo dõi sức khỏe ở nhà. Nếu có sốt, ho, khó thở thì chủ động báo cho nhà trường và nghỉ ở nhà để theo dõi sức khỏe đồng thời đến cơ sở y tế để được khám, tư vấn, điều trị. Bảo vệ không được đến trường nếu đang trong thời gian cách ly tại nhà theo yêu cầu của cơ quan y tế.

- Hạn chế cho cha mẹ học sinh, người không có nhiệm vụ vào trường

- Không cho học sinh ra khỏi trường trong giờ học.

- Những người không phải là cán bộ, giáo viên của nhà trường (gọi là khách) khi đến làm việc, bảo vệ phải thực hiện những việc sau:

+ Đo nhiệt độ, hỏi xem có sốt, ho, khó thở không. Nếu có thì không cho vào trường.

+ Báo với Ban Giám hiệu nhà trường.

+ Ghi lại tên, địa chỉ đơn vị công tác/nơi ở, số điện thoại liên lạc, ngày giờ ra vào trường và tên cán bộ của nhà trường làm việc với khách; hướng dẫn khách đến đúng phòng cần làm việc, không được đi vào các khu vực khác không cần thiết.

+ Đeo khẩu trang đúng cách khi tiếp xúc với khách.

+ Yêu cầu khách đeo khẩu trang đúng cách.

- Nhắc nhở học sinh, giáo viên, cán bộ nhà trường đeo khẩu trang đúng cách, không khạc nhổ, vứt rác bừa bãi.

- Khi bảo vệ có biểu hiện sốt, ho, khó thở thì phải đến phòng y tế ngay để được kiểm tra, theo dõi và xử lý kịp thời.

3.2. Ứng phó của nhà trường khi có trường hợp nghi ngờ mắc bệnh trong trường học

Khi phát hiện có học sinh, giáo viên, cán bộ, nhân viên, người lao động có triệu chứng mắc bệnh COVID-19 tại trường học, nhà trường cần thực hiện theo các bước sau:

- Cung cấp khẩu trang và hướng dẫn người nghi ngờ đeo đúng cách. Đưa người nghi ngờ đến khu cách ly riêng trong phòng y tế hoặc khu vực do nhà trường bố trí; hạn chế tiếp xúc với những người xung quanh, tránh tiếp xúc gần dưới 02 mét với những người khác.

- Nhân viên y tế/giáo viên kiêm nhiệm công tác y tế trường học (sau đây gọi tắt là cán bộ y tế trường học) đeo khẩu trang y tế, găng tay, sử dụng trang phục y tế. Thông báo kịp thời cho cơ quan y tế để có biện pháp xử trí.

- Thực hiện ngay việc lấy mẫu xét nghiệm kháng nguyên nhanh cho người nghi ngờ mắc bệnh COVID-19.

3.3. Xử trí khi có trường hợp học sinh mắc COVID-19 trong trường học

Phương án này nhằm chủ động phòng, chống dịch tại cơ sở giáo dục theo nguyên tắc kiểm soát nguy cơ lây nhiễm, phát hiện sớm ca nhiễm, cách ly, khoanh vùng kịp thời, không để lây lan trong trường học; đảm bảo môi trường

an toàn và thích ứng linh hoạt trong cơ sở giáo dục, hạn chế tối đa gián đoạn hoạt động dạy - học.

a) Về quy trình xử trí khi phát hiện trường hợp F0 trong cơ sở giáo dục: Thực hiện theo Công văn số 796/BYT-MT ngày 21/02/2022 của Bộ Y tế, cụ thể như sau:

Bước 1: Khi phát hiện trường hợp F0, báo ngay Hiệu trưởng/Ban chỉ đạo/Tổ an toàn phòng, chống dịch COVID-19 của nhà trường. Cán bộ y tế trường học hoặc Ban chỉ đạo/Tổ an toàn phòng, chống dịch COVID-19 của nhà trường chuyển ngay trường hợp F0 xuống phòng cách ly tạm thời của trường học theo lối đi riêng đã được phân luồng.

Bước 2: Hiệu trưởng/Ban chỉ đạo/Tổ an toàn phòng, chống dịch COVID-19 của nhà trường thông báo đồng thời ngay cho trạm y tế xã, phường hoặc cơ sở y tế đã được giao nhiệm vụ phân công hỗ trợ trường học trong công tác phòng, chống dịch COVID-19 để ngay lập tức đến xử lý cùng.

Bước 3: Đối với lớp học có học sinh F0:

- Cho học sinh ngồi yên tại chỗ. Cán bộ y tế trường học và Ban chỉ đạo/Tổ an toàn phòng, chống dịch COVID-19 của nhà trường, cán bộ y tế xã, phường tổ chức điều tra xác định các trường hợp F1 theo hướng dẫn của ngành y tế (việc xác định trường hợp là F1 thực hiện theo Công văn số 11042/BYT-DP ngày 29/12/2021 của Bộ Y tế về việc điều chỉnh định nghĩa ca bệnh COVID-19).

- Tổ chức xét nghiệm kháng nguyên nhanh ngay cho toàn bộ học sinh của lớp đó, nếu trường hợp có kết quả xét nghiệm kháng nguyên nhanh dương tính với vi rút SARS-CoV-2 thì được xác định là F0 và xử lý theo quy định.

- Nếu không phải là F1 và kết quả xét nghiệm kháng nguyên nhanh âm tính: cho những học sinh này đi học trở lại bình thường.

- Nếu là F1 và kết quả xét nghiệm kháng nguyên nhanh âm tính (thực hiện theo Công văn số 762/BYT-DP ngày 21/02/2022 của Bộ Y tế về việc cách ly y tế đối với ca bệnh COVID-19 và các trường hợp tiếp xúc gần):

+ Cách ly, theo dõi sức khỏe tại nhà, nơi lưu trú 05 ngày và xét nghiệm (RT-PCR hoặc kháng nguyên nhanh) ngày thứ 5 đối với những học sinh là F1 và đã tiêm đủ ít nhất 02 liều vắc xin phòng COVID-19 (được ghi trên giấy xác nhận đã tiêm vắc xin COVID-19, phần mềm ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử hoặc PC-Covid) theo quy định, liều cuối cùng tiêm trong thời gian ít nhất 14 ngày hoặc đã khỏi bệnh COVID-19 trong vòng 03 tháng tính đến thời điểm được xác định là đối tượng F1 (có giấy ra viện/giấy xác nhận khỏi bệnh COVID-19), các trường hợp có kết quả xét nghiệm âm tính với vi rút SARS-CoV-2 vào ngày thứ 5 được đi học trực tiếp trở lại, nhà trường và phụ huynh học sinh tiếp tục theo dõi sức khỏe cho học sinh trong 05 ngày tiếp theo và hướng dẫn học sinh thực hiện Thông điệp 5K.

+ Cách ly, theo dõi sức khỏe tại nhà, nơi lưu trú 07 ngày và xét nghiệm (RT-PCR hoặc kháng nguyên nhanh) ngày thứ 7 đối với những học sinh là F1 và chưa tiêm hoặc tiêm chưa đủ liều vắc xin phòng COVID-19, các trường hợp

có kết quả xét nghiệm âm tính với vi rút SARS-CoV-2 vào ngày thứ 7 được đi học trực tiếp trở lại, nhà trường và phụ huynh học sinh tiếp tục theo dõi sức khỏe cho học sinh trong 03 ngày tiếp theo và hướng dẫn học sinh thực hiện Thông điệp 5K.

+ Trong quá trình cách ly, theo dõi sức khỏe, nếu có triệu chứng mắc bệnh COVID-19 thì thông báo ngay cho Trạm Y tế cấp xã, nhà trường để theo dõi và xử trí theo quy định.

- Riêng đối với khối mầm non, nhà trẻ, nhóm trẻ: Nếu trong lớp học có 01 trường hợp F0 thì cho toàn bộ trẻ trong lớp đó cách ly, theo dõi sức khỏe tại nhà, nơi lưu trú 07 ngày và xét nghiệm (RT-PCR hoặc kháng nguyên nhanh) vào ngày thứ 7. Các trường hợp có kết quả xét nghiệm âm tính với vi rút SARS-CoV-2 vào ngày thứ 7 được đi học trực tiếp trở lại, phụ huynh và giáo viên tiếp tục theo dõi sức khỏe cho trẻ trong 03 ngày tiếp theo, nếu có triệu chứng mắc bệnh COVID-19 thì phụ huynh/giáo viên thông báo ngay cho Trạm Y tế xã, phường, Hiệu trưởng/Ban chỉ đạo/Tổ an toàn phòng, chống dịch COVID-19 của nhà trường để theo dõi và xử trí theo quy định.

Bước 4:

- Đối với lớp có học sinh F0: Sau khi xác định đối tượng là F1, cho học sinh không phải là F1 di chuyển sang lớp học dự phòng và khử khuẩn toàn bộ lớp học.

- Đối với học sinh các lớp học khác:

+ Nếu không có sự giao lưu tiếp xúc với F0 thì cho đi học bình thường.

+ Nếu xác định có học sinh tiếp xúc gần (F1) với trường hợp F0 thì tiến hành xét nghiệm kháng nguyên nhanh với trường hợp là F1 đó và xử lý F1 như bước 3.

* Lưu ý: Trường hợp phát hiện học sinh là F0 đang ở tại nhà, ngoài trường học, phụ huynh cho học sinh nghỉ học, báo ngay với nhà trường và Trạm y tế xã, phường. Nhà trường, Trạm Y tế xã, phường tiến hành truy vết các trường hợp là F1 liên quan và xử lý các trường hợp F1 như trên.

b) Tổ chức thu dung, điều trị trường hợp học sinh F0

Cán bộ y tế trường học, cán bộ Trạm y tế xã, phường hoặc cơ sở y tế được giao nhiệm vụ phân công hỗ trợ trường học trong công tác phòng, chống dịch COVID-19 thực hiện việc khám, đánh giá tình trạng sức khỏe của học sinh F0 để tổ chức điều trị tại nhà hoặc chuyển cơ sở y tế điều trị theo quy định hiện hành.

3.4. Công tác chuẩn bị cho học sinh trở lại trường học học trực tiếp

Nhằm bảo đảm an toàn khi tổ chức hoạt động giáo dục, đào tạo trực tiếp tại các cơ sở giáo dục phù hợp với tình hình dịch COVID-19 theo tinh thần Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021, theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 địa phương, các cơ sở giáo dục tổ chức cho học sinh trở lại trường học tập và thực hiện nghiêm các biện pháp đảm bảo an toàn, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 theo quy định.

- Các cơ sở giáo dục không bắt buộc tất cả các học sinh phải xét nghiệm trước khi trở lại trường để học trực tiếp, chỉ xét nghiệm đối với các trường hợp

nghi ngờ (sốt, ho, khó thở,... hoặc có triệu chứng nghi ngờ khác) hoặc có tiền sử tiếp xúc với F0.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục, kịch bản, giải pháp sẵn sàng ứng phó với các tình huống dịch bệnh xảy ra trong nhà trường trong quá trình tổ chức dạy học trực tiếp phù hợp với điều kiện thực tiễn dịch bệnh tại địa phương; có phương án dạy và học phù hợp đối với các trường hợp học sinh bị bệnh nền, hoàn cảnh khó khăn, sống xa cha mẹ,...

- Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, y tế tại trường học, chú ý đến các yếu tố liên quan đến người khuyết tật.

- Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19, công tác y tế trường học cho học sinh, cha mẹ học sinh, cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên nhằm tạo sự đồng thuận cho trẻ em mầm non, học sinh đến trường, đảm bảo an toàn thông qua sổ liên lạc điện tử, hệ thống sổ tay phòng, chống COVID-19, tài liệu hướng dẫn công tác y tế trường học hoặc hệ thống thông tin sẵn có của nhà trường.

- Kiện toàn bộ phận thường trực về công tác y tế trường học; bố trí phòng cách ly tạm thời, phòng y tế đảm bảo theo quy định, tổ chức hiệu quả công tác tư vấn tâm lý học đường.

- Tổ chức các hoạt động tư vấn tâm lý, tăng cường hoạt động thể chất, giáo dục kỹ năng, củng cố, bù đắp kiến thức trước khi dạy kiến thức mới, phân nhóm học sinh để hỗ trợ hiệu quả trong những ngày đầu học sinh quay trở lại trường. Tiếp tục tăng cường những yếu tố tích cực của dạy học trực tuyến để hỗ trợ dạy học trực tiếp; tiếp tục triển khai giảng dạy các nội dung chương trình cốt lõi theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời sớm xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết thúc năm học phù hợp.

- Nhà trường/Ban Chỉ đạo/các Tổ an toàn COVID-19 của trường phân công cán bộ, thực hiện kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống dịch theo quy định.

3.5. Việc tổ chức ăn bán trú của học sinh

Khi tổ chức các hoạt động giáo dục trực tiếp, các cơ sở giáo dục khi tổ chức ăn bán trú cho trẻ em mầm non, học sinh cần đảm bảo một số yêu cầu phòng chống dịch như sau:

- Nhà trường phải thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo hướng dẫn của ngành Y tế và ngành Giáo dục, trong đó bảo đảm theo nguyên tắc hạn chế giao lưu, tiếp xúc giữa các học sinh trong cùng lớp và giữa các lớp.

- Ưu tiên tổ chức ăn, ngủ, nghỉ ngay tại lớp học; học sinh lớp nào ăn, ngủ riêng theo lớp đó.

- Học sinh ăn theo suất ăn riêng, không dùng chung các đồ dùng cá nhân, rửa tay với nước sạch và xà phòng trước và sau khi ăn.

- Vệ sinh, khử khuẩn nhà ăn sau mỗi lượt tổ chức cho học sinh ăn (nếu tổ chức ăn ở nhà ăn chung của nhà trường).

- Bảo đảm an toàn thực phẩm, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm. 

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết số 128/NQ-CP của Chính phủ ngày 11/10/2021 ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”.

2. Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27/01/2022 của Bộ Y tế ban hành hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”.

3. Công văn số 283/BGDĐT-GDTC ngày 24/1/2022 về việc tổ chức dạy học trực tiếp tạo các cơ sở giáo dục.

4. Công văn số 4726/BGDĐT-GDTC ngày 19/10/2021 về việc tổ chức hoạt động học trực tiếp tại các CSGD để triển khai thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ về quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”.

5. Công văn số 510/BYT-MT ngày 28/01/2022 của Bộ Y tế gửi UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc bảo đảm công tác phòng, chống dịch COVID-19 khi tổ chức dạy, học trực tiếp.

6. Công văn số 796/BYT-MT ngày 21/02/2022 của Bộ Y tế gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn công tác phòng, chống dịch COVID-19 khi tổ chức dạy, học trực tiếp.

7. Công văn số 762/BYT-DP ngày 21/02/2022 về việc cách ly y tế đối với ca bệnh COVID-19 và các trường hợp tiếp xúc gần.

8. Công văn số 11042/BYT-DP ngày 29/12/2021 về việc điều chỉnh định nghĩa ca bệnh COVID-19.

9. Kế hoạch số 895/KH-BGDĐT ngày 09/9/2021 về công tác đảm bảo an toàn phòng, chống dịch COVID-19 của ngành Giáo dục năm học 2021-2022.

10. Quyết định số 2566/QĐ-BGDĐT ngày 09/9/2020 về việc phê duyệt Sổ tay đảm bảo an toàn phòng, chống dịch COVID-19 trong trường học;

11. Quyết định số 3822/QĐ-BGDĐT ngày 23/11/2020 về việc phê duyệt các tài liệu truyền thông về phòng, chống dịch bệnh COVID-19 và công tác y tế trong trường học

12. Công văn số 8688/BYT-DP ngày 14/10/2021 về việc tiêm vắc-xin phòng COVID-19 cho trẻ em từ 12-17 tuổi.

13. Công văn số 6666/BYT-MT ngày 16/8/2021 về việc hướng dẫn phòng, chống dịch tại cơ quan, công sở.

14. Công văn số 914/BYT-MT ngày 26/2/2020 của Bộ Y tế về việc tang cường công tác phòng, chống dịch COVID-19 trong trường học, ký túc xá.

15. Công văn số 1244/BYT-MT ngày 13/3/2020 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn xử lý các trường hợp bị sốt, ho, khó thở tại trường học.

16. Chỉ thị số 79/CT-BGDĐT ngày 28/01/2021 về một số biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19 trong các cơ sở giáo dục.

17. Công văn số 4594/BGDĐT-GDTC ngày 30/10/2020 về việc hướng dẫn cài đặt, sử dụng hệ thống hỗ trợ phòng, chống dịch COVID-19 và thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định.

18. Công văn số 1398/BGDĐT-GDTC ngày 23/4/2020 về việc hướng dẫn các điều kiện bảo đảm an toàn cho học sinh đi học trở lại và xử trí trường hợp nghi ngờ mắc COVID-19 trong trường học.

19. Công văn số 239/BGDĐT-GDTC ngày 22/01/2020 về việc tăng cường triển khai công tác y tế trường học, phòng, chống dịch bệnh mùa đông xuân.

20. Công văn số 260/BGDĐT-GDTC ngày 31/01/2020 về việc phòng, chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra trong trường học.

21. Công văn số 265/BGDĐT-GDTC ngày 01/02/2020 về việc triển khai Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 31/1/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

22. Công văn số 269/BGDĐT-GDTC ngày 03/02/2020 về việc hướng dẫn việc cho học sinh, sinh viên nghỉ học phòng, chống dịch bệnh nCoV.

23. Công văn số 460/BGDĐT-GDTC ngày 13/02/2020 về việc tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 khi học sinh, sinh viên đi học trở lại.

24. Công văn số 550/BGDĐT-GDTC ngày 25/02/2020 về việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trong trường học.

25. Công văn số 696/BGDĐT-GDTC ngày 04/03/2020 về những việc cần làm để phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trong trường học.

26. Công văn số 975/BGDĐT-GDTC ngày 18/3/2020 về việc hướng dẫn các địa phương, các cơ sở giáo dục hướng xử trí khi xuất hiện tình trạng học sinh có biểu hiện sốt, ho, khó thở hoặc nghi ngờ mắc COVID-19 trong trường học.

27. Công văn số 1583/BGDĐT-GDTC 07/5/2020 về việc thực hiện các biện pháp phòng, chống COVID-19 tại trường học trong tình hình mới.

28. Công văn số 96/KCB-ĐD & KSNK ngày 24/1/2020 về phòng và kiểm soát lây nhiễm bệnh phổi cấp do chủng vi rút Corona mới (nCoV) trong bệnh viện.

29. Công văn số 100/KCB-NV ngày 31/1/2020 về việc quản lý, điều trị người bệnh viêm đường hô hấp cấp do nCoV.

30. Công văn 476/MT-VP 2020 danh mục việc cần làm phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trong trường học.

31. Cascella M, Rajnik M, Cuomo A, Dulebohn SC, Di Napoli R. Features, Evaluation and Treatment Coronavirus (COVID-19). In: *StatPearls*. StatPearls Publishing; 2020. Accessed March 18, 2020. <http://www.ncbi.nlm.nih.gov/books/NBK554776/>.

32. Cui J, Li F, Shi Z-L. Origin and evolution of pathogenic coronaviruses. *Nat Rev Microbiol.* 2019;17(3):181-192. doi:10.1038/s41579-018-0118-9
33. Hội Dinh dưỡng tiết chế Việt Nam. *Hướng dẫn dinh dưỡng dự phòng COVID-19.* Nhà xuất bản Lao động; 2020.
34. UNICEF. COVID-19 Emergency Preparedness and Response; WASH and Infection Prevention and Control Measures in Schools. Published online March 25, 2020.
35. UNICEF, WHO, CIFRC. *Key Messages and Actions for COVID-19 Prevention and Control in Schools.*; 2020.
36. WHO. Water, sanitation, hygiene, and waste management for the COVID-19 virus. Published online March 2020.
37. WHO. Coronavirus disease (COVID-19) technical guidance: Early investigations. Accessed March 1, 2020. <https://www.who.int/emergencies/diseases/novel-coronavirus-2019/technical-guidance/early-investigations>.
38. WHO. Coronavirus disease (COVID-19) technical guidance: Infection prevention and control. Accessed March 1, 2020. <https://www.who.int/emergencies/diseases/novel-coronavirus-2019/technical-guidance/infection-prevention-and-control>.
39. WHO. Coronavirus disease (COVID-19) technical guidance: Surveillance and case definitions. Accessed March 1, 2020. <https://www.who.int/emergencies/diseases/novel-coronavirus-2019/technical-guidance/surveillance-and-case-definitions>.
40. Wu D, Wu T, Liu Q, Yang Z. The SARS-CoV-2 outbreak: what we know. *International Journal of Infectious Diseases.* 2020;0(0). doi:10.1016/j.ijid.2020.03.004.

Văn Giang, ngày 08 tháng 02 năm 2022

QUY CHẾ
PHỐI HỢP THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19
TẠI TRƯỜNG THCS THỊ TRẤN VĂN GIANG

Căn cứ Công văn số 252/UBND-KGVX ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc tổ chức dạy học trực tiếp tại các cơ sở giáo dục;

Căn cứ Công văn số 2646/SYT-NV ngày 18/11/2021 của Sở Y tế về Hướng dẫn phòng chống dịch bệnh Covid-19 trong trường học trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Công văn số 81/UBND-GD&ĐT ngày 28/01/2022 của UBND huyện Văn Giang về việc tổ chức dạy học trực tiếp tại các cơ sở giáo dục;

Căn cứ kế hoạch số 06/KH-PGDĐT ngày 29/01/2022 của Phòng GD&ĐT Văn Giang về việc tổ chức dạy học trực tiếp sau thời gian tạm dừng đến trường để phòng chống dịch covid-19;

Trường THCS Thị trấn Văn Giang và trạm y tế Thị Trấn Văn Giang thống nhất xây dựng quy chế phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền phòng chống dịch viêm phổi cấp do chủng mới virus Corona trong nhà trường với những nội dung như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về những nội dung và biện pháp phối hợp công tác nhằm bảo đảm công tác tuyên truyền phòng chống dịch viêm phổi cấp giữa hai đơn vị Trường THCS Thị trấn Văn Giang và và trạm y tế Thị Trấn Văn Giang.

2. Quy chế được áp dụng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh của Trường THCS Thị trấn Văn Giang và và trạm y tế Thị Trấn Văn Giang.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp giữa Trường THCS Thị trấn Văn Giang và trạm y tế Thị Trấn Văn Giang .

1. Bảo đảm sức khỏe trong trường học là nhiệm vụ thường xuyên của nhà trường, là trách nhiệm của các ngành, các cấp, các tổ chức và cá nhân có liên quan, trong đó trách nhiệm của Trường THCS Thị trấn Văn Giang và và trạm y tế thị trấn Văn Giang

2. Nội dung hoạt động phối hợp gồm: Tuyên truyền phòng chống, phát hiện, phòng ngừa.

3. Công tác phối hợp giữa hai đơn vị được thống nhất từ lãnh đạo đến cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường và cán bộ thuộc và trạm y tế Thị Trấn Văn Giang, căn

cứ theo chức năng, nhiệm vụ của mỗi đơn vị; Khi xử lý, giải quyết các vấn đề liên quan đến tình hình diễn biến dịch bệnh trong trường học phải bảo đảm sự chủ động, kịp thời và có sự trao đổi thống nhất trước khi quyết định.

Chương II

NỘI DUNG VÀ BIỆN PHÁP PHỐI HỢP CỤ THỂ

Điều 3. Nhiệm vụ của trường THCS Thị Trấn Văn Giang

1. Chủ động phối hợp với và trạm y tế Thị Trấn Văn Giang và các cơ quan, đơn vị chức năng của địa phương để xây dựng phương án, kế hoạch cụ thể nhằm tuyên truyền phòng chống dịch.

2. Tuyên truyền phòng chống dịch covid-19.

3. Phối hợp chặt chẽ với gia đình học sinh, các cơ quan chức năng và trạm y tế Thị Trấn Văn Giang để có biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn những tác động tiêu cực của dịch bệnh.

Điều 4. Nhiệm vụ của Trạm y tế thị trấn Văn Giang:

- Thường xuyên trao đổi với Trường THCS Thị trấn Văn Giang về tình hình và thông tin có liên quan đến dịch bệnh.

- Chủ trì phối hợp với Trường THCS Thị trấn Văn Giang tuyên truyền phòng ngừa, phát hiện dịch bệnh.

- Cử nhân viên phụ trách theo dõi hướng dẫn, hỗ trợ công tác phòng chống dịch tại nhà trường.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hai đơn vị, Trường THCS Thị trấn Văn Giang và và trạm y tế Thị Trấn Văn Giang triển khai thực hiện thống nhất theo những nội dung, nhiệm vụ cụ thể của từng ngành đã nêu trong Quy chế.

2. Trường THCS Thị trấn Văn Giang phối hợp với và trạm y tế Thị Trấn Văn Giang giúp lãnh đạo hai đơn vị theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện tốt Quy chế này.

3. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và được phổ biến trong hai đơn vị phối hợp.

ĐẠI DIỆN TRẠM Y TẾ

ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỜNG

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 của Hội nghị lần thứ Mười một Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIX

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 08/10/2021 của Hội nghị lần thứ Mười một Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIX về Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 08/10/2021 của Hội nghị lần thứ Mười một Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIX về Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Giáo dục và đào tạo Hưng Yên được đổi mới căn bản và toàn diện theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá; chất lượng giáo dục tiếp tục được nâng cao một cách toàn diện, gồm: giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, thể chất, thẩm mỹ, năng lực sáng tạo, năng lực thực hành, năng lực ngoại ngữ và công nghệ nhằm phát triển con người toàn diện, nâng cao dân trí góp phần tăng cường nội lực làm tiền đề thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng Hưng Yên thành tỉnh công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiệu quả cao, phát triển nhanh và bền vững. Phát triển giáo dục theo quy hoạch, bảo đảm cân đối về quy mô, cơ cấu, loại hình; đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài và xã hội hóa giáo dục; xây dựng xã hội học tập.

2. Việc tổ chức thực hiện Nghị quyết phải được cụ thể hóa thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, thiết thực và tổ chức thực hiện đảm bảo hiệu quả, chất lượng, đúng tiến độ.

II. CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUNG YÊN

1. Chỉ tiêu phát triển giáo dục và đào tạo Hưng Yên đến năm 2025

- Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tế của từng địa phương; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo; huy động khoảng 42% trẻ em trong độ tuổi

vào nhà trẻ và 100% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo đến trường; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thể thấp còi giảm xuống còn 2,0%.

- Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3. Phần đầu đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%; học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học vào lớp 6 đạt 100%; học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học lớp 10 đạt khoảng 75%; học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được phân luồng học nghề đạt khoảng 25%; học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông vào các trường đại học đạt trên 55%. Phần đầu có trên 60% học sinh tham gia dự thi học sinh giỏi quốc gia đoạt giải.

- Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn theo Luật Giáo dục 2019: Mầm non đạt 90%-95%; tiểu học đạt 80%-85%, trung học cơ sở đạt 90%-95%.

- Phòng học kiên cố: Mầm non đạt 90%, phổ thông đạt 100%.

- Trường chuẩn quốc gia: Giáo dục mầm non, phổ thông công lập đạt 100%.

- Nâng cao chất lượng giáo dục thường xuyên, duy trì bền vững kết quả xóa mù chữ mức độ 2. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng; tuyên truyền để người dân nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm trong việc tự học, học tập thường xuyên, học tập suốt đời thông qua các trung tâm học tập cộng đồng.

- Nâng cao chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội, phần đầu tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70%, trong đó lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 30%.

- Tiếp tục thu hút các trường đại học, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh; tạo điều kiện để thúc đẩy trường Đại học Bách khoa Hà Nội đầu tư xây dựng cơ sở 2 tại huyện Văn Giang, trường Đại học Công đoàn hoàn thành đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động cơ sở 2 tại huyện Yên Mỹ.

(Chi tiết một số chỉ tiêu theo Phụ lục đính kèm, gồm:

Phụ lục 01: Kế hoạch xây dựng mạng lưới các trường mầm non, phổ thông giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên.

Phụ lục 02: Kế hoạch xây dựng và công nhận trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên.

Phụ lục 03: Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và phổ thông giai đoạn 2021-2025.

Phụ lục 04: Lộ trình nâng trình độ chuẩn giáo viên giai đoạn 2021-2025 đối với các trường Mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập tỉnh Hưng Yên.

Phụ lục 05: Tổng hợp Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên.)

2. Định hướng phát triển giáo dục và đào tạo Hưng Yên đến năm 2030

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện đáp ứng yêu cầu của tỉnh có công nghiệp thuộc nhóm phát triển mạnh của cả nước, nông nghiệp hàng hóa hiệu quả cao, an toàn, bền vững và đáp ứng các yêu cầu chuyển đổi số.

- Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi vào nhà trẻ phân đầu đạt trên 45%, trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo đạt 100%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thể thấp còi dưới 2%; nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo.

- 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1; 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học vào học lớp 6; trên 70% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học lớp 10; trên 30% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được phân luồng học nghề; phân đầu có trên 65% học sinh tham gia dự thi học sinh giỏi quốc gia đoạt giải, có học sinh giỏi quốc tế.

- 100% giáo viên cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông đạt trình độ chuẩn trở lên.

- Phòng học kiên cố, trường đạt chuẩn quốc gia cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông đạt 100%.

- Tiếp tục khuyến khích các trường đại học, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp về đầu tư, phát triển hoạt động tại Khu Đại học Phố Hiến và trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục điều chỉnh mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đảm bảo đúng quy hoạch.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đổi mới mạnh mẽ quản lý nhà nước đối với giáo dục và đào tạo

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra thực hiện của các cấp ủy đảng, chính quyền trong thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 08/10/2021 của Hội nghị lần thứ Mười một Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIX về Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; tiếp tục nghiên cứu, ban hành các chính sách của tỉnh về phát triển giáo dục và đào tạo, thực sự coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu.

- Bảo đảm sự thống nhất trong quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, đồng thời phát huy vai trò, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, các xã, phường, thị trấn. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong quản lý giáo dục. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động giáo dục nhằm đảm bảo kỷ cương, nền nếp và thực hiện có hiệu quả đổi mới công tác quản lý, đổi mới việc dạy và học.

- Tích cực tuyên truyền trong nhân dân và tăng cường công tác quản lý để việc dạy thêm, học thêm, thu góp vừa đáp ứng được nhu cầu học tập thiết thực

của học sinh, vừa ngăn ngừa tình trạng dạy thêm, học thêm, thu góp trái quy định, gây bức xúc xã hội. Phối hợp với các cấp, các ngành xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh; phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội xâm nhập vào trường học.

2. Xây dựng mạng lưới trường, lớp và mở rộng quy mô loại hình đào tạo, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông; thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các trường mầm non, trường phổ thông công lập gắn với nâng cao chất lượng giáo dục; hình thành trường phổ thông có nhiều cấp học (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông); bảo đảm nguyên tắc tạo thuận lợi cho việc học tập của học sinh gắn với các điều kiện bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông và phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tế của từng địa phương theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ Sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Chương trình hành động số 24-CTr/TU ngày 05/02/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 30/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW.

- Triển khai thực hiện hiệu quả các Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 02/KH-UBND ngày 09/01/2020 về thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025; số 14/KH-UBND ngày 22/01/2020 về phát triển giáo dục mầm non tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025 và Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 23/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên phê duyệt quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập để cân đối, điều chỉnh số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông làm cơ sở phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp có đủ về số lượng, bảo đảm cơ cấu giáo viên theo từng môn học, cấp học, nhất là các môn học mới.

- Phát huy hiệu quả, nâng cao chất lượng và nâng mức đạt chuẩn quốc gia đối với các trường đã đạt chuẩn quốc gia; triển khai thực hiện Kế hoạch số 192/KH-UBND ngày 21/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non, phổ thông tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025.

- Đẩy mạnh công tác phân luồng và định hướng nghề nghiệp ở giáo dục phổ thông, bảo đảm đến năm 2025 học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học lớp 10 đạt khoảng 75%; học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được phân luồng học nghề đạt khoảng 25%. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 21/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025” trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Tiếp tục củng cố, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động trung tâm học tập cộng đồng tại các xã, phường, thị trấn.

- Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 07/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Xây dựng cơ chế ưu đãi tạo điều kiện thuận lợi tiếp tục thu hút các trường đại học, cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm nghiên cứu và thực hành, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển, phòng thí nghiệm đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh, nhất là tại Khu Đại học Phố Hiến.

3. Thực hiện đổi mới giáo dục và triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất người học

- Hình thành, phát triển cho học sinh các nhóm phẩm chất, năng lực chủ yếu được xác định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018; thực hiện đúng lộ trình theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Giáo dục mầm non: Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non mới, bảo đảm mục tiêu giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1; phát triển đa dạng các hình thức chăm sóc, giáo dục trẻ dưới 5 tuổi; triển khai thực hiện chương trình hướng dẫn chăm sóc, giáo dục trẻ tại gia đình.

- Giáo dục phổ thông: Triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đảm bảo mục tiêu phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, công nghệ, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời. Đẩy mạnh thực hiện Đề án ngoại ngữ quốc gia phù hợp yêu cầu và lộ trình thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày

25/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Tổ chức biên soạn tài liệu giáo dục địa phương theo quy định và triển khai giảng dạy trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh giáo dục thường xuyên nhằm tạo điều kiện cho mọi người vừa làm vừa học, học liên tục, học tập suốt đời nhằm phát huy năng lực cá nhân, hoàn thiện nhân cách, mở rộng hiểu biết, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ để tìm việc làm, tự tạo việc làm và thích nghi với đời sống xã hội; góp phần xây dựng xã hội học tập.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên.

- Đổi mới mạnh mẽ nội dung giáo dục đại học theo hướng hiện đại, phù hợp với từng ngành, nhóm ngành đào tạo và việc phân tầng của hệ thống giáo dục đại học. Chú trọng phát triển năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết xã hội, từng bước tiếp cận trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới.

- Tiếp tục đổi mới nội dung giáo dục nghề nghiệp được xây dựng theo hướng tích hợp kiến thức, kỹ năng, tác phong làm việc chuyên nghiệp để hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề để đáp ứng nhu cầu nhân lực phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70%, trong đó lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 30%.

4. Đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, thi và đánh giá kết quả giáo dục và đào tạo

- Tăng cường đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của người học, học đi đôi với hành, lý thuyết gắn liền với thực tiễn. Bảo đảm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học, chấm dứt lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực toàn diện; chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang hình thức học tập đa dạng, học trực tuyến dựa trên nền tảng kỹ thuật số, hệ thống đa phương tiện, chú trọng các hoạt động xã hội, ngoại khóa.

- Đẩy mạnh giáo dục STEM theo tinh thần Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tích cực hướng dẫn học sinh trung học nghiên cứu khoa học.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật số trong dạy, học và công tác giáo dục đào tạo. Tích cực hướng dẫn học sinh trung học nghiên cứu khoa học; rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu sách giáo

khoa và tài liệu học tập để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập, dành nhiều thời gian trên lớp cho học sinh luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận, bảo vệ kết quả học tập; giáo viên tổng hợp, nhận xét, đánh giá, kết luận để học sinh tiếp nhận và vận dụng.

- Đa dạng các hình thức tổ chức dạy học; trang bị đầy đủ sách, tài liệu nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên; thiết bị dạy học, vật tư để dạy thực hành thí nghiệm; khuyến khích tổ chức các hoạt động phát triển năng lực học sinh như văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao; thí nghiệm - thực hành, ngày hội công nghệ thông tin; ngày hội sử dụng ngoại ngữ. Tăng cường xây dựng môi trường dạy học và sử dụng ngoại ngữ trong các nhà trường; tăng cường giao lưu, hợp tác giúp học sinh hứng thú học tập, rèn luyện kỹ năng sống, tiếp cận mô hình giáo dục tiên tiến trên thế giới, bảo đảm bản sắc dân tộc.

- Thực hiện đổi mới và tổ chức các kỳ thi an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế, đảm bảo khách quan, phản ánh đúng chất lượng dạy và học; định kỳ tổ chức đánh giá kết quả học tập của học sinh phổ thông trong tỉnh và tham gia các kỳ đánh giá kết quả học tập của học sinh phổ thông cấp quốc gia và quốc tế theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Triển khai thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 03/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tổ chức dạy học an toàn, bảo đảm chương trình và mục tiêu chất lượng giáo dục, đào tạo ứng phó với đại dịch COVID-19.

- Chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch năm học linh hoạt phù hợp với tình hình dịch tại địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập của học sinh trong bối cảnh dịch COVID-19 có thể còn kéo dài, giúp các em vừa đảm bảo sức khỏe, vừa hoàn thành chương trình giáo dục theo kế hoạch và đảm bảo chất lượng giáo dục. Thực hiện dạy học trực tuyến, đào tạo từ xa; chuẩn hóa hệ thống bài giảng, kho học điện tử chia sẻ theo hướng tạo môi trường tương tác, tăng tính thích ứng và trải nghiệm với người học, tăng cường khả năng tự học của học sinh. Xây dựng hệ thống đề thi, bài kiểm tra, ngân hàng câu hỏi phục vụ tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tuyến một cách phù hợp.

5. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo

- Xây dựng đề án phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp đủ về số lượng, bảo đảm cơ cấu giáo viên theo từng môn học, cấp học, nhất là môn học mới; nâng cao chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 giai đoạn 2021- 2025 và các năm tiếp theo.

- Triển khai thực hiện Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo

viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở. Thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 02/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở giai đoạn 1 (2021-2025). Phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn: Giáo dục mầm non đạt 90% - 95%, tiểu học đạt 80% - 85%, trung học cơ sở đạt 90% - 95%; đến năm 2030, 100% giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đạt chuẩn và trên chuẩn.

- Tiếp tục bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông. Chú trọng nâng cao ý thức trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; chấn chỉnh, xử lý nghiêm các đơn vị, cá nhân vi phạm đạo đức nhà giáo.

- Thực hiện tốt chính sách phát triển đội ngũ giáo viên: Thăng hạng chức danh nghề nghiệp, chế độ tiền lương và các phụ cấp, trợ cấp khác; đánh giá, khen thưởng; áp dụng các hình thức khuyến khích, tạo động lực cho đội ngũ nhà giáo chuyên tâm với nghề. Xây dựng các cơ chế để thu hút các nghệ nhân, nghệ sỹ tài năng, chuyên gia, người có trình độ chuyên môn cao tham gia giảng dạy và truyền nghề tại các cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng việc Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với phong trào thi đua “Dạy tốt - Học tốt”.

6. Tăng cường nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế

- Huy động mọi nguồn lực và tăng cường đầu tư ngân sách nhà nước để thực hiện các mục tiêu phát triển giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp. Tăng cường hợp tác, liên kết giữa các cơ sở giáo dục đào tạo và cơ sở giáo dục nghề nghiệp với các cá nhân, doanh nghiệp uy tín trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho các cơ sở giáo dục đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Phấn đấu đạt mục tiêu:

+ Bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị trường học để thực hiện chương trình giáo dục mầm non và chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2021- 2025 theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học theo lộ trình thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

+ Đầu tư xây dựng thay thế phòng học nhờ, phòng học mượn, phòng học tạm, phòng học bán kiên cố đã hết niên hạn sử dụng, đang xuống cấp.

+ Đầu tư xây dựng bổ sung phòng học đạt chuẩn 01 lớp/phòng cấp mầm non và tiểu học; đủ số phòng phục vụ học tập, phòng bộ môn và thư viện cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông.

+ Mua sắm bổ sung đủ số thiết bị dạy học tối thiểu cho giáo dục mầm non và phổ thông, ưu tiên cho các cấp học phổ thông theo lộ trình đổi mới chương trình, sách giáo khoa.

- Xây dựng Đề án cải tạo và nâng cấp nhà vệ sinh cho học sinh; công trình nước sạch trong các trường học, bảo đảm tất cả các trường đều có công trình vệ sinh và công trình nước sạch đạt chuẩn theo quy định. Triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 02/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025.

- Quản lý và sử dụng các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp có hiệu quả, có trọng điểm, tránh đầu tư dàn trải; nâng cao tính tự chủ của các cơ sở giáo dục đảm bảo tính công khai, minh bạch và trách nhiệm đối với Nhà nước, người học và xã hội.

- Đổi mới cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 169/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Tăng cường hoạt động của Hội khuyến học từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn, khu dân cư, dòng họ. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục nhằm huy động tổng hợp các nguồn lực để thực hiện các mục tiêu về phát triển giáo dục và đào tạo.

- Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và các đoàn thể xã hội trong hoạt động giáo dục. Thực hiện có hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi cho học sinh, sinh viên; quan tâm hỗ trợ giải quyết việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp học nghề, tạo điều kiện ổn định về thu nhập.

- Nghiên cứu, triển khai huy động các nguồn lực để hỗ trợ học sinh, sinh viên, người lao động thuộc đối tượng chính sách hoặc có hoàn cảnh khó khăn được tiếp cận các điều kiện, dịch vụ giáo dục, đào tạo.

- Tích cực thu hút các trường đại học, cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp về đầu tư hoạt động trên địa bàn tỉnh. Tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đầu tư thành lập trường mầm non và phổ thông trên địa bàn tỉnh theo quy định pháp luật, nhất là tại các địa phương có nhiều doanh nghiệp hoạt động.

- Mở rộng và nâng cao quan hệ hợp tác quốc tế về giáo dục, đào tạo và dạy nghề; tranh thủ các nguồn lực quốc tế hỗ trợ phát triển giáo dục và đào tạo; vận dụng có chọn lọc phương pháp dạy và học của các mô hình giáo dục tiên

tiên, đẩy nhanh tiến độ đổi mới chương trình, chất lượng đào tạo các trình độ phù hợp với khu vực và quốc tế. Khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ giáo viên, giảng viên đi học tập và nghiên cứu ở nước ngoài bằng nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước.

- Tiếp tục chương trình hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo với tỉnh Incheon của Hàn Quốc, các nước trong khu vực và quốc tế nhằm bồi dưỡng giáo viên tạo điều kiện để giáo viên được học hỏi, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; hỗ trợ các cơ sở giáo dục, đào tạo của tỉnh Hưng Yên hợp tác, trao đổi với các trường của Hàn Quốc, các nước trong khu vực và quốc tế.

- Triển khai dự án, chương trình hợp tác quốc tế về giáo dục, đào tạo và dạy nghề; xây dựng cơ chế quản lý việc tiếp nhận, sử dụng các loại học bổng, tài trợ của nước ngoài.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Đổi mới giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện Kế hoạch trong phạm vi toàn tỉnh.
- Chỉ đạo các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này đảm bảo hiệu quả, chất lượng, tiến độ.
- Đôn đốc, kiểm tra các đơn vị giáo dục trong việc thực hiện Kế hoạch. Tổ chức đánh giá sơ kết vào năm 2023, tổng kết tình hình thực hiện Chương trình vào năm 2025.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo Đổi mới giáo dục và đào tạo tỉnh; tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo Đổi mới giáo dục và đào tạo tỉnh phối hợp với các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố triển khai có hiệu quả Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo nhằm cụ thể hoá và thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nội dung của Kế hoạch.

- Tổ chức quán triệt thực hiện Kế hoạch này trong toàn ngành.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện xã hội hoá giáo dục, có kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển giáo dục, kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp tiêu cực, sai phạm trái với quy định công tác quản lý, phát hiện những tập thể, cá nhân làm tốt công tác giáo dục để đề nghị khen thưởng kịp thời; tổng hợp tình hình, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chủ động làm việc với các đơn vị chuyên môn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục, các cơ quan thuộc các bộ, ngành trên địa bàn để tranh

thủ sự giúp đỡ, hỗ trợ, hợp tác phát triển giáo dục và đào tạo Hưng Yên.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Hướng dẫn các ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố trong việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, chú trọng quan tâm quy hoạch giáo dục và phát triển nguồn nhân lực của tỉnh nhằm tạo sự thống nhất, đồng bộ hoàn thành hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch nhà nước hằng năm gắn với chỉ tiêu phát triển giáo dục và đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Cân đối, bố trí vốn đầu tư xây dựng cơ bản để thực hiện Kế hoạch này.

4. Sở Tài chính

Chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn ngân sách thường xuyên cho giáo dục và đào tạo theo phân cấp; hướng dẫn cơ chế quản lý các nguồn kinh phí thường xuyên theo quy định hiện hành.

5. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố nghiên cứu trình Ủy ban nhân dân tỉnh cơ cấu tổ chức, cơ chế tự chủ và tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính, các chế độ chính sách phù hợp với thực tế, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước; xây dựng quy chế tuyển dụng, luân chuyển cán bộ, giáo viên và giao số lượng người làm việc đội ngũ giáo viên, nhân viên đảm bảo quy định.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện và hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp tại Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 08/10/2021 của Hội nghị lần thứ Mười một Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIX về Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Tổng hợp kế hoạch đào tạo của các ngành, địa phương và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh hàng năm trong từng thời kỳ trình Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quản lý nhà nước, tạo hành lang pháp lý phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp và phát triển nguồn nhân lực.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Xây dựng, các sở, ngành liên quan hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố lập quy hoạch, kế hoạch về

quản lý sử dụng đất trong các cơ sở trường học theo quy định của Luật Đất đai phù hợp với quy mô từng loại hình trường, lớp.

8. Các sở, ban, ngành, đoàn thể

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện xã hội hoá giáo dục, phối hợp với các cấp chính quyền địa phương giám sát thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch, kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp tiêu cực, sai phạm, phát hiện những tập thể cá nhân làm tốt công tác giáo dục để kịp thời khen thưởng.

9. Ban quản lý Khu Đại học Phố Hiến

- Tham mưu UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh Đề án phát triển Khu Đại học Phố Hiến theo quy định; thực hiện các nội dung về thu hút đầu tư phát triển Khu đại học Phố Hiến tại Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 08/10/2021 của Tỉnh ủy.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh nhằm thu hút các trường đại học, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp... về đầu tư hoạt động tại Khu Đại học Phố Hiến.

10. Báo Hưng Yên; Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên

Xây dựng chương trình tuyên truyền trên Báo Hưng Yên; Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên về công tác phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

11. Hội Khuyến học tỉnh

Làm nòng cốt trong việc liên kết, phối hợp với các tổ chức, các lực lượng xã hội tham gia hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, thúc đẩy việc học tập trong gia đình, dòng họ, cộng đồng dân cư; khuyến khích và hỗ trợ việc dạy và học trong nhà trường. Vận động nhân dân xây dựng và duy trì thói quen tự học, ý thức học tập suốt đời phù hợp với điều kiện cụ thể của từng cá nhân. Quan tâm đến những người nghèo, người khuyết tật không có điều kiện học tập và những người có năng khiếu. Liên kết, vận động mọi gia đình và tổ chức xã hội, cùng các cơ sở giáo dục và đào tạo góp phần động viên, chăm lo về vật chất và tinh thần đối với các thầy cô giáo, thực hiện sự kết hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội, học kết hợp với hành, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh.

12. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng Đề án hoặc Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo của địa phương phù hợp với Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh. Việc xây dựng Đề án, hoặc Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo hằng năm của địa phương phải sát với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện, thị xã, thành phố đã được duyệt; đặc biệt chú ý thực hiện các chương trình mục tiêu

quốc gia như chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình giáo dục phổ thông 2018, đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non, phổ thông.

- Chỉ đạo các phòng, ban, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này.

- Đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết định kỳ, tổ chức khen thưởng kịp thời các đơn vị giáo dục thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung của Chương trình đề ra; đồng thời kiểm điểm, phê bình các đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ. Thực hiện tốt chế độ thông tin, báo cáo theo quy định; tham mưu, đề xuất kịp thời các giải pháp phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

13. Các cơ sở giáo dục và đào tạo

- Căn cứ các mục tiêu của Kế hoạch, gắn với chức năng nhiệm vụ của đơn vị xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường; Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo hàng năm và trong từng thời kỳ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Kế hoạch phải đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ và lộ trình thực hiện những mục tiêu cụ thể đối với từng cấp học.

- Tổ chức triển khai Kế hoạch này đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

- Huy động mọi nguồn lực để đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng giáo dục. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. *lethan*

Nơi nhận: *nh*

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm TT-HN;
- Lưu: VT, KGVX^{Ph}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Duy Hưng

PHỤ LỤC 01

Kế hoạch xây dựng mạng lưới các trường mầm non, phổ thông giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên
(Kèm theo Kế hoạch số 27 /KH-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Đơn vị	Chia ra các năm														
		2021			2022			2023			2024			2025		
		Tổng số	Công lập	Ngoài CL	Tổng số	Công lập	Ngoài CL	Tổng số	Công lập	Ngoài CL	Tổng số	Công lập	Ngoài CL	Tổng số	Công lập	Ngoài CL
I	Bậc mầm non	190	161	29	193	161	32	195	161	34	198	161	37	200	161	39
1	TP Hưng Yên	22	17	5	22	17	5	22	17	5	22	17	5	22	17	5
2	Tiên Lữ	16	15	1	16	15	1	16	15	1	16	15	1	16	15	1
3	Phù Cừ	14	14	0	14	14		14	14		15	14	1	15	14	1
4	Kim Động	17	17	0	17	17		17	17		17	17		17	17	
5	Ân Thi	23	21	2	23	21	2	24	21	3	24	21	3	25	21	4
6	Yên Mỹ	23	17	6	24	17	7	25	17	8	25	17	8	26	17	9
7	Mỹ Hào	19	13	6	20	13	7	20	13	7	21	13	8	21	13	8
8	Văn Lâm	14	11	3	14	11	3	14	11	3	15	11	4	15	11	4
9	Văn Giang	14	11	3	15	11	4	15	11	4	15	11	4	15	11	4
10	Khoái Châu	28	25	3	28	25	3	28	25	3	28	25	3	28	25	3
II	Bậc tiểu học	128	128	0	128	128	0	128	128	0	128	128	0	128	128	0
1	TP Hưng Yên	12	12		12	12		12	12		12	12		12	12	
2	Tiên Lữ	13	13		13	13		13	13		13	13		13	13	
3	Phù Cừ	11	11		11	11		11	11		11	11		11	11	
4	Kim Động	11	11		11	11		11	11		11	11		11	11	
5	Ân Thi	17	17		17	17		17	17		17	17		17	17	
6	Yên Mỹ	14	14		14	14		14	14		14	14		14	14	
7	Mỹ Hào	12	12		12	12		12	12		12	12		12	12	
8	Văn Lâm	11	11		11	11		11	11		11	11		11	11	
9	Văn Giang	10	10		10	10		10	10		10	10		10	10	
10	Khoái Châu	17	17		17	17		17	17		17	17		17	17	
3	Bậc THCS	134	134	0	134	134	0	134	134	0	134	134	0	134	134	0
1	TP Hưng Yên	13	13		13	13		13	13		13	13		13	13	
2	Tiên Lữ	12	12		12	12		12	12		12	12		12	12	

TT	Đơn vị	Chia ra các năm														
		2021			2022			2023			2024			2025		
		Tổng số	Công lập	Ngoài CL	Tổng số	Công lập	Ngoài CL	Tổng số	Công lập	Ngoài CL	Tổng số	Công lập	Ngoài CL	Tổng số	Công lập	Ngoài CL
3	Phù Cừ	12	12		12	12		12	12		12	12		12	12	
4	Kim Động	12	12		12	12		12	12		12	12		12	12	
5	Ân Thi	17	17		17	17		17	17		17	17		17	17	
6	Yên Mỹ	15	15		15	15		15	15		15	15		15	15	
7	Mỹ Hào	12	12		12	12		12	12		12	12		12	12	
8	Văn Lâm	12	12		12	12		12	12		12	12		12	12	
9	Văn Giang	11	11		11	11		11	11		11	11		11	11	
10	Khoái Châu	18	18		18	18		18	18		18	18		18	18	
V	Trường phổ thông có nhiều cấp học	34	34	0	34	34	0	34	34	0	34	34	0	34	34	0
5.1	TH, THCS															
1	TP Hưng Yên	6	6		6	6		6	6		6	6		6	6	
2	Tiên Lữ	2	2		2	2		2	2		2	2		2	2	
3	Phù Cừ	3	3		3	3		3	3		3	3		3	3	
4	Kim Động	6	6		6	6		6	6		6	6		6	6	
5	Ân Thi	4	4		4	4		4	4		4	4		4	4	
6	Yên Mỹ	3	3		3	3		3	3		3	3		3	3	
7	Mỹ Hào	1	1		1	1		1	1		1	1		1	1	
8	Văn Lâm	0			0			0			0			0		
9	Văn Giang	1	1		1	1		1	1		1	1		1	1	
10	Khoái Châu	8	8		8	8		8	8		8	8		8	8	
IV	Bậc THPT	39	25	14	39	24	15	40	24	16	41	24	17	42	24	18
5.1	THPT	35	24	11	34	23	11	34	23	11	34	23	11	34	23	11
5.2	THCS, THPT	1	1		1	1		1	1		1	1		1	1	
5.3	TH,THCS,THPT	3		3	4		4	5		5	6		6	7		7
	Cộng															

Ghi chú: Các trường mầm non, phổ thông công lập xây dựng theo Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 23/11/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.

PHỤ LỤC 02**Kế hoạch xây dựng và công nhận trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên***(Kèm theo Kế hoạch số 27 /KH-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)*

TT	Đơn vị	Tổng số trường hiện có	Thực trạng trường đạt CQG đến hết năm 2020		Kế hoạch xây dựng trường CQG giai đoạn 2021-2025																	
			Tổng số	Trong đó giai đoạn 2016-2020	Tổng số			Chia ra các năm														
					Số đăng ký	Công nhận	Công nhận lại	2021			2022			2023			2024			2025		
								Số đăng ký	Công nhận	Công nhận lại	Số đăng ký	Công nhận	Công nhận lại	Số đăng ký	Công nhận	Công nhận lại	Số đăng ký	Công nhận	Công nhận lại	Số đăng ký	Công nhận	Công nhận lại
I	Bậc mầm non	188	107	70	166	61	105	28	15	13	27	7	20	35	17	18	39	15	24	37	7	30
1	TP. Hưng Yên	20	8	4	16	9	7	2	2		4	2	2	4	2	2	4	3	1	2		2
2	Tiên Lữ	17	10	8	16	5	11	1	1		1		1	3	2	1	8	2	6	3		3
3	Phù Cừ	14	7	4	14	7	7	4	2	2	2	1	1	4	2	2	2	1	1	2	1	1
4	Kim Động	17	13	6	17	4	13	3	1	2	3		3	1		1	3	2	1	7	1	6
5	Ân Thi	22	12	8	21	9	12	3	3		5	1	4	5	3	2	4		4	4	2	2
6	Yên Mỹ	24	11	9	17	7	10	2	1	1	1		1	5	2	3	5	2	3	4	2	2
7	Mỹ Hào	18	15	13	16	1	15	1		1	4		4	4		4	4	1	3	3		3
8	Văn Lâm	14	9	4	11	2	9	2	1	1	2		2	1	1		2		2	4		4
9	Văn Giang	14	10	6	11	1	10	6	1	5				1		1				4		4
10	Khoái Châu	28	12	8	27	16	11	4	3	1	5	3	2	7	5	2	7	4	3	4	1	3
II	Cấp tiểu học	139	136	38	139	8	131	31	2	29	24	2	22	30	1	29	27	1	26	27	2	25
1	TP. Hưng Yên	14	12	2	14	2	12	4	1	3				4	1	3	1		1	5		5
2	Tiên Lữ	13	10	3	13	0	13	2		2	1		1	3		3	4		4	3		3
3	Phù Cừ	12	12	5	12	1	11	4		4	4	1	3	1		1	2		2	1		1
4	Kim Động	11	14		11	2	9	4	1	3	2		2				1		1	4	1	3
5	Ân Thi	20	11	3	20	0	20	2		2	5		5	7		7	5		5	1		1
6	Yên Mỹ	17	20	7	17	1	16	4		4				3		3	5	1	4	5		5
7	Mỹ Hào	13	16	8	13	1	12	2		2	3		3	3		3	2		2	3	1	2
8	Văn Lâm	11	16	5	11	0	11	2		2	2		2	4		4	2		2	1		1
9	Văn Giang	10	13	5	10	0	10	5		5	2		2	1		1	2		2			
10	Khoái Châu	18	12		18	1	17	2		2	5	1	4	4		4	3		3	4		4

TT	Đơn vị	Tổng số trường hiện có	Thực trạng trường đạt CQG đến hết năm 2020		Kế hoạch xây dựng trường CQG giai đoạn 2021-2025																	
					Tổng số			Chia ra các năm														
			Tổng số	Trong đó giai đoạn 2016-2020				2021			2022			2023			2024			2025		
					Số đăng ký	Công nhận	Công nhận lại	Số đăng ký	Công nhận	Công nhận lại	Số đăng ký	Công nhận	Công nhận lại	Số đăng ký	Công nhận	Công nhận lại	Số đăng ký	Công nhận	Công nhận lại	Số đăng ký	Công nhận	Công nhận lại
III	Cấp THCS	169	135	65	169	44	125	22	6	16	41	18	23	38	11	27	38	6	32	30	3	27
1	TP Hưng Yên	19	14	5	19	5	14				4	3	1	3	1	2	5		5	7	1	6
2	Tiên Lữ	14	11	6	14	7	7	2	1	1	6	5	1	2	1	1	2		2	2		2
3	Phù Cừ	15	10	3	15	3	12	2		2	5	3	2	2		2	3		3	3		3
4	Kim Động	18	11	2	18	12	6	3	2	1	5	3	2	6	4	2	3	3		1		1
5	Ân Thi	21	14	8	21	3	18	2	1	1	5		5	5	2	3	5		5	4		4
6	Yên Mỹ	18	18	12	18	3	15				3		3	5		5	8	2	6	2	1	1
7	Mỹ Hào	14	15	9	14	0	14	1		1	4		4	3		3	3		3	3		3
8	Văn Lâm	12	20	9	12	1	11	4		4	2	1	1	3		3	3		3			
9	Văn Giang	12	8	4	12	1	11	5	1	4	2		2	1		1				4		4
10	Khoái Châu	26	14	7	26	9	17	3	1	2	5	3	2	8	3	5	6	1	5	4	1	3
IV	Cấp THPT	39	25	13	32	7	25	5	0	5	9	1	8	9	5	4	4	1	3	5	0	5
	Tổng số trường các bậc học	535	403	186	506	120	386	86	23	63	101	28	73	112	34	78	108	23	85	99	12	87

PHỤ LỤC 03**Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non, phổ thông giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên***(Kèm theo Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)*

TT	NỘI DUNG	Số lượng (phòng)	Trong đó									
			Văn Lâm	TX. Mỹ Hào	Yên Mỹ	Văn Giang	Khoái Châu	Kim Động	Ân Thị	Phù Cừ	Tiên Lữ	TP. Hưng Yên
I	Mầm non											
1	Phòng học	532	0	84	91	71	34	0	80	107	41	24
2	Nhà Vệ sinh cho học sinh	1.111	161	118	139	108	131	55	151	91	73	84
	+ Xây mới	639	121	52	114	52	72	25	88	46	46	23
	+ Sửa chữa	472	40	66	25	56	59	30	63	45	27	61
3	Nhà Vệ sinh cho Giáo viên	302	34	39	72	19	44	22	23	20	16	13
	+ Xây mới	263	30	35	66	18	39	22	19	17	9	8
	+ Sửa chữa	39	4	4	6	1	5	0	4	3	7	5
4	Phòng Giáo dục thể chất	108	22	13	9	11	2	11	22	9	3	6
5	Phòng Giáo dục nghệ thuật	65		8	7	8	0	5	22	7	3	5
6	Nhà bếp	73	18	6	10	6	1	5	10	9	5	3
7	Nhà kho	119	8	8	10	14	3	8	18	41	5	4
8	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em	74	74									
9	Phòng tin học	15	15									
10	Phòng họp	11	11									
11	Phòng y tế	11	11									
II	Tiểu học											
1	Phòng học	558	112	72	92	12	36	28	101	47	40	18
2	Nhà Vệ sinh cho học sinh	351	31	44	36	10	38	44	68	28	26	26
	+ Xây mới	257	25	26	28	10	28	32	54	26	12	16
	+ Sửa chữa	94	6	18	8	0		12	14	2	14	10
3	Nhà Vệ sinh cho Giáo viên	242	23	29	37	12	16	24	28	25	30	18
	+ Xây mới	161	14	21	28	12	14	16	20	16	14	6
	+ Sửa chữa	81	9	8	9	0	2	8	8	9	16	12
4	Phòng Giáo dục thể chất	89	0	12	7	10	1	0	21	9	15	14

TT	NỘI DUNG	Số lượng (phòng)	Trong đó									
			Văn Lâm	TX. Mỹ Hào	Yên Mỹ	Văn Giang	Khoái Châu	Kim Động	Ân Thị	Phù Cừ	Tiên Lữ	TP. Hưng Yên
13	Phòng Khoa học tự nhiên	9	9									
14	Phòng Khoa học xã hội	16	16									
15	Phòng thiết bị giáo dục	5	5									
16	Phòng tư vấn tâm lý học đường	10	10									
17	Phòng Đội thiếu niên	3	3									
18	Phòng truyền thống	4	4									
IV	Khối THPT											
1	Phòng học	122		4	1	12		39	18	9	39	
2	Nhà Vệ sinh cho học sinh	84	2	10	18	5	17	8	12	8	0	4
	+ Xây mới	42	2	4	6	4	6	6	4	8	0	2
	+ Sửa chữa	42	0	6	12	1	11	2	8	0	0	2
3	Nhà Vệ sinh cho Giáo viên	64	3	8	23	2	16	4	2	4	2	0
	+ Xây mới	25	3	4	2	2	8	2	0	4	0	0
	+ Sửa chữa	39	0	4	21	0	8	2	2	0	2	0
4	Phòng Tổ bộ môn	47		4	3		19	15		3	3	
5	Phòng chuẩn bị	24	5	1	1		2	10		1	4	
6	Phòng Thư viện	9	1		2			2		2	2	

PHỤ LỤC 04**Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng chuẩn trình độ giáo viên giai đoạn 2021-2025 đối với các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập tỉnh Hưng Yên***(Kèm theo Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)*

TT	Đơn vị	Tổng số 2020-2030	Tổng số cử đi học giai đoạn 2020-2025	Tỷ lệ đi học 2020-2025 so với 2020-2030	Năm 2021				Năm 2022				Năm 2023				Năm 2024				Năm 2025			
					Tổng	MN	TH	THCS	Tổng	MN	TH	THCS	Tổng	MN	TH	THCS	Tổng	MN	TH	THCS	Tổng	MN	TH	THCS
1	TP. Hưng Yên	225	132	59	19	3	10	6	28	3	17	8	28	3	17	8	28	3	18	7	29	4	18	7
2	Văn Lâm	272	162	60	20	8	5	7	34	8	18	8	36	8	19	9	36	8	19	9	36	8	19	9
3	Văn Giang	193	114	59	8	1	1	6	28	2	18	8	26	2	17	7	26	2	17	7	26	2	17	7
4	Yên Mỹ	264	160	61	22	6	5	11	35	7	15	13	35	7	16	12	34	7	15	12	34	7	15	12
5	TX Mỹ Hào	200	119	60	12	3	2	7	26	4	15	7	27	4	15	8	27	4	15	8	27	4	15	8
6	Ân Thi	301	179	59	21	7	3	11	39	7	19	13	39	7	20	12	40	8	20	12	40	8	20	12
7	Khoái Châu	397	236	59	25	8	3	14	53	10	28	15	53	10	27	16	53	10	27	16	52	10	27	15
8	Kim Động	241	142	59	17	3	6	8	31	3	18	10	32	4	18	10	31	4	18	9	31	4	18	9
9	Tiên Lữ	196	117	60	12	1	4	7	27	3	16	8	26	2	16	8	26	2	16	8	26	2	16	8
10	Phù Cừ	124	74	60	7	2	1	4	17	3	10	4	16	3	9	4	17	3	9	5	17	2	10	5
11	THCS, THPT Hoàng Hoa Thám	1	1	100	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	2,414	1436	59	164	42	40	82	318	50	174	94	318	50	174	94	318	51	174	93	318	51	175	92

PHỤ LỤC 05**Tổng hợp chỉ tiêu kế hoạch giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên***(Kèm theo Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)*

STT	Danh mục, chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện đến tháng 12/2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025				
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Quy mô trường	Trường						
1.1	Mầm non	Trường	188	190	193	195	198	200
	- Công lập	Trường	161	161	161	161	161	161
	- Tư thực	Trường	27	29	32	34	37	39
1.2	Tiểu học	Trường	140	128	128	128	128	128
1.3	THCS	Trường	144	134	134	134	134	134
1.4	Tiểu học và THCS	Trường	25	34	34	34	34	34
1.5	THPT	Trường	35	34	34	34	34	34
	- Công lập	Trường	24	23	23	23	23	23
	- Tư thực	Trường	11	11	11	11	11	11
1.6	THCS và THPT	Trường	1	1	1	1	1	1
1.7	Tiểu học, THCS và THPT	Trường	3	4	4	5	6	7
1.8	Trung tâm GDNN-GDTX	TT	10	10	10	10	10	10
1.9	Trung tâm GDTX tỉnh	TT	1	1	1	1	1	1
2	Số lớp và số học sinh							
2.1	Mầm non							
2.1.1	Nhà trẻ							
	- Số lớp	Lớp	842	919	928	938	947	956
	+ Công lập	Lớp	591	643	650	656	663	669
	+ Tư thực	Lớp	251	276	278	281	284	287
	- Số trẻ ra nhà trẻ	Trẻ	15.916	18.381	18.565	18.750	18.938	19.127
	+ Công lập	Trẻ	12.160	12.867	12.995	13.125	13.256	13.389
	+ Tư thực	Trẻ	3.756	5.514	5.569	5.625	5.681	5.738
	- Dân số 0-2 tuổi	Trẻ	40.638	43.764	44.201	44.643	45.090	45.541
	- Tỷ lệ huy động trẻ dưới 3 tuổi	%	39,2%	42%	42%	42%	42%	42%
2.1.2	Mẫu giáo							
	- Số lớp	Lớp	2.545	2.558	2.475	2.532	2.545	2.570

STT	Danh mục, chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện đến tháng 12/2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025				
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
	+ Công lập	Lớp	1.974	1.895	1.833	1.876	1.885	1.904
	+ Tư thực	Lớp	571	663	642	656	660	666
	- Số trẻ mẫu giáo	Trẻ	65.821	66.331	64.170	65.646	65.974	66.634
	+ Công lập	Trẻ	53.984	53.065	51.336	52.517	52.779	53.307
	+ Tư thực	Trẻ	11.837	13.266	12.834	13.129	13.195	13.327
	- Số trẻ mẫu giáo 5 tuổi	Trẻ	24.781	20.842	22.290	18.339	17.048	18.733
	- Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi	%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
	- Dân số 3-5 tuổi	Trẻ	67.107	66.331	64.170	65.646	65.974	66.634
	- Tỷ lệ huy động trẻ 3-5 tuổi	%	98,1%	100%	100%	100%	100%	100%
2.2	Tiểu học							
2.2.1	Tiểu học (công lập)							
	- Số lớp	Lớp	3.335	3.580	3.647	3.580	3.489	3.325
	Lớp 1	Lớp	706	806	672	719	586	542
	Lớp 2	Lớp	677	706	806	672	719	586
	Lớp 2	Lớp	786	677	706	806	672	719
	Lớp 4	Lớp	605	786	677	706	806	672
	Lớp 5	Lớp	561	605	786	677	706	806
	- Số học sinh	Học sinh	118.771	122.872	121.259	114.337	107.880	99.700
	Lớp 1	Học sinh	24.448	24.121	20.152	21.570	17.589	16.268
	Lớp 2	Học sinh	24.046	24.448	24.121	20.152	21.570	17.589
	Lớp 2	Học sinh	28.492	24.046	24.448	24.121	20.152	21.570
	Lớp 4	Học sinh	21.765	28.492	24.046	24.448	24.121	20.152
	Lớp 5	Học sinh	20.020	21.765	28.492	24.046	24.448	24.121
2.2.2	Tiểu học (tư thực)							
	- Số lớp	Lớp	88	97	104	109	115	120
	Lớp 1	Lớp	21	22	23	24	25	26
	Lớp 2	Lớp	19	21	22	23	24	25
	Lớp 2	Lớp	19	19	21	22	23	24
	Lớp 4	Lớp	16	19	19	21	22	23
	Lớp 5	Lớp	13	16	19	19	21	22
	- Số học sinh	Học sinh	2.298	2.632	2.934	3.133	3.375	3.600
	Lớp 1	Học sinh	555	660	690	720	750	780

STT	Danh mục, chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện đến tháng 12/2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025				
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
	Lớp 2	Học sinh	508	555	660	690	720	750
	Lớp 2	Học sinh	521	508	555	660	690	720
	Lớp 4	Học sinh	388	521	508	555	660	690
	Lớp 5	Học sinh	326	388	521	508	555	660
2.3	THCS							
2.3.1	THCS (công lập)							
	- Số lớp	Lớp	2.001	2,039	2,073	2,281	2,358	2,469
	Lớp 6	Lớp	524	500	545	712	601	611
	Lớp 7	Lớp	504	524	500	545	712	601
	Lớp 8	Lớp	511	504	524	500	545	712
	Lớp 9	Lớp	462	511	504	524	500	545
	- Số học sinh	Học sinh	76.447	79.141	81.362	90.576	94.323	98.751
	Lớp 6	Học sinh	20.299	20.020	21.765	28.492	24.046	24.448
	Lớp 7	Học sinh	19.278	20.299	20.020	21.765	28.492	24.046
	Lớp 8	Học sinh	19.544	19.278	20.299	20.020	21.765	28.492
	Lớp 9	Học sinh	17.326	19.544	19.278	20.299	20.020	21.765
2.3	THCS (tư thực)							
	- Số lớp	Lớp	44	44	47	49	49	56
	Lớp 6	Lớp	14	9	11	15	14	16
	Lớp 7	Lớp	13	14	9	11	15	14
	Lớp 8	Lớp	8	13	14	9	11	15
	Lớp 9	Lớp	9	8	13	14	9	11
	- Số học sinh	Học sinh	1.382	1.465	1.604	1.798	1.743	1.972
	Lớp 6	Học sinh	563	326	388	521	508	555
	Lớp 7	Học sinh	327	563	326	388	521	508
	Lớp 8	Học sinh	249	327	563	326	388	521
	Lớp 9	Học sinh	243	249	327	563	326	388
2.4	THPT							
2.4.1	THPT (công lập)							
	- Số lớp	Lớp	730	730	740	740	775	791
	Lớp 10	Lớp	251	239	250	251	274	267
	Lớp 11	Lớp	240	251	239	250	251	274

STT	Danh mục, chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện đến tháng 12/2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025				
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
	Lớp 12	Lớp	239	240	251	239	250	251
	- Số học sinh	Học sinh	28.538	29,752	30,483	30,500	31,500	32,700
	Lớp 10	Học sinh	9.983	10,500	10,000	10,000	11,500	11,200
	Lớp 11	Học sinh	9.269	9,983	10,500	10,000	10,000	11,500
	Lớp 12	Học sinh	9.286	9,269	9,983	10,500	10,000	10,000
2.4.2	THPT (tự thực)							
	- Số lớp	Lớp	172	182	197	210	223	235
	Lớp 10	Lớp	59	68	70	72	81	81
	Lớp 11	Lớp	55	59	68	70	72	81
	Lớp 12	Lớp	58	55	59	68	70	72
	- Số học sinh	Học sinh	6.543	7.381	8.370	9.100	9.600	10.100
	Lớp 10	Học sinh	2.370	3.000	3.000	3.100	3.500	3.500
	Lớp 11	Học sinh	2.011	2.370	3.000	3.000	3.100	3.500
	Lớp 12	Học sinh	2.162	2.011	2.370	3.000	3.000	3.100
2.5	TT GDNN-GDTX							
	- Số lớp	Lớp	33	33	37	41	46	48
	Lớp 10	Lớp	11	11	15	15	16	17
	Lớp 11	Lớp	11	11	11	15	15	16
	Lớp 12	Lớp	11	11	11	11	15	15
	- Số học sinh	Học sinh	1.485	1.485	1.595	1.700	1.840	1.920
	Lớp 10	Học sinh	495	500	600	600	640	680
	Lớp 11	Học sinh	495	495	500	600	600	640
	Lớp 12	Học sinh	495	490	495	500	600	600
3.	Phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
4.	Phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
5.	Phổ cập giáo dục THCS mức độ 2		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
6.	Phổ cập giáo dục THCS mức độ 3							Đạt
7.	Xoá mù chữ mức độ 2		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
8.	Xây dựng trường chuẩn quốc gia	Trường						
8.1	Mầm non							
	Tổng số trường	Trường	188	190	193	195	198	200
	Số trường đạt CQG	Trường	107	122	130	148	162	164

STT	Danh mục, chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện đến tháng 12/2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025				
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
	Tỷ lệ trường chuẩn	%	56,9%	64,2%	67,4%	75,9%	81,8%	82,0%
8.2	Tiểu học							
	Tổng số trường	Trường	143	128	128	128	128	128
	Số trường đạt CQG	Trường	136	123	125	126	127	128
	Tỷ lệ trường chuẩn	%	95,1%	96,1%	97,7%	98,4%	99,2%	100%
8.3	THCS							
	Tổng số trường	Trường	171	168	168	168	168	168
	Số trường đạt CQG	Trường	135	138	152	159	165	168
	Tỷ lệ trường chuẩn	%	78,9%	82,1%	90,5%	94,6%	98,2%	100%
8.4	THPT							
	Tổng số trường	Trường	39	39	39	40	41	42
	Số trường đạt CQG	Trường	25	25	26	31	32	34
	Tỷ lệ trường chuẩn	%	64,1%	64,1%	66,7%	77,5%	78,0%	81,0%
9.	Cơ sở vật chất trường học							
9.1	Mầm non							
	Tổng số phòng học văn hoá	Phòng	3.369	3.465	3.570	3.680	3.780	3.901
	Số phòng học kiên cố	Phòng	3.023	3.108	3.208	3.323	3.453	3.600
	Tỷ lệ phòng học kiên cố	%	89,7%	89,7%	89,9%	90,3%	91,3%	92,3%
9.2	Tiểu học							
	Tổng số phòng học văn hoá	Phòng	3.293	3.420	3.520	3.600	3.750	3.851
	Số phòng học kiên cố	Phòng	3.126	3.280	3.390	3.520	3.750	3.851
	Tỷ lệ phòng học kiên cố	%	94,9%	95,9%	96,3%	97,8%	100%	100%
9.3	THCS							
	Tổng số phòng học văn hoá	Phòng	2.067	2.120	2.170	2.235	2.336	2.431
	Số phòng học kiên cố	Phòng	2.033	2.095	2.155	2.225	2.300	2.431
	Tỷ lệ phòng học kiên cố	%	98,4%	98,8%	99,3%	99,6%	98,5%	100%
9.4	THPT							
	Tổng số phòng học văn hoá	Phòng	956	980	1.005	1.030	1.055	1.078
	Số phòng học kiên cố	Phòng	929	960	990	1.020	1.055	1.078
	Tỷ lệ phòng học kiên cố	%	97,2%	98,0%	98,5%	99,0%	100%	100%
9.5	TT GDNN-GDTX							
	Tổng số phòng học văn hoá	Phòng	143	143	143	145	145	145

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 của Hội nghị lần thứ Mười một Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIX

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 08/10/2021 của Hội nghị lần thứ Mười một Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIX về Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 08/10/2021 của Hội nghị lần thứ Mười một Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIX về Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Giáo dục và đào tạo Hưng Yên được đổi mới căn bản và toàn diện theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá; chất lượng giáo dục tiếp tục được nâng cao một cách toàn diện, gồm: giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, thể chất, thẩm mỹ, năng lực sáng tạo, năng lực thực hành, năng lực ngoại ngữ và công nghệ nhằm phát triển con người toàn diện, nâng cao dân trí góp phần tăng cường nội lực làm tiền đề thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng Hưng Yên thành tỉnh công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiệu quả cao, phát triển nhanh và bền vững. Phát triển giáo dục theo quy hoạch, bảo đảm cân đối về quy mô, cơ cấu, loại hình; đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài và xã hội hóa giáo dục; xây dựng xã hội học tập.

2. Việc tổ chức thực hiện Nghị quyết phải được cụ thể hóa thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, thiết thực và tổ chức thực hiện đảm bảo hiệu quả, chất lượng, đúng tiến độ.

II. CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUNG YÊN

1. Chỉ tiêu phát triển giáo dục và đào tạo Hưng Yên đến năm 2025

- Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tế của từng địa phương; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo; huy động khoảng 42% trẻ em trong độ tuổi

vào nhà trẻ và 100% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo đến trường; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thể thấp còi giảm xuống còn 2,0%.

- Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3. Phần đầu đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%; học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học vào lớp 6 đạt 100%; học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học lớp 10 đạt khoảng 75%; học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được phân luồng học nghề đạt khoảng 25%; học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông vào các trường đại học đạt trên 55%. Phần đầu có trên 60% học sinh tham gia dự thi học sinh giỏi quốc gia đoạt giải.

- Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn theo Luật Giáo dục 2019: Mầm non đạt 90%-95%; tiểu học đạt 80%-85%, trung học cơ sở đạt 90%-95%.

- Phòng học kiên cố: Mầm non đạt 90%, phổ thông đạt 100%.

- Trường chuẩn quốc gia: Giáo dục mầm non, phổ thông công lập đạt 100%.

- Nâng cao chất lượng giáo dục thường xuyên, duy trì bền vững kết quả xóa mù chữ mức độ 2. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng; tuyên truyền để người dân nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm trong việc tự học, học tập thường xuyên, học tập suốt đời thông qua các trung tâm học tập cộng đồng.

- Nâng cao chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội, phần đầu tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70%, trong đó lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 30%.

- Tiếp tục thu hút các trường đại học, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh; tạo điều kiện để thúc đẩy trường Đại học Bách khoa Hà Nội đầu tư xây dựng cơ sở 2 tại huyện Văn Giang, trường Đại học Công đoàn hoàn thành đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động cơ sở 2 tại huyện Yên Mỹ.

(Chi tiết một số chỉ tiêu theo Phụ lục đính kèm, gồm:

Phụ lục 01: Kế hoạch xây dựng mạng lưới các trường mầm non, phổ thông giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên.

Phụ lục 02: Kế hoạch xây dựng và công nhận trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên.

Phụ lục 03: Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và phổ thông giai đoạn 2021-2025.

Phụ lục 04: Lộ trình nâng trình độ chuẩn giáo viên giai đoạn 2021-2025 đối với các trường Mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập tỉnh Hưng Yên.

Phụ lục 05: Tổng hợp Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên.)

2. Định hướng phát triển giáo dục và đào tạo Hưng Yên đến năm 2030

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện đáp ứng yêu cầu của tỉnh có công nghiệp thuộc nhóm phát triển mạnh của cả nước, nông nghiệp hàng hóa hiệu quả cao, an toàn, bền vững và đáp ứng các yêu cầu chuyển đổi số.

- Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi vào nhà trẻ phân đầu đạt trên 45%, trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo đạt 100%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thể thấp còi dưới 2%; nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo.

- 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1; 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học vào học lớp 6; trên 70% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học lớp 10; trên 30% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được phân luồng học nghề; phân đầu có trên 65% học sinh tham gia dự thi học sinh giỏi quốc gia đoạt giải, có học sinh giỏi quốc tế.

- 100% giáo viên cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông đạt trình độ chuẩn trở lên.

- Phòng học kiên cố, trường đạt chuẩn quốc gia cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông đạt 100%.

- Tiếp tục khuyến khích các trường đại học, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp về đầu tư, phát triển hoạt động tại Khu Đại học Phố Hiến và trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục điều chỉnh mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đảm bảo đúng quy hoạch.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đổi mới mạnh mẽ quản lý nhà nước đối với giáo dục và đào tạo

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra thực hiện của các cấp ủy đảng, chính quyền trong thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 08/10/2021 của Hội nghị lần thứ Mười một Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIX về Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; tiếp tục nghiên cứu, ban hành các chính sách của tỉnh về phát triển giáo dục và đào tạo, thực sự coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu.

- Bảo đảm sự thống nhất trong quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, đồng thời phát huy vai trò, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, các xã, phường, thị trấn. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong quản lý giáo dục. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động giáo dục nhằm đảm bảo kỷ cương, nền nếp và thực hiện có hiệu quả đổi mới công tác quản lý, đổi mới việc dạy và học.

- Tích cực tuyên truyền trong nhân dân và tăng cường công tác quản lý để việc dạy thêm, học thêm, thu góp vừa đáp ứng được nhu cầu học tập thiết thực

của học sinh, vừa ngăn ngừa tình trạng dạy thêm, học thêm, thu góp trái quy định, gây bức xúc xã hội. Phối hợp với các cấp, các ngành xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh; phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội xâm nhập vào trường học.

2. Xây dựng mạng lưới trường, lớp và mở rộng quy mô loại hình đào tạo, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông; thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các trường mầm non, trường phổ thông công lập gắn với nâng cao chất lượng giáo dục; hình thành trường phổ thông có nhiều cấp học (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông); bảo đảm nguyên tắc tạo thuận lợi cho việc học tập của học sinh gắn với các điều kiện bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông và phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tế của từng địa phương theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ Sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Chương trình hành động số 24-CTr/TU ngày 05/02/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 30/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW.

- Triển khai thực hiện hiệu quả các Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 02/KH-UBND ngày 09/01/2020 về thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025; số 14/KH-UBND ngày 22/01/2020 về phát triển giáo dục mầm non tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025 và Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 23/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên phê duyệt quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập để cân đối, điều chỉnh số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông làm cơ sở phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp có đủ về số lượng, bảo đảm cơ cấu giáo viên theo từng môn học, cấp học, nhất là các môn học mới.

- Phát huy hiệu quả, nâng cao chất lượng và nâng mức đạt chuẩn quốc gia đối với các trường đã đạt chuẩn quốc gia; triển khai thực hiện Kế hoạch số 192/KH-UBND ngày 21/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non, phổ thông tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025.

- Đẩy mạnh công tác phân luồng và định hướng nghề nghiệp ở giáo dục phổ thông, bảo đảm đến năm 2025 học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học lớp 10 đạt khoảng 75%; học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được phân luồng học nghề đạt khoảng 25%. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 21/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025” trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Tiếp tục củng cố, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động trung tâm học tập cộng đồng tại các xã, phường, thị trấn.

- Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 07/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Xây dựng cơ chế ưu đãi tạo điều kiện thuận lợi tiếp tục thu hút các trường đại học, cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm nghiên cứu và thực hành, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển, phòng thí nghiệm đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh, nhất là tại Khu Đại học Phố Hiến.

3. Thực hiện đổi mới giáo dục và triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất người học

- Hình thành, phát triển cho học sinh các nhóm phẩm chất, năng lực chủ yếu được xác định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018; thực hiện đúng lộ trình theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Giáo dục mầm non: Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non mới, bảo đảm mục tiêu giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1; phát triển đa dạng các hình thức chăm sóc, giáo dục trẻ dưới 5 tuổi; triển khai thực hiện chương trình hướng dẫn chăm sóc, giáo dục trẻ tại gia đình.

- Giáo dục phổ thông: Triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đảm bảo mục tiêu phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, công nghệ, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời. Đẩy mạnh thực hiện Đề án ngoại ngữ quốc gia phù hợp yêu cầu và lộ trình thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày

25/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Tổ chức biên soạn tài liệu giáo dục địa phương theo quy định và triển khai giảng dạy trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh giáo dục thường xuyên nhằm tạo điều kiện cho mọi người vừa làm vừa học, học liên tục, học tập suốt đời nhằm phát huy năng lực cá nhân, hoàn thiện nhân cách, mở rộng hiểu biết, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ để tìm việc làm, tự tạo việc làm và thích nghi với đời sống xã hội; góp phần xây dựng xã hội học tập.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên.

- Đổi mới mạnh mẽ nội dung giáo dục đại học theo hướng hiện đại, phù hợp với từng ngành, nhóm ngành đào tạo và việc phân tầng của hệ thống giáo dục đại học. Chú trọng phát triển năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết xã hội, từng bước tiếp cận trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới.

- Tiếp tục đổi mới nội dung giáo dục nghề nghiệp được xây dựng theo hướng tích hợp kiến thức, kỹ năng, tác phong làm việc chuyên nghiệp để hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề để đáp ứng nhu cầu nhân lực phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70%, trong đó lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 30%.

4. Đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, thi và đánh giá kết quả giáo dục và đào tạo

- Tăng cường đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của người học, học đi đôi với hành, lý thuyết gắn liền với thực tiễn. Bảo đảm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học, chấm dứt lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực toàn diện; chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang hình thức học tập đa dạng, học trực tuyến dựa trên nền tảng kỹ thuật số, hệ thống đa phương tiện, chú trọng các hoạt động xã hội, ngoại khóa.

- Đẩy mạnh giáo dục STEM theo tinh thần Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tích cực hướng dẫn học sinh trung học nghiên cứu khoa học.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật số trong dạy, học và công tác giáo dục đào tạo. Tích cực hướng dẫn học sinh trung học nghiên cứu khoa học; rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu sách giáo

khoa và tài liệu học tập để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập, dành nhiều thời gian trên lớp cho học sinh luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận, bảo vệ kết quả học tập; giáo viên tổng hợp, nhận xét, đánh giá, kết luận để học sinh tiếp nhận và vận dụng.

- Đa dạng các hình thức tổ chức dạy học; trang bị đầy đủ sách, tài liệu nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên; thiết bị dạy học, vật tư để dạy thực hành thí nghiệm; khuyến khích tổ chức các hoạt động phát triển năng lực học sinh như văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao; thí nghiệm - thực hành, ngày hội công nghệ thông tin; ngày hội sử dụng ngoại ngữ. Tăng cường xây dựng môi trường dạy học và sử dụng ngoại ngữ trong các nhà trường; tăng cường giao lưu, hợp tác giúp học sinh hứng thú học tập, rèn luyện kỹ năng sống, tiếp cận mô hình giáo dục tiên tiến trên thế giới, bảo đảm bản sắc dân tộc.

- Thực hiện đổi mới và tổ chức các kỳ thi an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế, đảm bảo khách quan, phản ánh đúng chất lượng dạy và học; định kỳ tổ chức đánh giá kết quả học tập của học sinh phổ thông trong tỉnh và tham gia các kỳ đánh giá kết quả học tập của học sinh phổ thông cấp quốc gia và quốc tế theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Triển khai thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 03/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tổ chức dạy học an toàn, bảo đảm chương trình và mục tiêu chất lượng giáo dục, đào tạo ứng phó với đại dịch COVID-19.

- Chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch năm học linh hoạt phù hợp với tình hình dịch tại địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập của học sinh trong bối cảnh dịch COVID-19 có thể còn kéo dài, giúp các em vừa đảm bảo sức khỏe, vừa hoàn thành chương trình giáo dục theo kế hoạch và đảm bảo chất lượng giáo dục. Thực hiện dạy học trực tuyến, đào tạo từ xa; chuẩn hóa hệ thống bài giảng, kho học điện tử chia sẻ theo hướng tạo môi trường tương tác, tăng tính thích ứng và trải nghiệm với người học, tăng cường khả năng tự học của học sinh. Xây dựng hệ thống đề thi, bài kiểm tra, ngân hàng câu hỏi phục vụ tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tuyến một cách phù hợp.

5. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo

- Xây dựng đề án phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp đủ về số lượng, bảo đảm cơ cấu giáo viên theo từng môn học, cấp học, nhất là môn học mới; nâng cao chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 giai đoạn 2021- 2025 và các năm tiếp theo.

- Triển khai thực hiện Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo

viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở. Thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 02/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở giai đoạn 1 (2021-2025). Phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn: Giáo dục mầm non đạt 90% - 95%, tiểu học đạt 80% - 85%, trung học cơ sở đạt 90% - 95%; đến năm 2030, 100% giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đạt chuẩn và trên chuẩn.

- Tiếp tục bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông. Chú trọng nâng cao ý thức trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; chấn chỉnh, xử lý nghiêm các đơn vị, cá nhân vi phạm đạo đức nhà giáo.

- Thực hiện tốt chính sách phát triển đội ngũ giáo viên: Thăng hạng chức danh nghề nghiệp, chế độ tiền lương và các phụ cấp, trợ cấp khác; đánh giá, khen thưởng; áp dụng các hình thức khuyến khích, tạo động lực cho đội ngũ nhà giáo chuyên tâm với nghề. Xây dựng các cơ chế để thu hút các nghệ nhân, nghệ sỹ tài năng, chuyên gia, người có trình độ chuyên môn cao tham gia giảng dạy và truyền nghề tại các cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng việc Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với phong trào thi đua “Dạy tốt - Học tốt”.

6. Tăng cường nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế

- Huy động mọi nguồn lực và tăng cường đầu tư ngân sách nhà nước để thực hiện các mục tiêu phát triển giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp. Tăng cường hợp tác, liên kết giữa các cơ sở giáo dục đào tạo và cơ sở giáo dục nghề nghiệp với các cá nhân, doanh nghiệp uy tín trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho các cơ sở giáo dục đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Phấn đấu đạt mục tiêu:

+ Bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị trường học để thực hiện chương trình giáo dục mầm non và chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2021- 2025 theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học theo lộ trình thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

+ Đầu tư xây dựng thay thế phòng học nhờ, phòng học mượn, phòng học tạm, phòng học bán kiên cố đã hết niên hạn sử dụng, đang xuống cấp.

+ Đầu tư xây dựng bổ sung phòng học đạt chuẩn 01 lớp/phòng cấp mầm non và tiểu học; đủ số phòng phục vụ học tập, phòng bộ môn và thư viện cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông.

+ Mua sắm bổ sung đủ số thiết bị dạy học tối thiểu cho giáo dục mầm non và phổ thông, ưu tiên cho các cấp học phổ thông theo lộ trình đổi mới chương trình, sách giáo khoa.

- Xây dựng Đề án cải tạo và nâng cấp nhà vệ sinh cho học sinh; công trình nước sạch trong các trường học, bảo đảm tất cả các trường đều có công trình vệ sinh và công trình nước sạch đạt chuẩn theo quy định. Triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 02/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025.

- Quản lý và sử dụng các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp có hiệu quả, có trọng điểm, tránh đầu tư dàn trải; nâng cao tính tự chủ của các cơ sở giáo dục đảm bảo tính công khai, minh bạch và trách nhiệm đối với Nhà nước, người học và xã hội.

- Đổi mới cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 169/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Tăng cường hoạt động của Hội khuyến học từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn, khu dân cư, dòng họ. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục nhằm huy động tổng hợp các nguồn lực để thực hiện các mục tiêu về phát triển giáo dục và đào tạo.

- Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và các đoàn thể xã hội trong hoạt động giáo dục. Thực hiện có hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi cho học sinh, sinh viên; quan tâm hỗ trợ giải quyết việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp học nghề, tạo điều kiện ổn định về thu nhập.

- Nghiên cứu, triển khai huy động các nguồn lực để hỗ trợ học sinh, sinh viên, người lao động thuộc đối tượng chính sách hoặc có hoàn cảnh khó khăn được tiếp cận các điều kiện, dịch vụ giáo dục, đào tạo.

- Tích cực thu hút các trường đại học, cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp về đầu tư hoạt động trên địa bàn tỉnh. Tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đầu tư thành lập trường mầm non và phổ thông trên địa bàn tỉnh theo quy định pháp luật, nhất là tại các địa phương có nhiều doanh nghiệp hoạt động.

- Mở rộng và nâng cao quan hệ hợp tác quốc tế về giáo dục, đào tạo và dạy nghề; tranh thủ các nguồn lực quốc tế hỗ trợ phát triển giáo dục và đào tạo; vận dụng có chọn lọc phương pháp dạy và học của các mô hình giáo dục tiên

tiên, đẩy nhanh tiến độ đổi mới chương trình, chất lượng đào tạo các trình độ phù hợp với khu vực và quốc tế. Khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ giáo viên, giảng viên đi học tập và nghiên cứu ở nước ngoài bằng nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước.

- Tiếp tục chương trình hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo với tỉnh Incheon của Hàn Quốc, các nước trong khu vực và quốc tế nhằm bồi dưỡng giáo viên tạo điều kiện để giáo viên được học hỏi, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; hỗ trợ các cơ sở giáo dục, đào tạo của tỉnh Hưng Yên hợp tác, trao đổi với các trường của Hàn Quốc, các nước trong khu vực và quốc tế.

- Triển khai dự án, chương trình hợp tác quốc tế về giáo dục, đào tạo và dạy nghề; xây dựng cơ chế quản lý việc tiếp nhận, sử dụng các loại học bổng, tài trợ của nước ngoài.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Đổi mới giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện Kế hoạch trong phạm vi toàn tỉnh.
- Chỉ đạo các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này đảm bảo hiệu quả, chất lượng, tiến độ.
- Đôn đốc, kiểm tra các đơn vị giáo dục trong việc thực hiện Kế hoạch. Tổ chức đánh giá sơ kết vào năm 2023, tổng kết tình hình thực hiện Chương trình vào năm 2025.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo Đổi mới giáo dục và đào tạo tỉnh; tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo Đổi mới giáo dục và đào tạo tỉnh phối hợp với các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố triển khai có hiệu quả Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo nhằm cụ thể hoá và thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nội dung của Kế hoạch.

- Tổ chức quán triệt thực hiện Kế hoạch này trong toàn ngành.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện xã hội hoá giáo dục, có kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển giáo dục, kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp tiêu cực, sai phạm trái với quy định công tác quản lý, phát hiện những tập thể, cá nhân làm tốt công tác giáo dục để đề nghị khen thưởng kịp thời; tổng hợp tình hình, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chủ động làm việc với các đơn vị chuyên môn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục, các cơ quan thuộc các bộ, ngành trên địa bàn để tranh

thủ sự giúp đỡ, hỗ trợ, hợp tác phát triển giáo dục và đào tạo Hưng Yên.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Hướng dẫn các ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố trong việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, chú trọng quan tâm quy hoạch giáo dục và phát triển nguồn nhân lực của tỉnh nhằm tạo sự thống nhất, đồng bộ hoàn thành hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch nhà nước hằng năm gắn với chỉ tiêu phát triển giáo dục và đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Cân đối, bố trí vốn đầu tư xây dựng cơ bản để thực hiện Kế hoạch này.

4. Sở Tài chính

Chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn ngân sách thường xuyên cho giáo dục và đào tạo theo phân cấp; hướng dẫn cơ chế quản lý các nguồn kinh phí thường xuyên theo quy định hiện hành.

5. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố nghiên cứu trình Ủy ban nhân dân tỉnh cơ cấu tổ chức, cơ chế tự chủ và tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính, các chế độ chính sách phù hợp với thực tế, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước; xây dựng quy chế tuyển dụng, luân chuyển cán bộ, giáo viên và giao số lượng người làm việc đội ngũ giáo viên, nhân viên đảm bảo quy định.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện và hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp tại Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 08/10/2021 của Hội nghị lần thứ Mười một Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIX về Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Tổng hợp kế hoạch đào tạo của các ngành, địa phương và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh hàng năm trong từng thời kỳ trình Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quản lý nhà nước, tạo hành lang pháp lý phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp và phát triển nguồn nhân lực.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Xây dựng, các sở, ngành liên quan hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố lập quy hoạch, kế hoạch về

quản lý sử dụng đất trong các cơ sở trường học theo quy định của Luật Đất đai phù hợp với quy mô từng loại hình trường, lớp.

8. Các sở, ban, ngành, đoàn thể

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện xã hội hoá giáo dục, phối hợp với các cấp chính quyền địa phương giám sát thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch, kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp tiêu cực, sai phạm, phát hiện những tập thể cá nhân làm tốt công tác giáo dục để kịp thời khen thưởng.

9. Ban quản lý Khu Đại học Phố Hiến

- Tham mưu UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh Đề án phát triển Khu Đại học Phố Hiến theo quy định; thực hiện các nội dung về thu hút đầu tư phát triển Khu đại học Phố Hiến tại Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 08/10/2021 của Tỉnh ủy.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh nhằm thu hút các trường đại học, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp... về đầu tư hoạt động tại Khu Đại học Phố Hiến.

10. Báo Hưng Yên; Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên

Xây dựng chương trình tuyên truyền trên Báo Hưng Yên; Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên về công tác phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

11. Hội Khuyến học tỉnh

Làm nòng cốt trong việc liên kết, phối hợp với các tổ chức, các lực lượng xã hội tham gia hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, thúc đẩy việc học tập trong gia đình, dòng họ, cộng đồng dân cư; khuyến khích và hỗ trợ việc dạy và học trong nhà trường. Vận động nhân dân xây dựng và duy trì thói quen tự học, ý thức học tập suốt đời phù hợp với điều kiện cụ thể của từng cá nhân. Quan tâm đến những người nghèo, người khuyết tật không có điều kiện học tập và những người có năng khiếu. Liên kết, vận động mọi gia đình và tổ chức xã hội, cùng các cơ sở giáo dục và đào tạo góp phần động viên, chăm lo về vật chất và tinh thần đối với các thầy cô giáo, thực hiện sự kết hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội, học kết hợp với hành, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh.

12. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng Đề án hoặc Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo của địa phương phù hợp với Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh. Việc xây dựng Đề án, hoặc Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo hằng năm của địa phương phải sát với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện, thị xã, thành phố đã được duyệt; đặc biệt chú ý thực hiện các chương trình mục tiêu

quốc gia như chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình giáo dục phổ thông 2018, đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non, phổ thông.

- Chỉ đạo các phòng, ban, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này.

- Đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết định kỳ, tổ chức khen thưởng kịp thời các đơn vị giáo dục thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung của Chương trình đề ra; đồng thời kiểm điểm, phê bình các đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ. Thực hiện tốt chế độ thông tin, báo cáo theo quy định; tham mưu, đề xuất kịp thời các giải pháp phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

13. Các cơ sở giáo dục và đào tạo

- Căn cứ các mục tiêu của Kế hoạch, gắn với chức năng nhiệm vụ của đơn vị xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường; Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo hàng năm và trong từng thời kỳ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Kế hoạch phải đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ và lộ trình thực hiện những mục tiêu cụ thể đối với từng cấp học.

- Tổ chức triển khai Kế hoạch này đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

- Huy động mọi nguồn lực để đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng giáo dục. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. *lethan*

Nơi nhận: *nh*

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm TT-HN;
- Lưu: VT, KGVX^{Ph}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Duy Hưng

PHỤ LỤC 01

Kế hoạch xây dựng mạng lưới các trường mầm non, phổ thông giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên
(Kèm theo Kế hoạch số 27 /KH-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Đơn vị	Chia ra các năm														
		2021			2022			2023			2024			2025		
		Tổng số	Công lập	Ngoài CL	Tổng số	Công lập	Ngoài CL	Tổng số	Công lập	Ngoài CL	Tổng số	Công lập	Ngoài CL	Tổng số	Công lập	Ngoài CL
I	Bậc mầm non	190	161	29	193	161	32	195	161	34	198	161	37	200	161	39
1	TP Hưng Yên	22	17	5	22	17	5	22	17	5	22	17	5	22	17	5
2	Tiên Lữ	16	15	1	16	15	1	16	15	1	16	15	1	16	15	1
3	Phù Cừ	14	14	0	14	14		14	14		15	14	1	15	14	1
4	Kim Động	17	17	0	17	17		17	17		17	17		17	17	
5	Ân Thi	23	21	2	23	21	2	24	21	3	24	21	3	25	21	4
6	Yên Mỹ	23	17	6	24	17	7	25	17	8	25	17	8	26	17	9
7	Mỹ Hào	19	13	6	20	13	7	20	13	7	21	13	8	21	13	8
8	Văn Lâm	14	11	3	14	11	3	14	11	3	15	11	4	15	11	4
9	Văn Giang	14	11	3	15	11	4	15	11	4	15	11	4	15	11	4
10	Khoái Châu	28	25	3	28	25	3	28	25	3	28	25	3	28	25	3
II	Bậc tiểu học	128	128	0	128	128	0	128	128	0	128	128	0	128	128	0
1	TP Hưng Yên	12	12		12	12		12	12		12	12		12	12	
2	Tiên Lữ	13	13		13	13		13	13		13	13		13	13	
3	Phù Cừ	11	11		11	11		11	11		11	11		11	11	
4	Kim Động	11	11		11	11		11	11		11	11		11	11	
5	Ân Thi	17	17		17	17		17	17		17	17		17	17	
6	Yên Mỹ	14	14		14	14		14	14		14	14		14	14	
7	Mỹ Hào	12	12		12	12		12	12		12	12		12	12	
8	Văn Lâm	11	11		11	11		11	11		11	11		11	11	
9	Văn Giang	10	10		10	10		10	10		10	10		10	10	
10	Khoái Châu	17	17		17	17		17	17		17	17		17	17	
3	Bậc THCS	134	134	0	134	134	0	134	134	0	134	134	0	134	134	0
1	TP Hưng Yên	13	13		13	13		13	13		13	13		13	13	
2	Tiên Lữ	12	12		12	12		12	12		12	12		12	12	

TT	Đơn vị	Chia ra các năm														
		2021			2022			2023			2024			2025		
		Tổng số	Công lập	Ngoài CL	Tổng số	Công lập	Ngoài CL	Tổng số	Công lập	Ngoài CL	Tổng số	Công lập	Ngoài CL	Tổng số	Công lập	Ngoài CL
3	Phù Cừ	12	12		12	12		12	12		12	12		12	12	
4	Kim Động	12	12		12	12		12	12		12	12		12	12	
5	Ân Thi	17	17		17	17		17	17		17	17		17	17	
6	Yên Mỹ	15	15		15	15		15	15		15	15		15	15	
7	Mỹ Hào	12	12		12	12		12	12		12	12		12	12	
8	Văn Lâm	12	12		12	12		12	12		12	12		12	12	
9	Văn Giang	11	11		11	11		11	11		11	11		11	11	
10	Khoái Châu	18	18		18	18		18	18		18	18		18	18	
V	Trường phổ thông có nhiều cấp học	34	34	0	34	34	0	34	34	0	34	34	0	34	34	0
5.1	TH, THCS															
1	TP Hưng Yên	6	6		6	6		6	6		6	6		6	6	
2	Tiên Lữ	2	2		2	2		2	2		2	2		2	2	
3	Phù Cừ	3	3		3	3		3	3		3	3		3	3	
4	Kim Động	6	6		6	6		6	6		6	6		6	6	
5	Ân Thi	4	4		4	4		4	4		4	4		4	4	
6	Yên Mỹ	3	3		3	3		3	3		3	3		3	3	
7	Mỹ Hào	1	1		1	1		1	1		1	1		1	1	
8	Văn Lâm	0			0			0			0			0		
9	Văn Giang	1	1		1	1		1	1		1	1		1	1	
10	Khoái Châu	8	8		8	8		8	8		8	8		8	8	
IV	Bậc THPT	39	25	14	39	24	15	40	24	16	41	24	17	42	24	18
5.1	THPT	35	24	11	34	23	11	34	23	11	34	23	11	34	23	11
5.2	THCS, THPT	1	1		1	1		1	1		1	1		1	1	
5.3	TH,THCS,THPT	3		3	4		4	5		5	6		6	7		7
	Cộng															

Ghi chú: Các trường mầm non, phổ thông công lập xây dựng theo Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 23/11/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.

PHỤ LỤC 02**Kế hoạch xây dựng và công nhận trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên***(Kèm theo Kế hoạch số 27 /KH-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)*

TT	Đơn vị	Tổng số trường hiện có	Thực trạng trường đạt CQG đến hết năm 2020		Kế hoạch xây dựng trường CQG giai đoạn 2021-2025																	
			Tổng số	Trong đó giai đoạn 2016-2020	Tổng số			Chia ra các năm														
					Số đăng ký	Công nhận	Công nhận lại	2021			2022			2023			2024			2025		
								Số đăng ký	Công nhận	Công nhận lại	Số đăng ký	Công nhận	Công nhận lại	Số đăng ký	Công nhận	Công nhận lại	Số đăng ký	Công nhận	Công nhận lại	Số đăng ký	Công nhận	Công nhận lại
I	Bậc mầm non	188	107	70	166	61	105	28	15	13	27	7	20	35	17	18	39	15	24	37	7	30
1	TP. Hưng Yên	20	8	4	16	9	7	2	2		4	2	2	4	2	2	4	3	1	2		2
2	Tiên Lữ	17	10	8	16	5	11	1	1		1		1	3	2	1	8	2	6	3		3
3	Phù Cừ	14	7	4	14	7	7	4	2	2	2	1	1	4	2	2	2	1	1	2	1	1
4	Kim Động	17	13	6	17	4	13	3	1	2	3		3	1		1	3	2	1	7	1	6
5	Ân Thi	22	12	8	21	9	12	3	3		5	1	4	5	3	2	4		4	4	2	2
6	Yên Mỹ	24	11	9	17	7	10	2	1	1	1		1	5	2	3	5	2	3	4	2	2
7	Mỹ Hào	18	15	13	16	1	15	1		1	4		4	4		4	4	1	3	3		3
8	Văn Lâm	14	9	4	11	2	9	2	1	1	2		2	1	1		2		2	4		4
9	Văn Giang	14	10	6	11	1	10	6	1	5				1		1				4		4
10	Khoái Châu	28	12	8	27	16	11	4	3	1	5	3	2	7	5	2	7	4	3	4	1	3
II	Cấp tiểu học	139	136	38	139	8	131	31	2	29	24	2	22	30	1	29	27	1	26	27	2	25
1	TP. Hưng Yên	14	12	2	14	2	12	4	1	3				4	1	3	1		1	5		5
2	Tiên Lữ	13	10	3	13	0	13	2		2	1		1	3		3	4		4	3		3
3	Phù Cừ	12	12	5	12	1	11	4		4	4	1	3	1		1	2		2	1		1
4	Kim Động	11	14		11	2	9	4	1	3	2		2				1		1	4	1	3
5	Ân Thi	20	11	3	20	0	20	2		2	5		5	7		7	5		5	1		1
6	Yên Mỹ	17	20	7	17	1	16	4		4				3		3	5	1	4	5		5
7	Mỹ Hào	13	16	8	13	1	12	2		2	3		3	3		3	2		2	3	1	2
8	Văn Lâm	11	16	5	11	0	11	2		2	2		2	4		4	2		2	1		1
9	Văn Giang	10	13	5	10	0	10	5		5	2		2	1		1	2		2			
10	Khoái Châu	18	12		18	1	17	2		2	5	1	4	4		4	3		3	4		4

TT	Đơn vị	Tổng số trường hiện có	Thực trạng trường đạt CQG đến hết năm 2020		Kế hoạch xây dựng trường CQG giai đoạn 2021-2025																	
					Tổng số			Chia ra các năm														
			Tổng số	Trong đó giai đoạn 2016-2020				2021			2022			2023			2024			2025		
					Số đăng ký	Công nhận	Công nhận lại	Số đăng ký	Công nhận	Công nhận lại	Số đăng ký	Công nhận	Công nhận lại	Số đăng ký	Công nhận	Công nhận lại	Số đăng ký	Công nhận	Công nhận lại	Số đăng ký	Công nhận	Công nhận lại
III	Cấp THCS	169	135	65	169	44	125	22	6	16	41	18	23	38	11	27	38	6	32	30	3	27
1	TP Hưng Yên	19	14	5	19	5	14				4	3	1	3	1	2	5		5	7	1	6
2	Tiên Lữ	14	11	6	14	7	7	2	1	1	6	5	1	2	1	1	2		2	2		2
3	Phù Cừ	15	10	3	15	3	12	2		2	5	3	2	2		2	3		3	3		3
4	Kim Động	18	11	2	18	12	6	3	2	1	5	3	2	6	4	2	3	3		1		1
5	Ân Thi	21	14	8	21	3	18	2	1	1	5		5	5	2	3	5		5	4		4
6	Yên Mỹ	18	18	12	18	3	15				3		3	5		5	8	2	6	2	1	1
7	Mỹ Hào	14	15	9	14	0	14	1		1	4		4	3		3	3		3	3		3
8	Văn Lâm	12	20	9	12	1	11	4		4	2	1	1	3		3	3		3			
9	Văn Giang	12	8	4	12	1	11	5	1	4	2		2	1		1				4		4
10	Khoái Châu	26	14	7	26	9	17	3	1	2	5	3	2	8	3	5	6	1	5	4	1	3
IV	Cấp THPT	39	25	13	32	7	25	5	0	5	9	1	8	9	5	4	4	1	3	5	0	5
	Tổng số trường các bậc học	535	403	186	506	120	386	86	23	63	101	28	73	112	34	78	108	23	85	99	12	87

PHỤ LỤC 03**Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non, phổ thông giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên***(Kèm theo Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)*

TT	NỘI DUNG	Số lượng (phòng)	Trong đó									
			Văn Lâm	TX. Mỹ Hào	Yên Mỹ	Văn Giang	Khoái Châu	Kim Động	Ân Thị	Phù Cừ	Tiên Lữ	TP. Hưng Yên
I	Mầm non											
1	Phòng học	532	0	84	91	71	34	0	80	107	41	24
2	Nhà Vệ sinh cho học sinh	1.111	161	118	139	108	131	55	151	91	73	84
	+ Xây mới	639	121	52	114	52	72	25	88	46	46	23
	+ Sửa chữa	472	40	66	25	56	59	30	63	45	27	61
3	Nhà Vệ sinh cho Giáo viên	302	34	39	72	19	44	22	23	20	16	13
	+ Xây mới	263	30	35	66	18	39	22	19	17	9	8
	+ Sửa chữa	39	4	4	6	1	5	0	4	3	7	5
4	Phòng Giáo dục thể chất	108	22	13	9	11	2	11	22	9	3	6
5	Phòng Giáo dục nghệ thuật	65		8	7	8	0	5	22	7	3	5
6	Nhà bếp	73	18	6	10	6	1	5	10	9	5	3
7	Nhà kho	119	8	8	10	14	3	8	18	41	5	4
8	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em	74	74									
9	Phòng tin học	15	15									
10	Phòng họp	11	11									
11	Phòng y tế	11	11									
II	Tiểu học											
1	Phòng học	558	112	72	92	12	36	28	101	47	40	18
2	Nhà Vệ sinh cho học sinh	351	31	44	36	10	38	44	68	28	26	26
	+ Xây mới	257	25	26	28	10	28	32	54	26	12	16
	+ Sửa chữa	94	6	18	8	0		12	14	2	14	10
3	Nhà Vệ sinh cho Giáo viên	242	23	29	37	12	16	24	28	25	30	18
	+ Xây mới	161	14	21	28	12	14	16	20	16	14	6
	+ Sửa chữa	81	9	8	9	0	2	8	8	9	16	12
4	Phòng Giáo dục thể chất	89	0	12	7	10	1	0	21	9	15	14

TT	NỘI DUNG	Số lượng (phòng)	Trong đó									
			Văn Lâm	TX. Mỹ Hào	Yên Mỹ	Văn Giang	Khoái Châu	Kim Động	Ân Thị	Phù Cừ	Tiên Lữ	TP. Hưng Yên
13	Phòng Khoa học tự nhiên	9	9									
14	Phòng Khoa học xã hội	16	16									
15	Phòng thiết bị giáo dục	5	5									
16	Phòng tư vấn tâm lý học đường	10	10									
17	Phòng Đội thiếu niên	3	3									
18	Phòng truyền thống	4	4									
IV	Khối THPT											
1	Phòng học	122		4	1	12		39	18	9	39	
2	Nhà Vệ sinh cho học sinh	84	2	10	18	5	17	8	12	8	0	4
	+ Xây mới	42	2	4	6	4	6	6	4	8	0	2
	+ Sửa chữa	42	0	6	12	1	11	2	8	0	0	2
3	Nhà Vệ sinh cho Giáo viên	64	3	8	23	2	16	4	2	4	2	0
	+ Xây mới	25	3	4	2	2	8	2	0	4	0	0
	+ Sửa chữa	39	0	4	21	0	8	2	2	0	2	0
4	Phòng Tổ bộ môn	47		4	3		19	15		3	3	
5	Phòng chuẩn bị	24	5	1	1		2	10		1	4	
6	Phòng Thư viện	9	1		2			2		2	2	

PHỤ LỤC 04**Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng chuẩn trình độ giáo viên giai đoạn 2021-2025 đối với các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập tỉnh Hưng Yên***(Kèm theo Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)*

TT	Đơn vị	Tổng số 2020-2030	Tổng số cử đi học giai đoạn 2020-2025	Tỷ lệ đi học 2020-2025 so với 2020-2030	Năm 2021				Năm 2022				Năm 2023				Năm 2024				Năm 2025			
					Tổng	MN	TH	THCS	Tổng	MN	TH	THCS	Tổng	MN	TH	THCS	Tổng	MN	TH	THCS	Tổng	MN	TH	THCS
1	TP. Hưng Yên	225	132	59	19	3	10	6	28	3	17	8	28	3	17	8	28	3	18	7	29	4	18	7
2	Văn Lâm	272	162	60	20	8	5	7	34	8	18	8	36	8	19	9	36	8	19	9	36	8	19	9
3	Văn Giang	193	114	59	8	1	1	6	28	2	18	8	26	2	17	7	26	2	17	7	26	2	17	7
4	Yên Mỹ	264	160	61	22	6	5	11	35	7	15	13	35	7	16	12	34	7	15	12	34	7	15	12
5	TX Mỹ Hào	200	119	60	12	3	2	7	26	4	15	7	27	4	15	8	27	4	15	8	27	4	15	8
6	Ân Thi	301	179	59	21	7	3	11	39	7	19	13	39	7	20	12	40	8	20	12	40	8	20	12
7	Khoái Châu	397	236	59	25	8	3	14	53	10	28	15	53	10	27	16	53	10	27	16	52	10	27	15
8	Kim Động	241	142	59	17	3	6	8	31	3	18	10	32	4	18	10	31	4	18	9	31	4	18	9
9	Tiên Lữ	196	117	60	12	1	4	7	27	3	16	8	26	2	16	8	26	2	16	8	26	2	16	8
10	Phù Cừ	124	74	60	7	2	1	4	17	3	10	4	16	3	9	4	17	3	9	5	17	2	10	5
11	THCS, THPT Hoàng Hoa Thám	1	1	100	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	2,414	1436	59	164	42	40	82	318	50	174	94	318	50	174	94	318	51	174	93	318	51	175	92

PHỤ LỤC 05**Tổng hợp chỉ tiêu kế hoạch giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên***(Kèm theo Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)*

STT	Danh mục, chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện đến tháng 12/2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025				
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Quy mô trường	Trường						
1.1	Mầm non	Trường	188	190	193	195	198	200
	- Công lập	Trường	161	161	161	161	161	161
	- Tư thực	Trường	27	29	32	34	37	39
1.2	Tiểu học	Trường	140	128	128	128	128	128
1.3	THCS	Trường	144	134	134	134	134	134
1.4	Tiểu học và THCS	Trường	25	34	34	34	34	34
1.5	THPT	Trường	35	34	34	34	34	34
	- Công lập	Trường	24	23	23	23	23	23
	- Tư thực	Trường	11	11	11	11	11	11
1.6	THCS và THPT	Trường	1	1	1	1	1	1
1.7	Tiểu học, THCS và THPT	Trường	3	4	4	5	6	7
1.8	Trung tâm GDNN-GDTX	TT	10	10	10	10	10	10
1.9	Trung tâm GDTX tỉnh	TT	1	1	1	1	1	1
2	Số lớp và số học sinh							
2.1	Mầm non							
2.1.1	Nhà trẻ							
	- Số lớp	Lớp	842	919	928	938	947	956
	+ Công lập	Lớp	591	643	650	656	663	669
	+ Tư thực	Lớp	251	276	278	281	284	287
	- Số trẻ ra nhà trẻ	Trẻ	15.916	18.381	18.565	18.750	18.938	19.127
	+ Công lập	Trẻ	12.160	12.867	12.995	13.125	13.256	13.389
	+ Tư thực	Trẻ	3.756	5.514	5.569	5.625	5.681	5.738
	- Dân số 0-2 tuổi	Trẻ	40.638	43.764	44.201	44.643	45.090	45.541
	- Tỷ lệ huy động trẻ dưới 3 tuổi	%	39,2%	42%	42%	42%	42%	42%
2.1.2	Mẫu giáo							
	- Số lớp	Lớp	2.545	2.558	2.475	2.532	2.545	2.570

STT	Danh mục, chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện đến tháng 12/2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025				
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
	+ Công lập	Lớp	1.974	1.895	1.833	1.876	1.885	1.904
	+ Tư thực	Lớp	571	663	642	656	660	666
	- Số trẻ mẫu giáo	Trẻ	65.821	66.331	64.170	65.646	65.974	66.634
	+ Công lập	Trẻ	53.984	53.065	51.336	52.517	52.779	53.307
	+ Tư thực	Trẻ	11.837	13.266	12.834	13.129	13.195	13.327
	- Số trẻ mẫu giáo 5 tuổi	Trẻ	24.781	20.842	22.290	18.339	17.048	18.733
	- Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi	%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
	- Dân số 3-5 tuổi	Trẻ	67.107	66.331	64.170	65.646	65.974	66.634
	- Tỷ lệ huy động trẻ 3-5 tuổi	%	98,1%	100%	100%	100%	100%	100%
2.2	Tiểu học							
2.2.1	Tiểu học (công lập)							
	- Số lớp	Lớp	3.335	3.580	3.647	3.580	3.489	3.325
	Lớp 1	Lớp	706	806	672	719	586	542
	Lớp 2	Lớp	677	706	806	672	719	586
	Lớp 2	Lớp	786	677	706	806	672	719
	Lớp 4	Lớp	605	786	677	706	806	672
	Lớp 5	Lớp	561	605	786	677	706	806
	- Số học sinh	Học sinh	118.771	122.872	121.259	114.337	107.880	99.700
	Lớp 1	Học sinh	24.448	24.121	20.152	21.570	17.589	16.268
	Lớp 2	Học sinh	24.046	24.448	24.121	20.152	21.570	17.589
	Lớp 2	Học sinh	28.492	24.046	24.448	24.121	20.152	21.570
	Lớp 4	Học sinh	21.765	28.492	24.046	24.448	24.121	20.152
	Lớp 5	Học sinh	20.020	21.765	28.492	24.046	24.448	24.121
2.2.2	Tiểu học (tư thực)							
	- Số lớp	Lớp	88	97	104	109	115	120
	Lớp 1	Lớp	21	22	23	24	25	26
	Lớp 2	Lớp	19	21	22	23	24	25
	Lớp 2	Lớp	19	19	21	22	23	24
	Lớp 4	Lớp	16	19	19	21	22	23
	Lớp 5	Lớp	13	16	19	19	21	22
	- Số học sinh	Học sinh	2.298	2.632	2.934	3.133	3.375	3.600
	Lớp 1	Học sinh	555	660	690	720	750	780

STT	Danh mục, chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện đến tháng 12/2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025				
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
	Lớp 2	Học sinh	508	555	660	690	720	750
	Lớp 2	Học sinh	521	508	555	660	690	720
	Lớp 4	Học sinh	388	521	508	555	660	690
	Lớp 5	Học sinh	326	388	521	508	555	660
2.3	THCS							
2.3.1	THCS (công lập)							
	- Số lớp	Lớp	2.001	2,039	2,073	2,281	2,358	2,469
	Lớp 6	Lớp	524	500	545	712	601	611
	Lớp 7	Lớp	504	524	500	545	712	601
	Lớp 8	Lớp	511	504	524	500	545	712
	Lớp 9	Lớp	462	511	504	524	500	545
	- Số học sinh	Học sinh	76.447	79.141	81.362	90.576	94.323	98.751
	Lớp 6	Học sinh	20.299	20.020	21.765	28.492	24.046	24.448
	Lớp 7	Học sinh	19.278	20.299	20.020	21.765	28.492	24.046
	Lớp 8	Học sinh	19.544	19.278	20.299	20.020	21.765	28.492
	Lớp 9	Học sinh	17.326	19.544	19.278	20.299	20.020	21.765
2.3	THCS (tư thực)							
	- Số lớp	Lớp	44	44	47	49	49	56
	Lớp 6	Lớp	14	9	11	15	14	16
	Lớp 7	Lớp	13	14	9	11	15	14
	Lớp 8	Lớp	8	13	14	9	11	15
	Lớp 9	Lớp	9	8	13	14	9	11
	- Số học sinh	Học sinh	1.382	1.465	1.604	1.798	1.743	1.972
	Lớp 6	Học sinh	563	326	388	521	508	555
	Lớp 7	Học sinh	327	563	326	388	521	508
	Lớp 8	Học sinh	249	327	563	326	388	521
	Lớp 9	Học sinh	243	249	327	563	326	388
2.4	THPT							
2.4.1	THPT (công lập)							
	- Số lớp	Lớp	730	730	740	740	775	791
	Lớp 10	Lớp	251	239	250	251	274	267
	Lớp 11	Lớp	240	251	239	250	251	274

STT	Danh mục, chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện đến tháng 12/2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025				
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
	Lớp 12	Lớp	239	240	251	239	250	251
	- Số học sinh	Học sinh	28.538	29,752	30,483	30,500	31,500	32,700
	Lớp 10	Học sinh	9.983	10,500	10,000	10,000	11,500	11,200
	Lớp 11	Học sinh	9.269	9,983	10,500	10,000	10,000	11,500
	Lớp 12	Học sinh	9.286	9,269	9,983	10,500	10,000	10,000
2.4.2	THPT (tự thực)							
	- Số lớp	Lớp	172	182	197	210	223	235
	Lớp 10	Lớp	59	68	70	72	81	81
	Lớp 11	Lớp	55	59	68	70	72	81
	Lớp 12	Lớp	58	55	59	68	70	72
	- Số học sinh	Học sinh	6.543	7.381	8.370	9.100	9.600	10.100
	Lớp 10	Học sinh	2.370	3.000	3.000	3.100	3.500	3.500
	Lớp 11	Học sinh	2.011	2.370	3.000	3.000	3.100	3.500
	Lớp 12	Học sinh	2.162	2.011	2.370	3.000	3.000	3.100
2.5	TT GDNN-GDTX							
	- Số lớp	Lớp	33	33	37	41	46	48
	Lớp 10	Lớp	11	11	15	15	16	17
	Lớp 11	Lớp	11	11	11	15	15	16
	Lớp 12	Lớp	11	11	11	11	15	15
	- Số học sinh	Học sinh	1.485	1.485	1.595	1.700	1.840	1.920
	Lớp 10	Học sinh	495	500	600	600	640	680
	Lớp 11	Học sinh	495	495	500	600	600	640
	Lớp 12	Học sinh	495	490	495	500	600	600
3.	Phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
4.	Phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
5.	Phổ cập giáo dục THCS mức độ 2		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
6.	Phổ cập giáo dục THCS mức độ 3							Đạt
7.	Xoá mù chữ mức độ 2		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
8.	Xây dựng trường chuẩn quốc gia	Trường						
8.1	Mầm non							
	Tổng số trường	Trường	188	190	193	195	198	200
	Số trường đạt CQG	Trường	107	122	130	148	162	164

STT	Danh mục, chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện đến tháng 12/2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025				
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
	Tỷ lệ trường chuẩn	%	56,9%	64,2%	67,4%	75,9%	81,8%	82,0%
8.2	Tiểu học							
	Tổng số trường	Trường	143	128	128	128	128	128
	Số trường đạt CQG	Trường	136	123	125	126	127	128
	Tỷ lệ trường chuẩn	%	95,1%	96,1%	97,7%	98,4%	99,2%	100%
8.3	THCS							
	Tổng số trường	Trường	171	168	168	168	168	168
	Số trường đạt CQG	Trường	135	138	152	159	165	168
	Tỷ lệ trường chuẩn	%	78,9%	82,1%	90,5%	94,6%	98,2%	100%
8.4	THPT							
	Tổng số trường	Trường	39	39	39	40	41	42
	Số trường đạt CQG	Trường	25	25	26	31	32	34
	Tỷ lệ trường chuẩn	%	64,1%	64,1%	66,7%	77,5%	78,0%	81,0%
9.	Cơ sở vật chất trường học							
9.1	Mầm non							
	Tổng số phòng học văn hoá	Phòng	3.369	3.465	3.570	3.680	3.780	3.901
	Số phòng học kiên cố	Phòng	3.023	3.108	3.208	3.323	3.453	3.600
	Tỷ lệ phòng học kiên cố	%	89,7%	89,7%	89,9%	90,3%	91,3%	92,3%
9.2	Tiểu học							
	Tổng số phòng học văn hoá	Phòng	3.293	3.420	3.520	3.600	3.750	3.851
	Số phòng học kiên cố	Phòng	3.126	3.280	3.390	3.520	3.750	3.851
	Tỷ lệ phòng học kiên cố	%	94,9%	95,9%	96,3%	97,8%	100%	100%
9.3	THCS							
	Tổng số phòng học văn hoá	Phòng	2.067	2.120	2.170	2.235	2.336	2.431
	Số phòng học kiên cố	Phòng	2.033	2.095	2.155	2.225	2.300	2.431
	Tỷ lệ phòng học kiên cố	%	98,4%	98,8%	99,3%	99,6%	98,5%	100%
9.4	THPT							
	Tổng số phòng học văn hoá	Phòng	956	980	1.005	1.030	1.055	1.078
	Số phòng học kiên cố	Phòng	929	960	990	1.020	1.055	1.078
	Tỷ lệ phòng học kiên cố	%	97,2%	98,0%	98,5%	99,0%	100%	100%
9.5	TT GDNN-GDTX							
	Tổng số phòng học văn hoá	Phòng	143	143	143	145	145	145

